



Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San
(trước đây là Công ty Cổ phần
Hàng hải Ma San)

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2007

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San
(trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh số 4103002877 ngày 18 tháng 11 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là ngày 26 tháng 8 năm 2009. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị	Nguyễn Đăng Quang	Chủ tịch
	Hồ Hùng Anh	Phó Chủ tịch
	Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên (từ ngày 11/07/2009)
	Nguyễn Thiệu Nam	Thành viên (từ ngày 11/07/2009)
	Madhur Maini	Thành viên (từ ngày 11/07/2009)
	Nguyễn Thanh Hải	Thành viên (đến ngày 11/07/2009)
	Nguyễn Ngọc Hà	Thành viên (đến ngày 11/07/2009)
	Đào Đức Dưa	Thành viên (đến ngày 11/07/2009)
	Phạm Thị Ánh Tuyết	Thành viên (đến ngày 11/07/2009)
Vũ Thành Hoan	Thành viên (đến ngày 11/07/2009)	
Nguyễn Gia Hiến	Thành viên (đến ngày 11/07/2009)	

Trụ sở đăng ký Phòng 802, Tòa nhà Central Plaza
17 Lê Duẩn
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Đơn vị kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



KPMG Limited
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Nhà đầu tư
Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San
(trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San) (“Công ty”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết minh trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

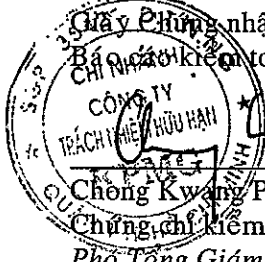
Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các phương diện trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San) tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp nhận rộng rãi tại Việt Nam.

Chúng tôi lưu ý rằng chúng tôi không kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh liên quan. Do vậy, chúng tôi không đưa ra ý kiến về các báo cáo này.

KPMG Limited

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345
Báo cáo kiểm toán số: 08-01-553



Chông Kwang Puay
Chứng chỉ kiểm toán viên số N0864/KTV
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, 27 AUG 2009

Võ Thanh Phú Quốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số N1079/KTV

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San
(trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2007

	Mã số	Thuyết minh	2007 VNĐ	2006 VNĐ
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		34.114.554.667	3.510.558.236
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	586.133.003	205.942.987
Tiền	111		586.133.003	205.942.987
Các khoản phải thu	130		459.421.664	1.825.863.361
Phải thu thương mại	131		446.972.084	1.825.141.361
Trả trước cho người bán	132		12.449.580	722.000
Hàng tồn kho	140		-	718.680.835
Hàng tồn kho	141	4	-	718.680.835
Tài sản ngắn hạn khác	150		33.069.000.000	760.071.053
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	127.972.176
Thuế thu nhập doanh nghiệp được hoàn lại	154		-	511.512.459
Tài sản ngắn hạn khác	158	5	33.069.000.000	120.586.418
Tài sản dài hạn	200		-	36.636.750.805
Tài sản cố định	220		-	36.619.359.455
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	6	-	36.619.359.455
Nguyên giá	225		-	59.382.745.062
Khấu hao lũy kế	226		-	(22.763.385.607)
Tài sản dài hạn khác	260		-	17.391.350
Tài sản dài hạn khác	268		-	17.391.350
TỔNG TÀI SẢN	270		34.114.554.667	40.147.309.041

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San
(trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2007 VNĐ	2006 VNĐ
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.715.969.944	13.512.105.850
Nợ ngắn hạn	310		1.715.969.944	13.512.105.850
Vay ngắn hạn	311	7	-	12.175.541.620
Phải trả thương mại	312		246.446.343	895.094.491
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	8	1.320.911.170	99.077
Phải trả công nhân viên	315		-	16.224.474
Chi phí trích trước	316		137.462.791	56.850.000
Phải trả khác	319	9	11.149.640	368.296.188
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		32.398.584.723	26.635.203.191
Vốn chủ sở hữu	410		32.398.584.723	26.635.203.191
Vốn cổ phần	411	10	32.000.000.000	32.000.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối/(lỗ lũy kế)	420		398.584.723	(5.364.796.809)
TỔNG NGUỒN VỐN	440		34.114.554.667	40.147.309.041

Người lập:



Trần Thị Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

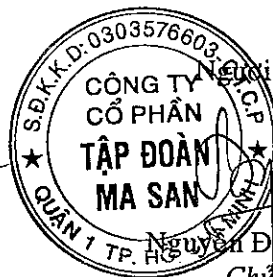
27 AUG 2009

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San**(trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)****Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007**

	Mã số	Thuyết minh	2007 VNĐ	2006 VNĐ
Tổng doanh thu	01	11	24.290.408.619	28.863.388.372
Giá vốn hàng bán	11	12	(27.035.535.571)	(26.136.565.161)
(Lỗ)/lợi nhuận gộp	20		(2.745.126.952)	2.726.823.211
Doanh thu hoạt động tài chính	21	13	118.628.872	128.988.525
Chi phí hoạt động tài chính	22	14	(940.090.311)	(2.712.495.245)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	15	(1.485.700.573)	(1.944.096.230)
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(5.052.288.964)	(1.800.779.739)
Kết quả từ các hoạt động khác	40			
Thu nhập khác	31	16	42.194.250.000	1.557.351.744
Chi phí khác	32	17	(26.722.235.278)	-
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	50		10.419.725.758	(243.427.995)
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	18	(1.776.344.226)	-
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	18	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) thuần	60		8.643.381.532	(243.427.995)

Người lập:

Trần Thị Minh Nguyệt
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

27 AUG 2009

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San
(trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

	Vốn góp VNĐ	(Lỗ lũy kế)/lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2006	32.000.000.000	(5.121.368.814)	26.878.631.186
Lỗ thuần trong năm	-	(243.427.995)	(243.427.995)
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2007	32.000.000.000	(5.364.796.809)	26.635.203.191
Lợi nhuận thuần trong năm	-	8.643.381.532	8.643.381.532
Cổ tức (Thuyết minh 19)	-	(2.880.000.000)	(2.880.000.000)
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2007	32.000.000.000	398.584.723	32.398.584.723

Người lập:



Trần Thị Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Nguyễn Văn Quang
Chủ tịch

27 AUG 2009

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San**(trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007**

	Mã số	Thuyết minh	2007 VNĐ	2006 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01		10.419.725.758	(243.427.995)
Điều chỉnh cho				
Khấu hao	02		9.897.124.177	11.876.549.012
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		(15.472.014.722)	-
Thu lãi tiền gửi	05		(55.110.570)	(51.020.728)
Chi phí lãi vay	06		919.959.700	2.245.773.408
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		5.709.684.343	13.827.873.697
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		1.563.391.641	11.713.667.565
Biến động hàng tồn kho	10		718.680.835	111.154.087
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		(843.426.053)	(3.043.508.267)
			7.148.330.766	22.609.187.082
Tiền lãi vay đã trả	13		(919.959.700)	(2.245.773.408)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(42.000.000)	(511.512.459)
Tiền thuần thu từ hoạt động kinh doanh	20		6.186.371.066	19.851.901.215
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		42.194.250.000	-
Tiền chi cho vay và ứng trước	25		(33.000.000.000)	-
Tiền thu lãi cho vay	27		55.110.570	51.020.728
Tiền thuần thu từ hoạt động đầu tư	30		9.249.360.570	51.020.728

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San

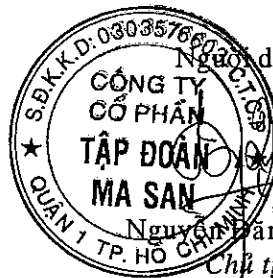
(trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2007 VND	2006 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền vay nhận được	33		-	35.411.595.245
Hoàn trả các khoản vay	34		(12.175.541.620)	(58.171.691.247)
Thanh toán cổ tức	36		(2.880.000.000)	-
Tiền thuần chi cho hoạt động tài chính	40		(15.055.541.620)	(22.760.096.002)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		380.190.016	(2.857.174.059)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		205.942.987	3.063.117.046
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	3	586.133.003	205.942.987

Người lập:

Trần Thị Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

27 AUG 2009

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San
(trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San) (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ vận tải biển.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 Công ty có 2 nhân viên (2006: 14 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam, được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được chấp thuận tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(b) Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái quy định tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ phát sinh trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái quy định tại ngày giao dịch. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đã và chưa thực hiện được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San

(trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

(tiếp theo)

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng khoản phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng. Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- Tàu vận chuyển 5 năm

(h) Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(i) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận khi, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có một nghĩa vụ pháp lý hoặc liên đới mà có thể được ước tính một cách tin cậy và tương đối chắc chắn rằng Công ty phải sử dụng các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các luồng tiền dự tính trong tương lai theo lãi suất trước thuế phản ánh được sự đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro gắn liền với khoản nợ phải trả.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San

(trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

(tiếp theo)

(j) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ được hiện thực hóa.

(k) Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(l) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(m) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(n) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Chế độ Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San
(trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007
(tiếp theo)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	2007	2006
	VNĐ	VNĐ
Tiền mặt	497.607.193	23.017.439
Tiền gửi ngân hàng	88.525.810	182.925.548
	<hr/>	<hr/>
Tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	586.133.003	205.942.987
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Bao gồm trong tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 có các đơn vị tiền tệ khác VNĐ tương đương 13 triệu VNĐ (2006: 16 triệu VNĐ).

4. Hàng tồn kho

	2007	2006
	VNĐ	VNĐ
Công cụ và dụng cụ	-	718.680.835
	<hr/>	<hr/>

5. Tài sản ngắn hạn khác

	2007	2006
	VNĐ	VNĐ
Cho vay ngắn hạn cá nhân	1.000.000.000	-
Ứng trước cho các cổ đông của Công ty	32.000.000.000	-
Tài sản ngắn hạn khác	69.000.000	120.586.418
	<hr/>	<hr/>
	33.069.000.000	120.586.418
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Các khoản cho một cá nhân (bên liên quan) vay ngắn hạn không được đảm bảo, chịu lãi suất năm là 12% và được hoàn trả vào ngày 31 tháng 7 năm 2008.

Các khoản ứng trước cho các cổ đông của Công ty không được bảo đảm, không chịu lãi suất và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San

(trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

(tiếp theo)

6. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Tàu vận chuyển	
	2007 VNĐ	2006 VNĐ
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	59.382.745.062	59.382.745.062
Thanh lý	(59.382.745.062)	-
Số dư cuối năm	-	59.382.745.062
Khấu hao lũy kế		
Số dư đầu năm	22.763.385.607	10.886.836.595
Khấu hao trong năm	9.897.124.177	11.876.549.012
Thanh lý	(32.660.509.784)	-
Số dư cuối năm	-	22.763.385.607
Giá trị còn lại		
Số dư cuối năm	-	36.619.359.455
Số dư đầu năm	36.619.359.455	48.495.908.467

7. Vay ngắn hạn

	2007 VNĐ	2006 VNĐ
Vay ngắn hạn từ một cá nhân	-	12.175.541.620

Các khoản vay ngắn hạn từ một cá nhân (bên liên quan) tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 không được đảm bảo và chịu lãi suất năm là 13,2%.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San

(trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

(tiếp theo)

8. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	2007 VNĐ	2006 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	97.928.402	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.222.831.767	-
Thuế thu nhập cá nhân	151.001	99.077
	<hr/> 1.320.911.170	<hr/> 99.077

9. Phải trả khác

Khoản phải trả khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 bao gồm khoản phải trả các bên liên quan là 11 triệu VNĐ (2006: 368 triệu VNĐ). Khoản phi thương mại phải trả các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và được trả theo yêu cầu.

10. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã góp của Công ty là:

	2007		2006	
	Số cổ phiếu	VNĐ	Số cổ phiếu	VNĐ
Vốn cổ phần được duyệt	320.000	32.000.000.000	320.000	32.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	320.000	32.000.000.000	320.000	32.000.000.000
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	320.000	32.000.000.000	320.000	32.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 100.000 đồng. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San

(trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

(tiếp theo)

11. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị dịch vụ đã cung cấp được ghi trên hoá đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

12. Giá vốn hàng bán

	2007	2006
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nhân viên	3.137.688.395	3.771.681.577
Chi phí xăng dầu	5.559.245.921	2.093.517.261
Chi phí sửa chữa và bảo trì	6.487.510.464	6.454.876.654
Khấu hao	9.897.124.177	11.876.549.012
Chi phí bảo hiểm	1.115.039.245	1.206.608.353
Chi phí khác	838.927.369	733.332.304
	<hr/>	<hr/>
	27.035.535.571	26.136.565.161
	<hr/>	<hr/>

13. Doanh thu hoạt động tài chính

	2007	2006
	VNĐ	VNĐ
Lãi tiền gửi ngân hàng và cho vay	55.110.570	51.020.728
Lãi do chênh lệch tỷ giá	63.518.302	77.967.797
	<hr/>	<hr/>
	118.628.872	128.988.525
	<hr/>	<hr/>

14. Chi phí hoạt động tài chính

	2007	2006
	VNĐ	VNĐ
Chi phí lãi vay	919.959.700	2.245.773.408
Lỗ do chênh lệch tỷ giá	20.130.611	466.721.837
	<hr/>	<hr/>
	940.090.311	2.712.495.245
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San
(trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007
(tiếp theo)

15. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2007	2006
	VNĐ	VNĐ
Chi phí nhân viên	743.320.198	657.090.091
Chi phí thuê văn phòng	114.563.231	119.541.000
Chi phí liên lạc	61.508.076	65.887.384
Chi phí đi lại và chi phí khác	566.309.068	1.101.577.755
	<hr/>	<hr/>
	1.485.700.573	1.944.096.230
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

16. Thu nhập khác

	2007	2006
	VNĐ	VNĐ
Thu từ thanh lý tài sản cố định	42.194.250.000	-
Bồi thường bảo hiểm nhận được	-	831.551.000
Bồi thường thanh toán chậm nhận được từ khách hàng	-	725.800.744
	<hr/>	<hr/>
	42.194.250.000	1.557.351.744
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

17. Chi phí khác

	2007	2006
	VNĐ	VNĐ
Giá trị còn lại của tài sản cố định được thanh lý	26.722.235.278	-
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San
(trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007
(tiếp theo)

18. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2007	2006
	VNĐ	VNĐ
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện tại	1.776.344.226	-
Thuế hoãn lại	-	-
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập	1.776.344.226	-
	<hr/>	<hr/>

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2007	2006
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	10.419.725.758	(243.427.995)
	<hr/>	<hr/>
Thuế theo mức thuế suất của Công ty	2.917.523.212	(68.159.839)
Chi phí không được khấu trừ thuế	53.780.757	124.249.431
Lỗ tính thuế được sử dụng	(1.194.959.743)	(56.089.592)
	<hr/>	<hr/>
	1.776.344.226	-
	<hr/>	<hr/>

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 28% trên lợi nhuận tính thuế. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, thuế suất thuế thu nhập của Công ty giảm từ 28% xuống 25% do thay đổi trong luật thuế thu nhập.

19. Cổ tức

Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông của Công ty vào ngày 30 tháng 11 năm 2007 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 2.880 triệu VNĐ (9,000 VNĐ một cổ phiếu) cho các cổ đông.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San
(trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007
(tiếp theo)

20. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

	2007 VNĐ	2006 VNĐ
Các cổ đông		
<i>Công ty Cổ phần Tiếp vận Ma San</i>		
Dịch vụ giao nhận	9.224.640	371.952.102
Tạm ứng	9.600.000.000	-
<i>Đào Đức Dưa</i>		
Tạm ứng	3.200.000.000	-
Lương và trợ cấp	199.875.000	156.000.000
<i>Vũ Thành Hoan</i>		
Tạm ứng	3.200.000.000	-
<i>Phạm Thị Ánh Tuyết</i>		
Tạm ứng	3.200.000.000	-
<i>Nguyễn Gia Hiển</i>		
Tạm ứng	3.200.000.000	-
<i>Ng Chí Dũng</i>		
Tạm ứng	9.600.000.000	-
Bên liên quan		
<i>Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San</i>		
Vay ngắn hạn	-	4.497.411.040
<i>Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Ma San</i>		
Dịch vụ bảo trì hệ thống	21.102.000	56.423.750
<i>Nguyễn Quỳnh Lâm – một cổ đông của công ty mẹ</i> <i>Công ty Cổ phần Tiếp vận Ma San</i>		
Cho vay	1.000.000.000	-
Tiền thu từ các khoản vay	-	12.175.541.620
Hoàn trả khoản vay	12.175.541.620	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San

(trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

(tiếp theo)

21. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Vào ngày 11 tháng 7 năm 2009 Hội đồng Quản trị của Công ty thống nhất phê duyệt việc chia tách cổ phiếu theo tỷ lệ 1:10. Số lượng cổ phiếu phổ thông sau khi chia tách là 3.200.000 cổ phiếu với mệnh giá mới là 10.000 VNĐ mỗi cổ phiếu.

Cùng ngày, Hội đồng Quản trị cũng thống nhất tăng vốn cổ phần của Công ty lên 100 tỷ đồng thông qua việc phát hành thêm 6.800.000 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VNĐ.

Vốn cổ phần mới của Công ty là 100 tỷ VNĐ đã được duyệt theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh sửa đổi ngày 29 tháng 7 năm 2009.

Người lập:

Trần Thị Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

27 AUG 2009



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San
(trước đây là Công ty Cổ phần
Hàng hải Ma San)**

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2008**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San
(trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh số 4103002877 ngày 18 tháng 11 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là ngày 26 tháng 8 năm 2009. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị	Nguyễn Đăng Quang	Chủ tịch
	Hồ Hùng Anh	Phó Chủ tịch
	Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên (từ ngày 11/07/2009)
	Nguyễn Thiệu Nam	Thành viên (từ ngày 11/07/2009)
	Madhur Maini	Thành viên (từ ngày 11/07/2009)
	Nguyễn Thanh Hải	Thành viên (đến ngày 11/07/2009)
	Nguyễn Ngọc Hà	Thành viên (đến ngày 11/07/2009)
	Đào Đức Dưa	Thành viên (đến ngày 11/07/2009)
	Phạm Thị Ánh Tuyết	Thành viên (đến ngày 11/07/2009)
Vũ Thành Hoan	Thành viên (đến ngày 11/07/2009)	
Nguyễn Gia Hiễn	Thành viên (đến ngày 11/07/2009)	

Trụ sở đăng ký Phòng 802, Tòa nhà Central Plaza
17 Lê Duẩn
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Đơn vị kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



KPMG Limited
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Nhà đầu tư
Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San
(trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)

Phạm vi kiểm toán

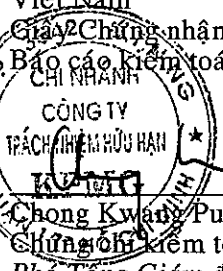
Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San) ("Công ty") tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết minh trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các phương diện trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San) tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp nhận rộng rãi tại Việt Nam.

KPMG Limited

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam
Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345
Báo cáo Kiểm toán số: 08-01-553


Chong Kwang Puay
Chứng chỉ kiểm toán viên số N0864/KTV
Phó Tổng Giám đốc



Võ Thanh Phú Quốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số N1079/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, 27 AUG 2009

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San
(trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

	Mã số	Thuyết minh	2008 VNĐ	2007 VNĐ
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		32.503.968.449	34.114.554.667
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	503.968.449	586.133.003
Tiền	111		503.968.449	586.133.003
Các khoản phải thu	130		-	459.421.664
Phải thu thương mại	131		-	446.972.084
Trả trước cho người bán	132		-	12.449.580
Tài sản ngắn hạn khác	150		32.000.000.000	33.069.000.000
Tài sản ngắn hạn khác	158	4	32.000.000.000	33.069.000.000
TỔNG TÀI SẢN	270		32.503.968.449	34.114.554.667
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		4.555.623	1.715.969.944
Nợ ngắn hạn	310		4.555.623	1.715.969.944
Phải trả thương mại	312		-	246.446.343
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	5	4.555.623	1.320.911.170
Chi phí trích trước	316		-	137.462.791
Phải trả khác	319		-	11.149.640
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		32.499.412.826	32.398.584.723
Vốn chủ sở hữu	410		32.499.412.826	32.398.584.723
Vốn cổ phần	411	6	32.000.000.000	32.000.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	420		499.412.826	398.584.723
TỔNG NGUỒN VỐN	440		32.503.968.449	34.114.554.667

Người lập:



Trần Thị Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

27 AUG 2009

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San

(trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

	Mã số	Thuyết minh	2008 VND	2007 VND
Tổng doanh thu	01		-	24.290.408.619
Giá vốn hàng bán	11		-	(27.035.535.571)
Lỗ gộp	20		-	(2.745.126.952)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	7	89.135.455	118.628.872
Chi phí hoạt động tài chính	22	8	(7.755.150)	(940.090.311)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	9	(76.159.156)	(1.485.700.573)
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		5.221.149	(5.052.288.964)
Kết quả của các hoạt động khác	40			
Thu nhập khác	31	10	150.195.912	42.194.250.000
Chi phí khác	32	11	-	(26.722.235.278)
Lợi nhuận trước thuế	50		155.417.061	10.419.725.758
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	12	(54.588.958)	(1.776.344.226)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	12	-	-
Lợi nhuận thuần	60		100.828.103	8.643.381.532

Người lập:

Trần Thị Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Người duyệt:

27 AUG 2009

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San
(trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

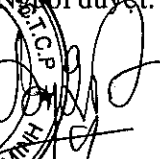
	Vốn góp VNĐ	(Lỗ lũy kế)/Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2007	32.000.000.000	(5.364.796.809)	26.635.203.191
Lợi nhuận thuần trong năm	-	8.643.381.532	8.643.381.532
Cổ tức	-	(2.880.000.000)	(2.880.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	32.000.000.000	398.584.723	32.398.584.723
Lợi nhuận thuần trong năm	-	100.828.103	100.828.103
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	32.000.000.000	499.412.826	32.499.412.826

Người lập:


 Trần Thị Minh Nguyệt
 Kế toán trưởng



Người duyệt:


 Nguyễn Đăng Quang
 Chủ tịch

27 AUG 2009

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San
(trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

	Mã số	Thuyết minh	2008 VNĐ	2007 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		155.417.061	10.419.725.758
Điều chỉnh cho				
Khấu hao	02		-	9.897.124.177
Dự phòng	03		(150.194.262)	-
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		-	(15.472.014.722)
Thu nhập lãi vay	05		(89.135.455)	(55.110.570)
Chi phí lãi vay	06		-	919.959.700
Lỗ/(lợi nhuận) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(83.912.656)	5.709.684.343
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09		359.254.611	1.563.391.641
Biến động hàng tồn kho	10		-	718.680.835
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		(174.229.094)	(843.426.053)
			101.112.861	7.148.330.766
Tiền lãi vay đã trả	13		-	(919.959.700)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.272.412.870)	(42.000.000)
Tiền thuần (chi cho)/ thu từ hoạt động kinh doanh	20		(1.171.300.009)	6.186.371.066
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		-	42.194.250.000
Tiền chi cho các khoản vay và ứng trước	25		-	(33.000.000.000)
Tiền thu từ các khoản vay và ứng trước	26		1.000.000.000	-
Tiền thu lãi cho vay	27		89.135.455	55.110.570
Tiền thuần thu từ hoạt động đầu tư	30		1.089.135.455	9.249.360.570

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San

(trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2008 VNĐ	2007 VNĐ
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Hoàn trả các khoản vay	34		-	(12.175.541.620)
Thanh toán cổ tức	36		-	(2.880.000.000)
Tiền thuần chi cho hoạt động tài chính	40		-	(15.055.541.620)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(82.164.554)	380.190.016
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		586.133.003	205.942.987
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	3	503.968.449	586.133.003

Người lập:

Trần Thị Minh Nguyệt
Kế toán trưởng

Người duyệt:



27 AUG 2009

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San

(trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San) (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ vận tải biển. Trong năm, Công ty không có hoạt động kinh doanh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 Công ty có 1 nhân viên (2007: 2 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam, được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được chấp thuận tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(b) Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái quy định tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ phát sinh trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái quy định tại ngày giao dịch. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá chưa và đã thực hiện được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San
(trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng khoản phải thu khó đòi.

(f) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

(g) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận khi, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có một nghĩa vụ pháp lý hoặc liên đới mà có thể được ước tính một cách tin cậy và tương đối chắc chắn rằng Công ty phải sử dụng các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các luồng tiền dự tính trong tương lai theo lãi suất trước thuế phản ánh được sự đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro gắn liền với khoản nợ phải trả.

(h) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ được hiện thực hóa.

(i) Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

35/
CH
C
TCH
K
/

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San
(trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)

(j) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(k) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(l) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Chế độ Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Tiền mặt	112.700.000	497.607.193
Tiền gửi ngân hàng	391.268.449	88.525.810
	<hr/>	<hr/>
Tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	503.968.449	586.133.003
	<hr/>	<hr/>

Bao gồm trong tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 có số tiền bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ tương đương 26 triệu VNĐ (2007: 13 triệu VNĐ).

4. Tài sản ngắn hạn khác

	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Cho vay ngắn hạn cá nhân	-	1.000.000.000
Ứng trước cho các cổ đông của Công ty	32.000.000.000	32.000.000.000
Tài sản ngắn hạn khác	-	69.000.000
	<hr/>	<hr/>
	32.000.000.000	33.069.000.000
	<hr/>	<hr/>

Các khoản ứng trước cho các cổ đông của Công ty không được bảo đảm, không chịu lãi suất và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San
(trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)

5. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	(70.000)	97.928.402
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.007.855	1.222.831.767
Thuế thu nhập cá nhân	(382.232)	151.001
	4.555.623	1.320.911.170

6. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã góp của Công ty là:

	2008		2007	
	Số cổ phiếu	VNĐ	Số cổ phiếu	VNĐ
Vốn cổ phần được duyệt	320.000	32.000.000.000	320.000	32.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	320.000	32.000.000.000	320.000	32.000.000.000
Cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	320.000	32.000.000.000	320.000	32.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 100.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

7. Doanh thu hoạt động tài chính

	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Lãi tiền gửi ngân hàng và cho vay	89.135.455	55.110.570
Lãi do chênh lệch tỷ giá	-	63.518.302
	89.135.455	118.628.872

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San
(trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)

8. Chi phí hoạt động tài chính

	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Chi phí lãi vay	-	919.959.700
Lỗ do chênh lệch tỷ giá	7.755.150	20.130.611
	<hr/> 7.755.150	<hr/> 940.090.311

9. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Chi phí nhân viên	31.500.000	743.320.198
Chi phí thuê văn phòng	-	114.563.231
Chi phí đi lại	-	207.183.872
Chi phí giao tiếp	4.970.818	61.508.076
Chi phí quản lý khác	39.688.338	359.125.196
	<hr/> 76.159.156	<hr/> 1.485.700.573

10. Thu nhập khác

	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	-	42.194.250.000
Thu nhập khác	150.195.912	-
	<hr/> 150.195.912	<hr/> 42.194.250.000

11. Chi phí khác

	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	-	26.722.235.278
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San
(trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)

12. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2008	2007
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện tại	54.588.958	1.776.344.226
Thuế hoãn lại	-	-
Chi phí thuế thu nhập	<u>54.588.958</u>	<u>1.776.344.226</u>

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2008	2007
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	155.417.061	10.419.725.758
Thuế theo mức thuế suất thuế của Công ty	43.516.777	2.917.523.212
Chi phí không được khấu trừ thuế	11.072.181	53.780.757
Lỗi tính thuế đã sử dụng	-	(1.194.959.743)
Chi phí thuế thu nhập	<u>54.588.958</u>	<u>1.776.344.226</u>

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 28% trên lợi nhuận chịu thuế. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, thuế suất thuế thu nhập của Công ty giảm từ 28% xuống 25% do thay đổi luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San
(trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)

13. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

	2008 VNĐ	2007 VNĐ
Các cổ đông		
<i>Công ty Cổ phần Tiếp vận Ma San</i>		
Dịch vụ giao nhận	-	9.224.640
Tạm ứng	-	9.600.000.000
<i>Đào Đức Dưa</i>		
Tạm ứng	-	3.200.000.000
Lương và trợ cấp	6.500.000	199.875.000
<i>Vũ Thành Hoan</i>		
Tạm ứng	-	3.200.000.000
<i>Phạm Thị Ánh Tuyết</i>		
Tạm ứng	-	3.200.000.000
<i>Nguyễn Gia Hiến</i>		
Tạm ứng	-	3.200.000.000
<i>Ngô Chí Dũng</i>		
Tạm ứng	-	9.600.000.000
Các công ty liên quan		
<i>Công ty Cổ phần CNTT Ma San</i>		
Dịch vụ bảo trì hệ thống	-	21.102.000
<i>Nguyễn Quỳnh Lâm – một cổ đông của công ty mẹ của Công ty Cổ phần Tiếp vận Ma San</i>		
Cho vay	-	1.000.000.000
Tiền thu từ các khoản vay	1.000.000.000	-
Hoàn trả khoản vay	-	12.175.541.620

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San

(trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

(tiếp theo)

14. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Vào ngày 11 tháng 7 năm 2009 Hội đồng Quản trị của Công ty thống nhất phê duyệt việc chia tách cổ phiếu theo tỷ lệ 1:10. Số lượng cổ phiếu phổ thông sau khi chia tách là 3.200.000 cổ phiếu với mệnh giá mới là 10.000 VNĐ mỗi cổ phiếu.

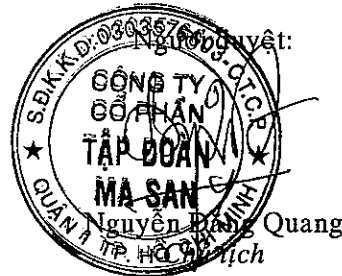
Cùng ngày, Hội đồng Quản trị cũng thống nhất tăng vốn cổ phần của Công ty lên 100 tỷ đồng thông qua việc phát hành thêm 6.800.000 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VNĐ.

Vốn cổ phần mới của Công ty là 100 tỷ VNĐ đã được duyệt theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh sửa đổi ngày 29 tháng 7 năm 2009.

Người lập:



Trần Thị Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



27 AUG 2009



11/11/11



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây
là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San) và các
công ty con**

**Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và báo
cáo tài chính riêng của Công ty cho giai đoạn
tám tháng kết thúc ngày 31 tháng 8 năm 2009**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh số 4103002877 ngày 18 tháng 11 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là giấy chứng nhận ngày 9 tháng 10 năm 2009. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị	Nguyễn Đăng Quang	Chủ tịch
	Hồ Hùng Anh	Phó Chủ tịch
	Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên (từ ngày 11 tháng 7 năm 2009)
	Nguyễn Thiều Nam	Thành viên (từ ngày 11 tháng 7 năm 2009)
	Madhur Maini	Thành viên (từ ngày 11 tháng 7 năm 2009)
	Nguyễn Thanh Hải	Thành viên (đến ngày 11 tháng 7 năm 2009)
	Nguyễn Ngọc Hà	Thành viên (đến ngày 11 tháng 7 năm 2009)
	Đào Đức Dưa	Thành viên (đến ngày 11 tháng 7 năm 2009)
	Phan Thị Ánh Tuyết	Thành viên (đến ngày 11 tháng 7 năm 2009)
	Vũ Thành Hoan	Thành viên (đến ngày 11 tháng 7 năm 2009)
Nguyễn Gia Hiên	Thành viên (đến ngày 11 tháng 7 năm 2009)	

Trụ sở đăng ký Phòng 802, Central Plaza
17 Lê Duẩn
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Đơn vị kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San) (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho giai đoạn tám tháng kết thúc ngày 31 tháng 8 năm 2009 theo nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được chấp thuận tại Việt Nam. Khi lập các báo cáo tài chính, Hội đồng Quản trị phải:


- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và sau đó áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán phù hợp có được tuân thủ hay không, và trong trường hợp không tuân thủ, thuyết minh rõ các khác biệt trọng yếu trong các báo cáo tài chính; và
- lập các báo cáo tài chính theo giả định hoạt động liên tục trừ phi giả định này không còn phù hợp với Công ty hoặc Tập đoàn.

Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm bảo đảm việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty và Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào, và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được chấp thuận tại Việt Nam. Hội đồng Quản trị cũng có trách nhiệm quản lý tài sản của Công ty và Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và những vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị cam kết rằng Công ty và các công ty con đã tuân thủ những yêu cầu trên trong việc lập các báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tôi, Nguyễn Đăng Quang, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và thay mặt cho Hội đồng Quản trị, phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và báo cáo tài chính riêng của Công ty đính kèm cho giai đoạn tám tháng kết thúc ngày 31 tháng 8 năm 2009, được lập theo nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được chấp thuận tại Việt Nam.


Thay mặt Hội đồng Quản trị
CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN
MA SAN
QUẬN 1
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam



KPMG Limited
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

**Kính gửi Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma
San) và các công ty con**

Phạm vi soát xét

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San) (“Công ty”), bảng cân đối kế toán hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) tại ngày 31 tháng 8 năm 2009 và các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất liên quan của Công ty và Tập đoàn cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 đến ngày 31 tháng 8 năm 2009. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban lãnh đạo Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về các báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét các báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 cho Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty hay Tập đoàn và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính và do đó công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận soát xét

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng bảng cân đối kế toán của Công ty và bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 8 năm 2009 và các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất liên quan của Công ty và Tập đoàn cho giai đoạn tám tháng kết thúc cùng ngày không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với nguyên tắc kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 mà nguyên tắc này dựa trên cơ sở nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được chấp thuận tại Việt Nam.

Như được trình bày trong Thuyết minh số 2, các báo cáo tài chính này được lập với mục đích niêm yết cổ phiếu của Công ty tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

KPMG Limited

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam
Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345
Báo cáo kiểm toán số: 08-01-396



Chong Kwang Puay
Chứng chỉ kiểm toán viên số N0864/KTV
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh,

14 OCT 2009

Hà Vũ Định
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0414/KTV

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
và các công ty con**
**Bảng cân đối kế toán riêng và hợp nhất của Công ty và Tập đoàn tại ngày 31 tháng 8
năm 2009**

	Mã số	Tập đoàn Ngày 31/8/2009 VNĐ'000	Công ty Ngày 31/8/2009 VNĐ'000
TÀI SẢN			
Tài sản ngắn hạn	100	1.324.208.201	32.507.251
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	48.733.349	507.251
Tiền	111	48.733.349	507.251
Đầu tư ngắn hạn	120	605.128.000	-
Đầu tư ngắn hạn	121	605.128.000	-
Phải thu ngắn hạn	130	302.014.964	32.000.000
Phải thu thương mại	131	64.607.032	-
Trả trước cho người bán	132	64.120.998	-
Phải thu công ty liên quan	133	108.737.013	32.000.000
Phải thu khác	135	65.759.646	-
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	(1.209.725)	-
Hàng tồn kho	140	319.469.823	-
Hàng tồn kho	141	343.338.478	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	(23.868.655)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150	48.862.065	-
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8.349.439	-
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	27.107.467	-
Thuế và các khoản khác phải thu từ Ngân sách			
Nhà nước	154	10.822.220	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	2.582.939	-

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
và các công ty con**
**Bảng cân đối kế toán riêng và hợp nhất của Công ty và Tập đoàn tại ngày 31 tháng 8
năm 2009 (tiếp theo)**

	Mã số	Tập đoàn Ngày 31/8/2009 VNĐ'000	Công ty Ngày 31/8/2009 VNĐ'000
Tài sản dài hạn	200	4.479.214.121	5.130.589.070
Tài sản cố định	220	477.846.239	-
Tài sản cố định hữu hình	221	366.279.385	-
<i>Nguyên giá</i>	222	476.468.378	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223	(110.188.993)	-
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	14.768.964	-
<i>Nguyên giá</i>	225	16.870.738	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226	(2.101.774)	-
Tài sản cố định vô hình	227	45.251.404	-
<i>Nguyên giá</i>	228	54.186.203	-
<i>Giá trị phân bổ lũy kế</i>	229	(8.934.799)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	230	51.546.486	-
Đầu tư dài hạn	250	3.961.183.439	5.130.589.070
Đầu tư vào các công ty con	251	-	1.258.772.838
Đầu tư dài hạn khác	258	3.961.183.439	3.871.816.232
Tài sản dài hạn khác	260	40.184.443	-
Chi phí trả trước dài hạn	261	19.176.416	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15.299.284	-
Tài sản dài hạn khác	268	1.342.561	-
Lợi thế thương mại	269	4.366.182	-
TỔNG TÀI SẢN	270	5.803.422.322	5.163.096.321

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
và các công ty con**
**Bảng cân đối kế toán riêng và hợp nhất của Công ty và Tập đoàn tại ngày 31 tháng 8
năm 2009 (tiếp theo)**

	Mã số	Tập đoàn Ngày 31/8/2009 VNĐ'000	Công ty Ngày 31/8/2009 VNĐ'000
NGUỒN VỐN			
NỢ PHẢI TRẢ			
Nợ ngắn hạn	310	1.041.495.899	14.683.796
Vay và nợ ngắn hạn	311	570.143.446	-
Phải trả thương mại	312	292.853.316	-
Người mua trả tiền trước	313	8.013.510	-
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	38.248.714	4.556
Phải trả nhân viên	315	54.416	-
Chi phí trích trước	316	114.290.412	375.000
Phải trả công ty liên quan	317	71.081	-
Phải trả khác	319	17.821.004	14.304.240
Nợ dài hạn	330	984.873.115	900.000.000
Vay và nợ dài hạn	334	983.059.608	900.000.000
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	1.813.507	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn chủ sở hữu	410	3.417.919.091	4.248.412.525
Vốn cổ phần	411	3.783.650.010	3.783.650.010
Thặng dư vốn cổ phần	412	464.634.820	464.634.820
Quỹ khác	418	(1.013.232.582)	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	419	(3.750.321)	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420	186.617.164	127.695
Lợi ích cổ đông thiểu số	439	359.134.217	-
TỔNG NGUỒN VỐN		440	5.803.422.322
			5.163.096.321

Người lập:

Lahal

Tạ Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng



Người lập: Dương Quang
Chủ tịch

14 OCT 2009

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
và các công ty con**
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và hợp nhất của Công ty và Tập đoàn
cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 đến ngày 31 tháng 8 năm 2009**

	Mã số	Tập đoàn Giai đoạn từ ngày 1/1/2009 đến ngày 31/8/2009 VNĐ'000	Công ty Giai đoạn từ ngày 1/1/2009 đến ngày 31/8/2009 VNĐ'000
Tổng doanh thu	01	2.268.701.298	-
Các khoản giảm trừ	02	(55.730.911)	-
Doanh thu thuần	10	2.212.970.387	-
Giá vốn hàng bán	11	(1.466.688.153)	-
Lợi nhuận gộp	20	746.282.234	-
Doanh thu hoạt động tài chính	21	66.222.121	7.010
Chi phí hoạt động tài chính	22	(36.324.565)	(375.000)
Chi phí bán hàng	24	(370.566.875)	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(61.007.414)	(3.728)
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30	344.605.501	(371.718)
Kết quả của các hoạt động khác	40		
Thu nhập khác	31	9.972.276	-
Chi phí khác	32	(4.671.655)	-
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	50	349.906.122	(371.718)
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	(39.731.622)	-
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52	9.601.434	-
Lợi nhuận/(lỗ) thuần	60	319.775.934	(371.718)
Lợi nhuận/(lỗ) phân bổ cho:			
Cổ đông thiểu số	61	154.564.355	-
Cổ đông vốn chủ sở hữu của Công ty	62	165.211.579	(371.718)

Người lập:

Lahal

Tạ Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

14 OCT 2009

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San) và các công ty con
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất của Tập đoàn cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 đến ngày 31 tháng 8 năm 2009

Tập đoàn	Vốn cổ phần VNĐ'000	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ'000	Quỹ khác VNĐ'000	Quỹ khen thưởng và phúc lợi VNĐ'000	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ'000	Vốn chủ sở hữu thuộc chủ sở hữu của Công ty VNĐ'000	Cổ đông thiếu số VNĐ'000	Tổng vốn chủ sở hữu VNĐ'000
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	32.000.000	-	227.892.100	(1.391.394)	213.319.102	471.819.808	400.974.286	872.794.094
Vốn cổ phần đã phát hành Ảnh hưởng của việc phát hành vốn cổ phần để mua lại các công ty con chịu sự kiểm soát chung	3.751.650.010	464.634.820	-	-	-	4.216.284.830	-	4.216.284.830
Tặng vốn chủ sở hữu giá định Công ty con (Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San) chia cổ tức dưới hình thức trái phiếu có quyền hoán đổi do công ty mẹ phát hành	-	-	(1.258.772.838)	-	-	(1.258.772.838)	-	(1.258.772.838)
Lợi nhuận thuần trong kỳ Sử dụng quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	6.669.533	-	-	6.669.533	6.071.957	12.741.490
Mua lại lợi ích từ cổ đông thiếu số	-	-	-	(2.191.242)	-	(2.191.242)	(2.017.409)	(4.208.651)
Tặng cổ đông thiếu số của các công ty con	-	-	10.978.623	(167.685)	8.338.337	19.149.275	(19.149.275)	-
Số dư tại ngày 31 tháng 8 năm 2009	3.783.650.010	464.634.820	(1.013.232.582)	(3.750.321)	186.617.164	3.417.919.091	359.134.217	3.777.053.308

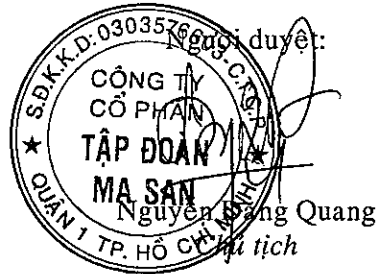
**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
và các công ty con**
**Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu của Công ty cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2009
đến ngày 31 tháng 8 năm 2009**

Công ty	Vốn cổ phần VNĐ'000	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ'000	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ'000	Tổng vốn chủ sở hữu VNĐ'000
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	32.000.000	-	499.413	32.499.413
Vốn cổ phần đã phát hành	3.751.650.010	464.634.820	-	4.216.284.830
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	(371.718)	(371.718)
Số dư tại ngày 31 tháng 8 năm 2009	3.783.650.010	464.634.820	127.695	4.248.412.525

Người lập:

Lahal

Tạ Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng



14 OCT 2009

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
và các công ty con**
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất của Công ty và Tập đoàn cho giai đoạn
từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 đến ngày 31 tháng 8 năm 2009**

	Mã số	Tập đoàn Giai đoạn từ ngày 1/1/2009 đến ngày 31/8/2009 VNĐ'000	Công ty Giai đoạn từ ngày 1/1/2009 đến ngày 31/8/2009 VNĐ'000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01	349.906.122	(371.718)
Điều chỉnh cho			
Khấu hao và phân bổ	02	43.690.749	-
Các khoản dự phòng	03	17.540.406	-
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	05	(32.852)	-
Thu nhập lãi cho vay và cổ tức	05	(55.436.746)	-
Chi phí lãi vay	06	27.861.208	375.000
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	383.528.887	3.282
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	(98.936.216)	-
Biến động hàng tồn kho	10	(152.918.494)	-
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11	113.103.591	-
		244.777.768	3.282
Tiền lãi vay đã trả	13	(26.640.572)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(66.147.304)	-
Tiền chi khác cho hoạt động khác	16	(4.208.651)	-
Tiền thuần chi cho hoạt động kinh doanh	20	147.781.241	3.282

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San) và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và hợp nhất của Công ty và Tập đoàn cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 đến ngày 31 tháng 8 năm 2009 (tiếp theo)

	Mã số	Tập đoàn Giai đoạn từ ngày 1/1/2009 đến ngày 31/8/2009 VNĐ'000	Công ty Giai đoạn từ ngày 1/1/2009 đến ngày 31/8/2009 VNĐ'000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(263.342.638)	-
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	133.698	-
Tiền thu hồi từ cho vay	26	120.000.000	-
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	26	(390.000.000)	-
Tiền thu lãi cho vay và cổ tức	27	1.393.479	-
Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư	30	(531.815.461)	-
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành vốn cổ phần	31	12.741.490	-
Tiền thu từ vốn góp của cổ đông thiểu số vào các công ty con	31	1.000.020	-
Tiền thu từ vay ngắn và dài hạn	33	1.231.010.781	-
Tiền chi trả nợ gốc vay và nợ thuê tài chính	34	(909.453.308)	-
Tiền chi trả cổ tức bởi công ty con	36	(10.371)	-
Tiền thuần thu từ hoạt động tài chính	40	335.288.612	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(48.745.608)	3.282
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	97.478.957	503.969
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	48.733.349	507.251

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San) và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn và Công ty cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 đến ngày 31 tháng 8 năm 2009 (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT CỦA TẬP ĐOÀN VÀ CÔNG TY

CÁC GIAO DỊCH ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH PHI TIỀN TỆ

	<u>Tập đoàn</u> Giai đoạn từ ngày 1/1/2009 đến ngày 31/8/2009 VNĐ'000	<u>Công ty</u> Giai đoạn từ ngày 1/1/2009 đến ngày 31/8/2009 VNĐ'000
Đầu tư dài hạn vào công ty liên kết bằng việc phát hành cổ phiếu và công cụ nợ	3.871.816.232	3.871.816.232
Đầu tư vào công ty con bằng việc phát hành cổ phiếu	-	1.258.772.838
Mua trái phiếu có quyền hoán đổi do công ty mẹ phát hành bằng việc cần trừ công nợ phải thu từ công ty mẹ	400.000.000	-
Công ty con chi trả cổ tức dưới hình thức trái phiếu có quyền hoán đổi do công ty mẹ phát hành	382.551.200	-

Người lập:

Lahal

Tạ Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

14 OCT 2009

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và Công ty cho giai đoạn tám tháng kết thúc ngày 31 tháng 8 năm 2009

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San) (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là chủ quản đầu tư.

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) và phần lợi ích của Tập đoàn trong một công ty liên kết.

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn và Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập với mục đích niêm yết cổ phiếu của Công ty tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

(i) Cơ sở kế toán chung

Cáo báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam làm tròn tới hàng nghìn (“VNĐ’000”), được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được chấp thuận tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Vào ngày 31 tháng 8 năm 2009, Công ty đã tiến hành việc tái cấu trúc và trở thành công ty mẹ sở hữu 54,8% cổ phần của Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San (“Ma San Food”), trước đó là công ty con ngang cấp. Ma San Food sở hữu trực tiếp 96,97% vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Việt Tiến, 94,5% vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Ma San PQ, 99,99% vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Ma San HD, Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt và Công ty Cổ phần Công nghiệp Masan. Công ty Cổ phần Công nghiệp Ma San sở hữu trực tiếp 99,99% vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Hoa Sen. Kết quả của các giao dịch trên là công ty mẹ, Công ty cổ phần Ma San đã chuyển nhượng xấp xỉ 54,8% vốn chủ sở hữu của Ma San Food cho Công ty để đổi lấy 125.877.824 cổ phiếu mới do Công ty phát hành cho công ty mẹ.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
và các công ty con**
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và Công ty cho giai đoạn tám
tháng kết thúc ngày 31 tháng 8 năm 2009 (tiếp theo)**

Sau khi mua lại vốn chủ sở hữu của các công ty này, Công ty trở thành công ty mẹ của các công ty trong Tập đoàn. Do các công ty tham gia vào giao dịch hợp nhất kinh doanh nêu trên đều chịu sự kiểm soát chung của cùng một nhóm cổ đông (“các cổ đông kiểm soát”) trước và sau khi hợp nhất, việc hợp nhất này thỏa mãn định nghĩa hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung bởi vì các cổ đông kiểm soát tiếp tục vẫn nắm rủi ro và lợi ích. Việc hợp nhất kinh doanh chịu sự kiểm soát chung này không nằm trong phạm vi của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 11 *Hợp nhất Kinh doanh* và trong việc lựa chọn chính sách kế toán cho giao dịch hợp nhất kinh doanh này, Tập đoàn đã xem xét Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 01 *Chuẩn mực chung* và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 21 *Trình bày Báo cáo Tài Chính*. Dựa trên những chuẩn mực này, Tập đoàn đã lập các báo cáo tài chính hợp nhất sử dụng cơ sở kế toán sáp nhập (“nguyên tắc mang sang toàn bộ”) giống như đã luôn luôn có sự tồn tại của Tập đoàn. Tài sản và công nợ của các công ty được hợp nhất sử dụng giá trị ghi sổ đứng trên phương diện của các cổ đông kiểm soát. Chênh lệch giữa giá mua và giá trị tài sản thuần được mua được hạch toán như khoản phân chia hoặc khoản góp vốn giả định từ các cổ đông và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Việc tăng vốn chủ sở hữu giả định được ghi nhận vào quỹ khác để phản ánh việc mua lại các công ty con theo phương pháp kế toán sát nhập như thể Tập đoàn đã luôn tồn tại.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty hiện tại trong Tập đoàn như thể cấu trúc tập đoàn hiện tại đã tồn tại trong giai đoạn nêu trong báo cáo này (hoặc đối với các công ty được thành lập sau ngày 1 tháng 1 năm 2009, cho giai đoạn từ ngày thành lập đến ngày kết thúc các kỳ báo cáo liên quan).

(ii) Cơ sở hợp nhất

Công ty con

Các công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát này tồn tại khi Tập đoàn nắm quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có tính đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Các công ty liên kết (các đơn vị nhận đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Các công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có sự ảnh hưởng đáng kể nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty. Sự ảnh hưởng đáng kể này được giả định tồn tại khi Tập đoàn nắm giữ từ 20% đến 50% quyền bỏ phiếu của một công ty khác. Các công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (các đơn vị nhận đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu) trong báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Đầu tư vào các công ty liên kết của Tập đoàn bao gồm lợi thế thương mại được xác định tại thời điểm mua trừ đi giá trị hao mòn lũy kế của lợi thế thương mại. Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của đơn vị nhận đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi được điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, kể từ ngày bắt đầu sự ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày kết thúc sự ảnh hưởng đáng kể. Khi phần sở hữu của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư đó (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm bằng không và Tập đoàn không phải tiếp tục ghi nhận các khoản lỗ phát sinh sau đó trừ khi Tập đoàn có nghĩa vụ phải thanh toán hay đã thanh toán thay cho đơn vị nhận đầu tư.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và Công ty cho giai đoạn tám tháng kết thúc ngày 31 tháng 8 năm 2009 (tiếp theo)

Cổ đông thiểu số

Tại ngày mua lại lợi ích các cổ đông thiểu số hoặc chuyển nhượng cổ phần cho cổ đông thiểu số trong một công ty con nhưng không bị mất quyền kiểm soát, phần chênh lệch giữa giá mua hoặc tiền thu được do chuyển nhượng và giá trị ghi sổ của tài sản thuần được mua hoặc bán tại ngày trao đổi được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty được đầu tư.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VNĐ trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đã và chưa thực hiện được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào tiền gửi kỳ hạn và đầu tư bằng công cụ nợ; khoản đầu tư vào chứng khoán vốn của các công ty mà Công ty hoặc Tập đoàn không có sự kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể; và các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết trong các báo cáo tài chính riêng của Công ty được ghi nhận theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban lãnh đạo Công ty cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này trong trường hợp không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
và các công ty con**
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và Công ty cho giai đoạn tám
tháng kết thúc ngày 31 tháng 8 năm 2009 (tiếp theo)**

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5-25 năm
▪ nâng cấp tài sản thuê	3-5 năm
▪ thiết bị văn phòng	3-6 năm
▪ nhà xưởng và máy móc	3-12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3-6 năm

(h) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty hoặc Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được ghi nhận bằng số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 2(g).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và Công ty cho giai đoạn tám
tháng kết thúc ngày 31 tháng 8 năm 2009 (tiếp theo)**

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua quyền sử dụng đất và toàn bộ các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan đến việc đảm bảo quyền sử dụng đất. Phân bổ được tính theo phương pháp đường thẳng từ 40 đến 47 năm.

(ii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 4 năm.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất trong vòng từ 47 đến 50 năm.

(ii) Công cụ, dụng cụ và trực in

Công cụ, dụng cụ và trực in được ghi theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hữu dụng từ 6 tháng đến 2 năm.

(l) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ các giao dịch mua lại công ty con, công ty liên kết và công ty liên doanh mà không chịu sự kiểm soát chung. Lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị thuần của các tài sản, công nợ và nợ tiềm năng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm. Đối với các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
và các công ty con**
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và Công ty cho giai đoạn tám
tháng kết thúc ngày 31 tháng 8 năm 2009 (tiếp theo)**

(m) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

(n) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận khi, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty hoặc Tập đoàn có một nghĩa vụ pháp lý hoặc liên đới có thể được ước tính một cách tin cậy và tương đối chắc chắn rằng Công ty hoặc Tập đoàn phải sử dụng các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các luồng tiền dự tính trong tương lai theo lãi suất trước thuế phản ánh được sự đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro gắn liền với khoản nợ phải trả đó.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp khoản thuế thu nhập phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư trên bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị xác định theo mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong trường hợp chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn thu được các lợi ích về thuế liên quan này.

Luật thuế và việc áp dụng các luật thuế ở Việt Nam tùy thuộc vào việc diễn giải khác nhau của các nhân viên thuế và thay đổi theo thời gian. Nghĩa vụ thuế phải trả tùy thuộc vào việc kiểm tra và điều tra của nhiều cơ quan thuế mà các cơ quan này được quyền áp đặt mức phạt thuế và lãi. Điều này có thể tạo ra các rủi ro về thuế ở Việt Nam khác biệt về căn bản so với các quốc gia khác. Ban lãnh đạo tin rằng Tập đoàn đã ghi nhận đầy đủ nghĩa vụ thuế trên cơ sở diễn giải của họ về luật thuế bao gồm yêu cầu của định giá chuyển giao và tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, các cơ quan liên quan có thể có những diễn giải khác và ảnh hưởng thuế có thể lớn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và Công ty cho giai đoạn tám tháng kết thúc ngày 31 tháng 8 năm 2009 (tiếp theo)

(o) Vốn cổ phần và quỹ

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại như vốn chủ sở hữu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là khoản giảm vốn chủ sở hữu.

(ii) Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phiếu được ghi nhận như vốn chủ sở hữu được mua lại, số tiền thanh toán, bao gồm chi phí trực tiếp phát sinh khi mua, sau khi trừ ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận như một khoản giảm vào vốn chủ sở hữu. Những cổ phiếu được mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ và được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu.

(p) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Thu nhập cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là khoản thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Công ty hoặc Tập đoàn được xác lập.

Cổ tức nhận được dưới hình thức cổ phiếu được ghi nhận như thu nhập cổ tức theo mệnh giá của cổ phiếu nhận được.

(q) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản cố định sẽ được vốn hoá như một phần của nguyên giá các tài sản cố định này.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
và các công ty con**
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và Công ty cho giai đoạn tám
tháng kết thúc ngày 31 tháng 8 năm 2009 (tiếp theo)**

(s) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

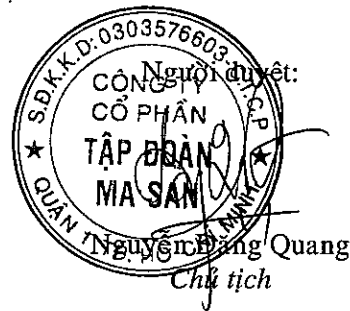
(t) Các hình thức thanh toán bằng cổ phiếu

Cổ phiếu phát hành cho nhân viên làm việc tại công ty theo mệnh giá. Việc mua lại các cổ phiếu này được thực hiện bởi công ty liên quan ngoài Tập đoàn không được ghi nhận bởi Tập đoàn.

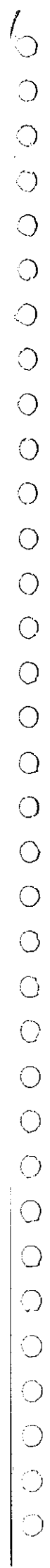
Người lập:

Lahat

Tạ Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng



14 OCT 2009





Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San
(trước đây là Công ty Cổ phần
Hàng hải Ma San)

Báo cáo vốn cổ phần tại
ngày 9 tháng 10 năm 2009



KPMG Limited
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ VỐN CỔ PHẦN TẠI NGÀY 9 THÁNG 10 NĂM 2009

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng báo cáo vốn cổ phần đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San) (“Công ty”) tại ngày 9 tháng 10 năm 2009. Báo cáo này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo đính kèm không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết trình trên báo cáo đính kèm. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Giám đốc Công ty, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo này. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

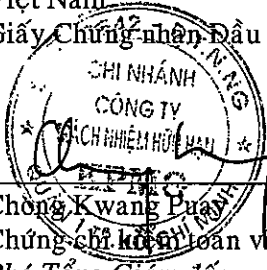
Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo vốn cổ phần đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, vốn cổ phần của Công ty tại ngày 9 tháng 10 năm 2009 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp thuận tại Việt Nam.

KPMG Limited

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đâu tư số: 011043000345



Chồng Kwang Phan
Chứng chỉ kiểm toán viên số N0864/KTV
Phó Tổng Giám đốc

Trần Đình Vinh

Trần Đình Vinh
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0339/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, 13 OCT 2009

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
Báo cáo vốn cổ phần tại ngày 9 tháng 10 năm 2009**

**Vốn cổ phần
VNĐ'000**

Số dư ngày 9 tháng 10 năm 2009

4.763.998.200

Người lập:

Lahel

Tạ Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng



13 OCT 2009

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San)
Thuyết minh báo cáo vốn cổ phần tại ngày 9 tháng 10 năm 2009**

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Hàng hải Ma San) (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là chủ quản đầu tư.

2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo vốn cổ phần này.

(a) Cơ sở lập báo cáo

Báo cáo vốn cổ phần tại ngày 9 tháng 10 năm 2009 (“Báo cáo”), được trình bày bằng nghìn Đồng Việt Nam (“VNĐ’000”), được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp thuận tại Việt Nam.

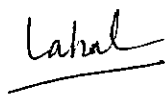
Báo cáo được lập trên cơ sở dồn tích.

(b) Vốn cổ phần

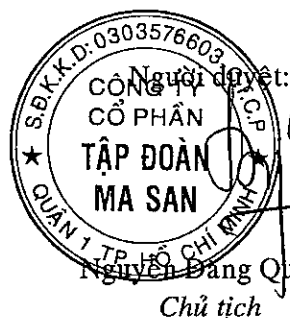
Khi vốn cổ phần được phát hành bằng tiền mặt thì được ghi nhận dựa trên việc thu được tiền.

Khi vốn cổ phần được phát hành bằng việc mua cổ phần của các công ty khác thì được ghi nhận khi hợp đồng ràng buộc về việc chuyển nhượng cổ phần có hiệu lực và sổ cổ đông liên quan được cập nhật.

Người lập:



Tạ Thị Thùy Trang
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

13 OCT 2009





**Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan
và Các công ty con**

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2007**

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan
Thông tin về Công ty

Giấy phép đầu tư số	4103000082	ngày 31 tháng 5 năm 2000
	4103000082	ngày 20 tháng 7 năm 2006
	4103000082	ngày 14 tháng 9 năm 2006
	4103000082	ngày 28 tháng 2 năm 2007
	4103000082	ngày 25 tháng 12 năm 2007

Giấy phép đầu tư và các giấy phép điều chỉnh do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và có giá trị trong 46 năm kể từ ngày cấp Giấy phép đầu tư đầu tiên.

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Đăng Quang	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Thiệu Quang	Thành viên
	Ông Nguyễn Thiệu Nam	Thành viên
	Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên
	Ông Trương Công Thắng	Thành viên
	Ông Don Di Lam	Thành viên (đến ngày 8 tháng 3 năm 2008)
	Ông Hồ Hùng Anh	Thành viên (từ ngày 8 tháng 3 năm 2008)
	Ông Damian Chok	Thành viên

Ban Giám đốc	Ông Trương Công Thắng	Tổng Giám đốc (từ ngày 24 tháng 12 năm 2007)
	Ông Nguyễn Đăng Quang	Tổng Giám đốc (đến ngày 24 tháng 12 năm 2007)
	Bà Nguyễn Hoàng Yến	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Trương Công Thắng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 24 tháng 12 năm 2007)
	Ông Nguyễn Quốc Thúc	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký	Lô III-12, Nhóm Công nghiệp III Khu Công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh Quận Tân Phú Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam
-----------------------	--

Đơn vị kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
-------------------------	-------------------------------

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ TRÁCH NHIỆM TRÌNH BÀY CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho mỗi năm tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp nhận rộng rãi tại Việt Nam (“VAS”), phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh và luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm của Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”). Khi lập các báo cáo tài chính, Hội đồng Quản trị phải:

- chọn các chính sách kế toán phù hợp và sau đó áp dụng những chính sách này một cách nhất quán;
- đưa ra đánh giá và ước tính hợp lý và thận trọng;
- báo cáo việc tuân thủ áp dụng các chuẩn mực kế toán, trừ những ngoại lệ đã được thuyết minh và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- lập các báo cáo tài chính theo giả định hoạt động liên tục trừ khi việc giả định Công ty hoặc Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh là không hợp lý.

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm bảo đảm việc ghi chép đúng sổ sách kế toán của Công ty và những sổ sách này cung cấp một cách tương đối chính xác thông tin tài chính của Công ty và Tập đoàn và bảo đảm việc ghi chép kế toán tuân thủ theo VAS tại mọi thời điểm. Hội đồng Quản trị cũng có trách nhiệm bảo vệ tài sản của Công ty và Tập đoàn và do đó có trách nhiệm thực hiện các bước hợp lý nhằm ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và bất thường.

Hội đồng Quản trị xác nhận Công ty và các công ty con tuân theo những yêu cầu trên trong việc lập các báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 và kết quả hoạt động kinh doanh, thay đổi vốn chủ sở hữu và luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp nhận rộng rãi tại Việt Nam.

Đại diện Hội đồng Quản trị

Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

12 -
NHÀ
DNG
-EMH
PM
PHO



KPMG Limited
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 821 9266
Fax +84 (8) 821 9267
Internet www.kpmg.com

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan và Các công ty con

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan (“Công ty”) và bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và các báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được trình bày từ trang 5 đến trang 46. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này là trách nhiệm của ban lãnh đạo Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Các báo cáo tài chính của năm trước, trước khi được trình bày lại trong Thuyết minh số 35, được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác với báo cáo kiểm toán đề ngày 10 tháng 2 năm 2007 trình bày ý kiến loại trừ với những nội dung sau:

- 1) Tại ngày các báo cáo tài chính được chấp thuận, báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Công nghiệp Masan và Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Hoa Sen, các công ty liên kết của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 vẫn chưa được kiểm toán.
- 2) Số dư hàng tồn kho của Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt (“Mivipack”), một công ty con, bị ghi quá 2,8 tỷ VNĐ do khoản dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời và chậm luân chuyển chưa được lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2006.
- 3) Dự phòng cho các trực in không còn sử dụng của Mivipack với trị giá là 720 triệu VNĐ vẫn chưa được lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2006.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế được chấp thuận tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của ban lãnh đạo Công ty, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính của Công ty và các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, về tình hình tài chính của Công ty và Tập đoàn, tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp nhận rộng rãi tại Việt Nam.

Dù không thay đổi ý kiến chấp nhận toàn phần, chúng tôi muốn lưu ý rằng chúng tôi không kiểm toán các khoản điều chỉnh được áp dụng để trình bày lại trong báo cáo tài chính của năm trước được trình bày trong Thuyết minh số 35.

KPMG Limited

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Giấy phép Đầu tư số 863/GP

Báo cáo kiểm toán số: 07-01-344



Chong Kwang Puy
Chứng chỉ kiểm toán viên số N0864/KTV
Phó Tổng Giám đốc

Trần Đình Vinh

Trần Đình Vinh
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0339/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, 05 APR 2008

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan và Các công ty con
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000 Trình bày lại	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000
TÀI SẢN						
Tài sản ngắn hạn	100		714.871.791	192.858.697	532.351.639	156.744.433
Tiền và các khoản tương tiền	110	4	17.777.261	3.266.905	6.057.616	1.763.582
Tiền	111		17.777.261	3.266.905	6.057.616	1.763.582
Các khoản đầu tư ngắn hạn	120	5	5.485.000	-	-	-
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		5.485.000	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	6	545.139.071	138.913.548	516.011.361	151.123.877
Phải thu thương mại	131		141.122.157	112.662.505	66.879.983	77.120.041
Trả trước cho nhà cung cấp	132		15.567.230	1.848.492	557.675	927.915
Phải thu nội bộ	133		382.095.593	23.028.369	445.969.710	71.772.737
Các khoản phải thu khác	135		6.354.091	1.374.182	2.603.993	1.303.184
Hàng tồn kho	140	7	126.042.250	45.474.387	9.140.187	145.168
Hàng tồn kho	141		131.679.218	47.542.281	9.140.187	145.168
Dự phòng hàng tồn kho	149		(5.636.968)	(2.067.894)	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		20.428.209	5.203.857	1.142.475	3.711.806
Trả trước ngắn hạn	151		4.049.837	194.660	-	751
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.769.069	4.647.010	921.862	3.532.228
Thuế và các khoản phải thu từ Ngân sách Nhà nước	154	8	8.730.579	57.606	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		5.878.724	304.581	220.613	178.827

Các thuyết minh từ trang 16 đến trang 46 là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan và Các công ty con
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
			2007	2006	2007	2006
			VNĐ'000	VNĐ'000	VNĐ'000	VNĐ'000
Tài sản dài hạn	200		307.594.191	119.918.603	230.987.187	88.895.711
Tài sản cố định	220		236.276.101	61.560.279	4.456.420	5.780.760
Tài sản cố định hữu hình	221	9	119.618.100	53.220.057	4.456.420	5.780.760
<i>Nguyên giá</i>	222		177.855.048	85.927.110	9.211.358	9.491.552
<i>Khấu hao lũy kế</i>	223		(58.236.948)	(32.707.053)	(4.754.938)	(3.710.792)
Tài sản cố định vô hình	227	10	115.540.708	7.896.944	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		122.673.538	9.039.192	-	-
<i>Phân bổ lũy kế</i>	229		(7.132.830)	(1.142.248)	-	-
Công trình xây dựng cơ bản dở dang	230	11	1.117.293	443.278	-	-
Bất động sản đầu tư	240	12	951.915	995.992	-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		1.101.944	1.101.944	-	-
<i>Khấu hao lũy kế</i>	242		(150.029)	(105.952)	-	-
Các khoản đầu tư dài hạn	250	13	64.639.021	55.942.656	225.063.636	83.114.951
Đầu tư vào công ty con	251		-	-	160.424.615	26.444.625
Đầu tư vào công ty liên kết	252		-	17.304.757	-	18.032.427
Đầu tư dài hạn khác	258		64.639.021	38.637.899	64.639.021	38.637.899
Tài sản dài hạn khác	260		5.727.154	1.419.676	1.467.131	-
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	4.206.273	1.419.676	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	1.520.881	-	1.467.131	-
TỔNG TÀI SẢN	270		1.022.465.982	312.777.300	763.338.826	245.640.144

Các thuyết minh từ trang 16 đến trang 46 là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan và Các công ty con
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000
NGUỒN VỐN						
NỢ PHẢI TRẢ	300		375.349.996	164.900.160	126.317.268	103.802.011
Nợ ngắn hạn	310		366.106.578	161.572.500	126.040.936	103.674.351
Vay và nợ ngắn hạn	311	16	204.238.945	100.249.814	31.219.673	45.952.468
Phải trả thương mại	312		98.762.898	38.244.726	10.355.759	13.077.317
Tạm ứng từ khách hàng	313		7.502.549	9.144.444	6.645.864	9.071.192
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	17	30.517.989	7.433.307	27.328.553	6.531.560
Phải trả cho nhân viên	315		3.617.508	688.308	-	364.510
Chi phí trích trước	316	18	8.866.785	1.451.116	5.808.494	38.427
Phải trả nội bộ	317	19	2.656.861	1.024.093	44.437.872	28.499.353
Phải trả khác	319	20	9.943.043	3.336.692	244.721	139.524
Nợ dài hạn	330		9.243.418	3.327.660	276.332	127.660
Vay và nợ dài hạn	334	22	8.142.782	3.200.000	-	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	21	1.100.636	127.660	276.332	127.660
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		647.115.986	147.877.140	637.021.558	141.838.133
Vốn chủ sở hữu	410		612.418.499	138.089.399	637.021.558	141.838.133
Vốn cổ phần	411	23	138.395.360	85.000.000	138.395.360	85.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		396.654.000	28.050.000	396.654.000	28.050.000
Lợi nhuận chưa phân phối	420		77.821.185	24.920.063	102.622.914	28.926.084
Quỹ khen thưởng và phúc lợi			(452.046)	119.336	(650.716)	(137.951)
Lợi ích cổ đông thiểu số			34.697.487	9.787.741	-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.022.465.982	312.777.300	763.338.826	245.640.144

Người lập:

Nguyễn Thu Hiền

Nguyễn Thu Hiền
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Trương Công Thắng

Trương Công Thắng
Tổng Giám đốc

05 APR 2008

Các thuyết minh từ trang 16 đến trang 46 là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan và Các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000
Tổng doanh thu	01	24	665.561.842	572.873.398	535.778.649	423.836.526
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	(5.455.900)	(2.362.889)	(4.253.809)	(1.714.691)
Doanh thu thuần	10		660.105.942	570.510.509	531.524.840	422.121.835
Giá vốn hàng bán	11	25	(498.884.609)	(503.091.417)	(410.512.495)	(387.945.015)
Lợi nhuận gộp	20		161.221.333	67.419.092	121.012.345	34.176.820
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	26.662.124	16.745.056	54.480.799	26.132.297
Chi phí hoạt động tài chính	22	27	(12.963.669)	(8.406.035)	(4.859.827)	(3.247.195)
Chi phí bán hàng	24		(42.362.837)	(24.028.733)	(26.850.759)	(9.243.918)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(20.793.024)	(17.264.523)	(15.093.752)	(12.580.375)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		111.763.927	34.464.857	128.688.806	35.237.629
Kết quả của các hoạt động khác	40					
Thu nhập khác	31	28	4.028.876	703.652	1.544.767	58.002
Chi phí khác	32	29	(1.973.583)	(103.451)	(1.392.230)	(17.592)
Kết quả hoạt động kinh doanh từ công ty liên kết			1.319.927	1.452.148	-	-
Lợi nhuận trước thuế	50		115.139.147	36.517.206	128.841.343	35.278.039
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	51	30	(29.862.609)	(7.657.787)	(28.216.284)	(6.897.675)
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hoãn lại	52	30	1.467.131	-	1.467.131	-
Lợi nhuận thuần sau thuế	60		86.743.669	28.859.419	102.092.190	28.380.364
Lợi nhuận phân bổ cho:						
Cổ đông thiểu số			4.929.469	2.196.146	-	-
Cổ đông vốn chủ sở hữu của Công ty			81.814.200	26.663.273	102.092.190	28.380.364

Các thuyết minh từ trang 16 đến trang 46 là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan và Các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2007	2006	2007	2006
	VNĐ'000	VNĐ'000	VNĐ'000	VNĐ'000
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	7.491	4.380	9.348	4.663
(Xem thuyết minh số 33)				

Người lập:



Nguyễn Thu Hiền
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trương Công Thắng
Tổng Giám đốc

05 APR 2008

Các thuyết minh từ trang 16 đến trang 46 là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan và Các công ty con
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

	Vốn cổ phần VNĐ'000	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ'000	Quỹ khen thưởng và phúc lợi VNĐ'000	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ'000	Vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Công ty VNĐ'000	Cổ đông thiếu số VNĐ'000	Tổng vốn chủ sở hữu VNĐ'000
Tập đoàn							
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2006 được trình bày lại	45.000.000	-	-	1.448.722	46.448.722	10.687.996	57.136.718
<i>Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2006 đã trình bày trước đây</i>	<i>45.000.000</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>3.282.406</i>	<i>48.282.406</i>	<i>11.389.779</i>	<i>59.672.185</i>
<i>Các điều chỉnh năm trước (Thuyết minh 35)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>(1.833.684)</i>	<i>(1.833.684)</i>	<i>(701.783)</i>	<i>(2.535.467)</i>
Vốn góp	23.983.000	28.050.000	-	-	52.033.000	-	52.033.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	26.663.273	26.663.273	2.196.146	28.859.419
Chia cổ tức	16.017.000	-	-	(16.017.000)	-	-	-
Kết chuyển sang quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	674.932	(674.932)	-	-	-
Sử dụng quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	(555.596)	-	(555.596)	(175.751)	(731.347)
Hủy cổ tức năm trước	-	-	-	13.500.000	13.500.000	-	13.500.000
Cổ tức đã trả bởi công ty con	-	-	-	-	-	(2.920.650)	(2.920.650)
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2007 được trình bày lại	85.000.000	28.050.000	119.336	24.920.063	138.089.399	9.787.741	147.877.140
<i>Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2007 đã báo cáo trước đây</i>	<i>85.000.000</i>	<i>28.050.000</i>	<i>(56.415)</i>	<i>31.402.962</i>	<i>144.396.547</i>	<i>11.204.188</i>	<i>155.600.735</i>
<i>Các điều chỉnh năm trước (Thuyết minh 35)</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>175.751</i>	<i>(6.482.899)</i>	<i>(6.307.148)</i>	<i>(1.416.447)</i>	<i>(7.723.595)</i>
Vốn góp	25.000.000	368.604.000	-	-	393.604.000	-	393.604.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	81.814.200	81.814.200	4.929.469	86.743.669
Chia cổ tức	28.395.360	-	-	(28.395.360)	-	-	-
Kết chuyển sang quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	517.718	(517.718)	-	-	-
Sử dụng quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	(1.089.100)	-	(1.089.100)	(164.922)	(1.254.022)
Cổ tức đã trả bởi công ty con	-	-	-	-	-	(5.920.000)	(5.920.000)
Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết	-	-	-	-	-	38.668.782	38.668.782
Tập đoàn mua lại lợi ích từ cổ đông thiếu số	-	-	-	-	-	(14.552.102)	(14.552.102)
Cổ đông thiếu số của công ty con	-	-	-	-	-	1.948.519	1.948.519
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2007	138.395.360	396.654.000	(452.046)	77.821.185	612.418.499	34.697.487	647.115.986

Các thuyết minh từ trang 16 đến trang 46 là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan và Các công ty con
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

Công ty

	Vốn cổ phần VNĐ'000	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ'000	Quỹ khen thưởng và phúc lợi VNĐ'000	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ'000	Tổng cộng VNĐ'000
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2006	45.000.000	-	-	3.062.720	48.062.720
Vốn góp	23.983.000	28.050.000	-	-	52.033.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	28.380.364	28.380.364
Chia cổ tức	16.017.000	-	-	(16.017.000)	-
Hủy cổ tức năm trước	-	-	-	13.500.000	13.500.000
Sử dụng quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	(137.951)	-	(137.951)
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2007	85.000.000	28.050.000	(137.951)	28.926.084	141.838.133
Vốn góp	25.000.000	368.604.000	-	-	393.604.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	102.092.190	102.092.190
Chia cổ tức	28.395.360	-	-	(28.395.360)	-
Sử dụng quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	(512.765)	-	(512.765)
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2007	138.395.360	396.654.000	(650.716)	102.622.914	637.021.558

Người lập:



Nguyễn Thu Hiền
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trương Công Thắng
Tổng Giám đốc

05 APR 2008

Các thuyết minh từ trang 16 đến trang 46 là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan và Các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

	Mã số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
			2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000 Trình bày lại	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000 Trình bày lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH						
Lợi nhuận trước thuế	01		115.139.147	36.517.206	128.841.343	35.278.039
Điều chỉnh cho các khoản						
Khấu hao và phân bổ	02		12.140.279	8.563.186	1.530.370	1.452.911
Các khoản dự phòng	03		3.569.074	567.906	-	567.906
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04		-	121.655	-	(222.006)
Lỗ/(lãi) từ hoạt động đầu tư	05		489.645	(3.870.819)	-	(24.552.025)
Chi phí lãi vay	06		11.118.500	6.829.652	3.346.169	1.942.117
Phần góp lợi nhuận và dự phòng của công ty liên kết			(749.256)	(1.452.148)	-	-
Thu nhập cổ tức			-	-	(33.570.626)	(10.643.483)
Thu từ bán cổ phiếu			(9.320.028)	(5.265.000)	(9.320.028)	(5.265.000)
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		132.387.361	42.011.638	90.827.228	(1.441.541)
(Tăng)/giảm các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(366.811.695)	103.691.334	(360.348.153)	(4.412.197)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(29.258.561)	(10.348.241)	(8.995.019)	2.088.965
Tăng/(giảm) các khoản phải trả và nợ khác	11		38.284.801	(113.439.814)	16.292.829	(111.184.899)
			(225.398.094)	21.914.917	(262.223.115)	(114.949.672)
Lãi vay đã trả	13		(11.118.500)	(6.829.652)	(3.346.169)	(1.942.117)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(7.868.734)	(737.771)	(7.261.062)	(737.771)
Chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.254.022)	(731.327)	(512.764)	(137.951)
Tiền thuần (chi cho)/thu từ hoạt động kinh doanh	20		(245.639.350)	13.616.167	(273.343.110)	(117.767.511)

Các thuyết minh từ trang 16 đến trang 46 là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan và Các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000 Trình bày lại	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000 Trình bày lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ						
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(36.412.145)	(6.311.313)	(1.178.477)	(2.364.594)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		1.405.279	171.857	972.447	-
Tiền chi trả cho các khoản đầu tư vào các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-	-	(153.432.452)
Tiền thu từ việc bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		-	7.300.000	-	244.792.152
Tiền chi cho đầu tư vào các đơn vị khác	25		(147.103.817)	(48.950.810)	(152.988.685)	(49.245.805)
Tiền thu hồi từ đầu tư vào các đơn vị khác	26		20.360.028	7.290.000	20.360.028	19.855.000
Tiền thu cổ tức	27		-	2.433.483	31.600.626	9.677.025
Cổ đông thiểu số của công ty con			1.948.519	-	-	-
Tiền thuần (chi cho)/thu từ hoạt động đầu tư	30		(159.802.136)	(38.066.783)	(101.234.061)	69.281.326
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH						
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		393.604.000	52.031.000	393.604.000	52.033.000
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		427.953.821	191.957.636	-	71.595.473
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(395.685.979)	(221.733.544)	(14.732.795)	(77.909.924)
Tiền chi trả cổ tức	36		(5.920.000)	(2.800.000)	-	-
Tiền thuần thu từ hoạt động tài chính	40		419.951.842	19.455.092	378.871.205	45.718.549
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		14.510.356	(4.995.524)	4.294.034	(2.767.636)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		3.266.905	8.262.429	1.763.582	4.531.218
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	4	17.777.261	3.266.905	6.057.616	1.763.582

Các thuyết minh từ trang 16 đến trang 46 là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan và Các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tiền chi trả cho các khoản đầu tư vào các đơn vị khác

Trong năm, Tập đoàn mua thêm 30% sở hữu trong Công ty Cổ phần Công nghiệp Masan và chuyển công ty này từ công ty liên kết với sở hữu 30% thành công ty con với sở hữu 60%:

	Giá trị được ghi nhận vào thời điểm mua VNĐ'000
Tài sản cố định hữu hình	45.018.081
Tài sản cố định vô hình	48.490.332
Công trình xây dựng cơ bản dở dang	1.024.147
Chi phí trả trước dài hạn	1.200.309
Tài sản thuế hoãn lại	53.750
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.787.098
Các khoản đầu tư ngắn hạn	5.485.000
Phải thu thương mại và các khoản phải thu khác	54.638.180
Hàng tồn kho	54.878.376
Phải trả thương mại và các khoản phải trả khác	(40.414.943)
Các khoản vay	(76.664.071)
Các khoản dự phòng	(824.304)
	<hr/>
Tài sản và nợ thuần có thể xác định được	96.671.955
Trừ đi:	
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	(29.001.586)
Phần tài sản thuần của cổ đông thiểu số	(38.668.782)
Thêm vào:	
Lợi thế thương mại hình thành trong việc mua công ty con	15.998.413
	<hr/>
Khoản tiền đã trả	45.000.000
Trừ đi: tiền mặt nhận được	(3.787.098)
	<hr/>
Lưu chuyển tiền từ việc mua công ty con, tiền thuần nhận được	41.212.902
	<hr/>

Tập đoàn cũng tăng phần sở hữu trong Công ty Liên doanh Chế biến Thực phẩm Vitecfood từ 71,2% lên 100% và trong Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt từ 69,8% lên 100%.

Các thuyết minh từ trang 16 đến trang 46 là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan và Các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)

	VNĐ'000
Giá trị mang sang của cổ đông thiểu số nhận được	14.552.102
Lợi thế thương mại hình thành trong việc mua công ty con	43.350.118
	<hr/>
Khoản tiền đã trả	57.902.220
	<hr/>
Ảnh hưởng của các khoản tiền khác	
Các khoản đầu tư vào các đơn vị khác đã trả	26.001.122
Tăng vốn góp vào một công ty	21.987.573
	<hr/>
	47.988.695
	<hr/>
Tổng cộng các khoản chi trả cho hoạt động đầu tư vào các đơn vị khác trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	147.103.817
	<hr/>

Người lập:

Nguyễn Thu Hiền
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Trương Công Thắng
Tổng Giám đốc

05 APR 2008

Các thuyết minh từ trang 16 đến trang 46 là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan và Các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Hoạt động chính

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam với hoạt động chính là mua bán máy móc, xe ô tô, công cụ và dụng cụ, vật liệu, dụng cụ gia đình, máy vi tính, thiết bị văn phòng, thực phẩm, sản phẩm nông-lâm-ngư nghiệp theo Giấy phép Đầu tư số 4103000082 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư (“BKĐ”) cấp ngày 31 tháng 5 năm 2000 và được điều chỉnh vào ngày 20 tháng 7 năm 2006, ngày 14 tháng 9 năm 2006, ngày 28 tháng 2 năm 2007 và ngày 25 tháng 12 năm 2007 (sau đây được gọi chung là “Giấy phép đầu tư”). Giấy phép đầu tư có giá trị trong 46 năm kể từ ngày cấp giấy phép đầu tư đầu tiên.

Các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”). Các báo cáo chi tiết của các công ty con được trình bày trong Thuyết minh số 13.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 Công ty có 150 nhân viên (2006: 115 nhân viên). Tập đoàn có 2.041 nhân viên (2006: 1.204 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty và Tập đoàn áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Cơ sở kế toán chung

Các báo cáo tài chính, trình bày bằng nghìn Đồng Việt Nam (“VND’000”), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc.

(b) Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12 do Bộ Tài Chính chấp thuận.

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan và Các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

(c) Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

(i) Công ty con

Các công ty con là các công ty do Tập đoàn kiểm soát. Việc kiểm soát này chỉ tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và các hoạt động của doanh nghiệp và thu được lợi ích kinh tế từ những hoạt động của doanh nghiệp đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng đang có hiệu lực. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu quyền kiểm soát đến ngày kết thúc quyền kiểm soát.

(ii) Mua từ các công ty dưới sự đồng kiểm soát

Việc hợp nhất hoạt động kinh doanh phát sinh từ việc chuyển nhượng các quyền lợi trong các công ty dưới sự kiểm soát của cổ đông, kiểm soát Tập đoàn được ghi nhận bằng phương pháp mua dựa trên giá trị còn lại trên sổ sách của những tài sản được mua và các khoản nợ phải trả.

(iii) Công ty liên kết (công ty được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Các công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có sự ảnh hưởng đáng kể nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh. Sự ảnh hưởng lớn này được giả định tồn tại khi Tập đoàn nắm giữ từ 20% đến 50% quyền bỏ phiếu của một công ty khác. Các công ty liên kết được ghi nhận bằng phương thức vốn chủ sở hữu (công ty được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu) và được ghi nhận theo nguyên giá ban đầu. Đầu tư của Tập đoàn bao gồm lợi thế thương mại được xác định khi mua, giá trị thuần của bất kỳ khấu hao lũy kế trên lợi thế thương mại. Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm tỷ lệ doanh thu hoạt động kinh doanh và các chi phí và biến động vốn chủ sở hữu của công ty được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi được điều chỉnh cho phù hợp với các chính sách kế toán của các công ty trong Tập đoàn, kể từ ngày bắt đầu sự ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày sự ảnh hưởng đáng kể kết thúc sự chi phối. Khi các khoản lỗ của Tập đoàn vượt quá tiền lãi của Tập đoàn trong vốn chủ sở hữu được đầu tư, giá trị ghi sổ của khoản tiền lãi đó (bao gồm bất kỳ khoản đầu tư dài hạn nào) sẽ giảm xuống bằng không và sự ghi nhận của các khoản lỗ sau đó sẽ được khấu trừ, trừ khi Tập đoàn có nghĩa vụ hoặc đã trả thay cho công ty được đầu tư.

(d) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái quy định tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ phát sinh trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái quy định tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá chưa và đã thực hiện đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(e) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan và Các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

(f) Đầu tư

Các khoản đầu tư bằng hình thức ký quỹ và đầu tư bằng công cụ nợ; khoản đầu tư vào chứng khoán vốn của các công ty chủ thể mà Công ty hoặc Tập đoàn không có sự kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể; và các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết trong các báo cáo tài chính riêng lẻ của Công ty được ghi nhận theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư như được xác định trong trường hợp chưa lập dự phòng.

(g) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(h) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(i) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5-25 năm
▪ thiết bị văn phòng	3-6 năm
▪ nhà xưởng và thiết bị	3-12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3-6 năm

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan và Các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

(j) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được phản ánh theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua quyền sử dụng đất và toàn bộ các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan đến việc đảm bảo quyền sử dụng đất. Hao mòn được tính theo phương pháp đường thẳng từ 40 đến 47 năm.

(ii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận không thể tách rời với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 4 năm.

(iii) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại thể hiện khoản phát sinh từ việc mua các công ty con, công ty liên kết và công ty liên doanh. Lợi thế thương mại thể hiện sự chênh lệch giữa chi phí mua công ty con và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị ròng của công ty được mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) sẽ được ghi nhận ngay trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua lại cổ đông thiểu số của công ty con thể hiện qua chi phí đầu tư thêm cao hơn giá trị còn lại của tài sản thực mua lại tại ngày trao đổi.

Lợi thế thương mại được tính bằng nguyên giá trừ đi phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ trong vòng 10 năm. Đối với các công ty được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị còn lại của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị còn lại của khoản đầu tư.

(k) Công trình xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh nguyên giá của các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn toàn hoàn thành hoặc lắp đặt xong. Khấu hao không được tính cho công trình xây dựng cơ bản dở dang trong giai đoạn xây dựng và lắp đặt.

(l) Bất động sản đầu tư

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của một bất động sản đầu tư bao gồm giá mua bất động sản, chi phí cho quyền sử dụng đất và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo dưỡng thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên tiêu chuẩn hoạt động đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan và Các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhà cửa 15 – 40 năm

(m) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến trục in và các công cụ khác, được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 6 tháng đến 2 năm.

(n) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

(o) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận khi, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có một nghĩa vụ pháp lý hoặc liên đới mà có thể được ước tính một cách tin cậy và tương đối chắc chắn rằng Công ty phải sử dụng các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các luồng tiền dự tính trong tương lai theo lãi suất trước thuế phản ánh được sự đánh giá tình hình của thị trường về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro gắn liền với khoản nợ phải trả đó.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp khoản thuế thu nhập phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày lập bản cân đối kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị xác định theo mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận tương ứng với mức lợi nhuận chịu thuế chắc chắn trong tương lai mà lợi nhuận đó có thể dùng để khấu trừ với tài sản thuế thu nhập này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn thu được các lợi ích về thuế liên quan này.

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan và Các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

(q) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại như vốn chủ sở hữu. Chi phí tăng liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là khoản giảm vốn chủ sở hữu.

(ii) Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phiếu được ghi nhận như vốn chủ sở hữu được mua, số tiền thanh toán, bao gồm chi phí trực tiếp phát sinh khi mua, sau khi trừ ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận như một khoản giảm của vốn chủ sở hữu. Những cổ phiếu được mua lại được phân loại như cổ phiếu quỹ và được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu.

(r) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn đáng kể trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Thu nhập từ cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là khoản thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Công ty hoặc Tập đoàn được xác lập.

(s) Thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn và Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) đối với cổ phiếu phổ thông của Công ty. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm, bao gồm cả trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền chọn mua cổ phiếu đối với nhân viên.

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan và Các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

(u) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong năm mà các chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích xây dựng tài sản cố định hữu hình thì khi đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng được vốn hóa như một phần của nguyên giá của tài sản cố định liên quan.

(v) Các công ty liên quan

Các bên được xem là bên liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

(w) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan và Các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

3. Báo cáo bộ phận theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn	Nước chấm thực phẩm		Bao bì		Thương mại và phân phối		Mĩ ăn liền		Loại trừ giao dịch nội bộ		Tổng cộng	
	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000
Doanh thu	279.147.101	128.763.473	131.508.846	126.056.234	535.778.649	423.836.526	-	-	(280.872.754)	(105.782.835)	665.561.842	572.873.398
Kết quả hoạt động kinh doanh	18.319.399	7.454.314	(2.094.435)	(191.571)	102.092.191	28.380.363	-	-	(31.573.486)	(6.783.687)	86.743.669	28.859.419
Tài sản	132.707.513	85.816.663	126.665.322	89.272.098	763.338.826	245.640.144	228.798.511	-	(229.044.190)	(107.951.605)	1.022.465.982	312.777.300
Nợ phải trả	117.504.252	70.107.738	112.790.967	71.763.236	126.317.268	103.802.012	144.977.572	-	(126.240.063)	(80.772.826)	375.349.996	164.900.160

Công ty chỉ hoạt động trong mảng kinh doanh thương mại.

Tập đoàn và Công ty không theo dõi thông tin của mảng địa lý.

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan và Các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000
Tiền mặt	1.035.801	827.562	425.821	563.670
Tiền gửi ngân hàng	16.741.460	2.439.343	5.631.795	1.199.912
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	17.777.261	3.266.905	6.057.616	1.763.582

Bao gồm trong tiền của Tập đoàn và Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 có số tiền bằng các đơn vị tiền khác VNĐ lần lượt là 2.553.514.062 VNĐ và 1.263.110.000 VNĐ (2006: 74.279.000 VNĐ và 331.938.205 VNĐ).

5. Các khoản đầu tư ngắn hạn

Tập đoàn

Khoản đầu tư này thể hiện khoản vay từ một công ty con cho một cá thể với lãi suất là 18% một năm và thời hạn trả nợ ban đầu là một tháng.

6. Các khoản phải thu ngắn hạn

Các khoản phải thu nội bộ bao gồm:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000
Các khoản phải thu từ công ty mẹ				
Phi thương mại	378.170.604	-	378.170.604	-
Các khoản phải thu từ công ty con				
Phi thương mại	-	-	67.759.106	51.263.834
Các khoản phải thu từ công ty liên kết				
Phi thương mại	-	21.986.009	-	19.973.119
Các khoản phải thu từ công ty liên quan				
Phi thương mại	3.924.989	1.042.360	40.000	535.784
	382.095.593	23.028.369	445.969.710	71.772.737

Các khoản phi thương mại phải thu từ công ty mẹ không được đảm bảo, chịu lãi suất 12% một năm và được hoàn trả khi có yêu cầu.

Các khoản phi thương mại phải thu từ công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan và Các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

Các khoản phải thu khác bao gồm:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000
Tạm ứng	2.357.099	1.033.414	2.032.174	1.033.414
Ký quỹ ngắn hạn	2.297	-	-	-
Phải thu khác	3.994.695	340.768	571.819	269.770
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	6.354.091	1.374.182	2.603.993	1.303.184

7. Hàng tồn kho

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000
Hàng mua đang đi trên đường	23.308.439	1.660.978	-	61.497
Nguyên vật liệu	70.687.165	27.082.606	299.182	83.671
Công cụ và dụng cụ	28.075	1.645	-	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.179.894	212.303	-	-
Thành phẩm	21.926.956	17.961.874	-	-
Hàng hóa tồn kho	10.548.689	622.875	8.841.005	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	131.679.218	47.542.281	9.140.187	145.168
Dự phòng hàng tồn kho	(5.636.968)	(2.067.894)	-	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	126.042.250	45.474.387	9.140.187	145.168

Biến động dự phòng hàng tồn kho trong năm như sau:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000
Số dư đầu năm	2.067.894	-	-	-
Tăng dự phòng trong năm	3.569.074	2.067.894	-	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	5.636.968	2.067.894	-	-

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan và Các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

8. Thuế và các khoản phải thu khác từ Ngân sách Nhà nước

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000
Thuế nộp thừa vào Ngân sách Nhà nước				
▪ Thuế xuất – nhập khẩu	8.444.155	-	-	-
Các khoản phải thu khác từ Nhà nước	286.424	57.606	-	-
	<u>8.730.579</u>	<u>57.606</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

9. Tài sản cố định hữu hình

Tập đoàn

	Nhà cửa VNĐ'000	Thiết bị văn phòng VNĐ'000	Nhà xưởng và thiết bị VNĐ'000	Phương tiện vận chuyển VNĐ'000	Tổng cộng VNĐ'000
Nguyên giá					
Số dư đầu năm (trình bày lại)	17.677.783	1.606.736	58.275.342	8.367.249	85.927.110
Tăng trong năm	-	395.996	27.492.313	2.560.519	30.448.828
Tăng do mua lại các công ty con	13.144.615	1.353.801	42.440.999	5.097.917	62.037.332
Kết chuyển từ công trình xây dựng cơ bản dở dang	351.670	-	1.514.251	-	1.865.921
Thanh lý	-	(26.711)	(1.892.648)	(504.784)	(2.424.143)
Số dư cuối năm	<u>31.174.068</u>	<u>3.329.822</u>	<u>127.830.257</u>	<u>15.520.901</u>	<u>177.855.048</u>
Khấu hao lũy kế					
Số dư đầu năm (trình bày lại)	3.590.817	1.362.760	24.347.381	3.406.095	32.707.053
Khấu hao trong năm	868.729	176.597	6.912.158	1.632.855	9.590.339
Khấu hao trong năm do mua lại các công ty con	2.803.784	561.926	12.011.273	1.642.268	17.019.251
Thanh lý	-	(25.375)	(640.571)	(413.749)	(1.079.695)
Số dư cuối năm	<u>7.263.330</u>	<u>2.075.908</u>	<u>42.630.241</u>	<u>6.267.469</u>	<u>58.236.948</u>
Giá trị còn lại					
Số dư cuối năm	23.910.738	1.253.914	85.200.016	9.253.432	119.618.100
Số dư đầu năm	14.086.966	243.976	33.927.961	4.961.154	53.220.057

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan và Các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 68.930 triệu VNĐ (2006: 40.340 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định hữu hình là tài sản có trị giá 327 triệu VNĐ đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 (2006: 165 triệu VNĐ), nhưng vẫn còn được sử dụng.

Giá trị ghi sổ của tài sản cố định hữu hình không còn sử dụng và chờ thanh lý có giá trị là không VNĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 (2006: 972.447.000 VNĐ).

Công ty	Thiết bị văn phòng VNĐ'000	Nhà xưởng và thiết bị VNĐ'000	Phương tiện vận chuyển VNĐ'000	Tổng cộng VNĐ'000
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	597.809	1.458.671	7.435.072	9.491.552
Tăng trong năm	116.560	-	1.061.917	1.178.477
Thanh lý	-	(1.458.671)	-	(1.458.671)
Số dư cuối năm	714.369	-	8.496.989	9.211.358
Khấu hao lũy kế				
Số dư đầu năm	443.554	486.224	2.781.014	3.710.792
Khấu hao trong năm	78.636	-	1.451.734	1.530.370
Thanh lý	-	(486.224)	-	(486.224)
Số dư cuối năm	522.190	-	4.232.748	4.754.938
Giá trị còn lại				
Số dư cuối năm	192.179	-	4.264.241	4.456.420
Số dư đầu năm	154.255	972.447	4.654.058	5.780.760

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan và Các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Tập đoàn	Lợi thế thương mại VNĐ'000	Quyền sử dụng đất VNĐ'000	Phần mềm vi tính VNĐ'000	Tổng cộng VNĐ'000
Nguyên giá				
Số dư đầu năm (trình bày lại)	-	9.039.192	-	9.039.192
Tăng do mua lại công ty con	11.373.660	42.889.694	22.461	54.285.815
Tăng trong năm	59.348.531	-	-	59.348.531
Số dư cuối năm	70.722.191	51.928.886	22.461	122.673.538
Phân bổ lũy kế				
Số dư đầu năm (trình bày lại)	-	1.142.248	-	1.142.248
Phân bổ trong năm	-	195.099	-	195.099
Phân bổ trong năm do mua lại công ty con	754.606	5.034.794	6.083	5.795.483
Số dư cuối năm	754.606	6.372.141	6.083	7.132.830
Giá trị còn lại				
Số dư cuối năm	69.967.585	45.556.745	16.378	115.540.708
Số dư đầu năm	-	7.896.944	-	7.896.944

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ là 42.989 triệu VNĐ (2006: 7.897 triệu VNĐ) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

11. Công trình xây dựng cơ bản dở dang

	Tập đoàn	
	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000
Số dư đầu năm	443.278	80.850
Tăng trong năm	2.274.883	362.428
Tăng do mua lại công ty con	1.024.147	-
Kết chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.865.921)	-
Kết chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(759.094)	-
Số dư cuối năm	1.117.293	443.278

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan và Các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

12. Bất động sản đầu tư

Tập đoàn

	Nhà cửa VNĐ'000
Nguyên giá	
Số dư đầu năm/cuối năm	1.101.944
Khấu hao lũy kế	
Số dư đầu năm	105.952
Khấu hao trong năm	44.077
Số dư cuối năm	150.029
Giá trị còn lại	
Số dư cuối năm	951.915
Số dư đầu năm	995.992

Bất động sản đầu tư của Tập đoàn là Cao ốc văn phòng tại Lô III-12, Cụm công nghiệp III, Khu công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan và Các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

13. Các khoản đầu tư dài hạn

Tập đoàn	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000
Các khoản đầu tư dài hạn khác	64.639.021	39.205.805
Dự phòng giảm giá	-	(567.906)
	<hr/>	<hr/>
	64.639.021	38.637.899
Đầu tư vào các công ty liên kết	-	17.304.757
	<hr/>	<hr/>
	64.639.021	55.942.656

Biến động dự phòng giảm giá các khoản đầu tư trong năm như sau:

	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000
Số dư đầu năm	567.906	-
Tăng dự phòng trong năm	-	567.906
Dự phòng sử dụng trong năm	(567.906)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	-	567.906

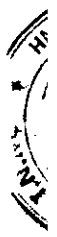
Chi tiết của các khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu		Tổng cộng	
		2007	2006	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000
Công ty Cổ phần Công nghiệp Masan	Sản xuất thực phẩm	60%	30%	-	6.264.757
Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Hoa Sen	Sản xuất thực phẩm	53%	24%	-	11.040.000
				<hr/>	<hr/>
				-	17.304.757

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan và Các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

Công ty	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000
Các khoản đầu tư dài hạn khác	64.639.021	39.205.805
Dự phòng giảm giá	-	(567.906)
	<hr/>	<hr/>
	64.639.021	38.637.899
Các khoản đầu tư vốn chủ sở hữu dài hạn vào:		
▪ Công ty con	160.424.615	26.444.625
▪ Công ty liên kết	-	18.032.427
	<hr/>	<hr/>
	225.063.636	83.114.951
	<hr/>	<hr/>
Biến động dự phòng giảm giá các khoản đầu tư trong năm như sau:	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000
Số dư đầu năm	567.906	-
Tăng dự phòng trong năm	-	567.906
Sử dụng dự phòng trong năm	(567.906)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	-	567.906
	<hr/>	<hr/>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 các khoản đầu tư dài hạn với giá trị ghi sổ là 60.599 triệu VNĐ (2006: 37.211 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt, một công ty con của Công ty.



Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan và Các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như sau:

Tên công ty	Hoạt động chính	% Quyền sở hữu	Tổng cộng	
			2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000
Công ty con				
Công ty Liên doanh Chế biến Thực phẩm Vitecfood	Sản xuất thực phẩm	100%	65.509.152	10.509.152
Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt	Bao bì	100%	20.935.463	15.935.473
Công ty Cổ phần Công nghiệp Masan	Sản xuất thực phẩm	60%	73.980.000	-
			160.424.615	26.444.625

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 khoản đầu tư vào Công ty Liên doanh Chế biến Thực phẩm Vitecfood và Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

Công ty Cổ phần Công nghiệp Masan có sở hữu 89% của Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Hoa Sen, một công ty được thành lập tại Việt Nam với hoạt động chính là sản xuất và chế biến thực phẩm. Do đó Công ty có sở hữu 53% của Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Hoa Sen thông qua việc sở hữu 60% của Công ty Cổ phần Công nghiệp Masan.

14. Chi phí trả trước dài hạn

Tập đoàn

	Trực in VNĐ'000	Công cụ và dụng cụ VNĐ'000	Tổng cộng VNĐ'000
Số dư đầu năm (trình bày lại)	969.853	449.823	1.419.676
Tăng trong năm	1.245.728	2.442.706	3.688.434
Tăng do mua lại công ty con	1.200.309	-	1.200.309
Kết chuyển sang xây dựng cơ bản dở dang	-	759.094	759.094
Xóa sổ	(550.476)	-	(550.476)
Phân bổ trong năm	(801.391)	(1.509.373)	(2.310.764)
Số dư cuối năm	2.064.023	2.142.250	4.206.273

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan và Các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000
Chiết khấu hàng bán trích trước	933.969	-	933.969	-
Chi phí vận chuyển trích trước	491.859	-	491.859	-
Các khoản mục khác	95.053	-	41.303	-
	1.520.881	-	1.467.131	-

16. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000
Vay ngắn hạn				
Vay từ VCB chi nhánh Tân Bình (a)	31.219.674	25.697.044	31.219.673	25.697.044
Vay từ ACB (b)	16.379.472	9.992.296	-	-
Vay từ HSBC (c)	14.338.821	1.168.546	-	-
Vay từ Incombank (d)	43.904.239	25.849.013	-	-
Vay từ VCB chi nhánh Tân Bình (e)	17.681.253	14.087.491	-	-
Vay từ VCB Bình Dương (f)	73.799.070	-	-	-
Vay từ cá nhân	-	2.053.524	-	2.053.524
	197.322.529	78.847.914	31.219.673	27.750.568
Nợ dài hạn đến hạn trả	6.916.416	21.401.900	-	18.201.900
Số dư cuối năm	204.238.945	100.249.814	31.219.673	45.952.468

- a) Khoản vay này được bảo đảm bởi khoản đầu tư của Công ty vào Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt và Công ty Liên doanh Chế biến Thực phẩm Vitecfood. Trong năm khoản vay này chịu lãi suất năm là 10,32% (2006: từ 6,68% đến 10,32%) một năm.
- b) Khoản vay này được bảo đảm bởi nhà cửa, thiết bị văn phòng, nhà xưởng và thiết bị và phương tiện vận chuyển của Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 là 22.071 triệu VNĐ (2006: 26.094 triệu VNĐ) và quyền sử dụng đất của công ty với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 là 2.948 triệu VNĐ (2006: 3.025 triệu VNĐ). Trong năm khoản vay này chịu lãi suất 12,36% một năm (2006: 12,36%). Khoản vay này cũng được thế chấp bằng khoản đầu tư của Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan và Các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

- c) Trong năm khoản vay này không được đảm bảo và chịu lãi suất từ 6,91% đến 7,49% (2006: 7,36% đến 7,37%) một năm.
- d) Khoản vay này được bảo đảm bởi nhà xưởng và thiết bị với giá trị còn lại là 12.968 triệu VNĐ (2006: 14.246 triệu VNĐ) và quyền sử dụng đất với giá trị còn lại là 4.753 triệu VNĐ (2006: 4.872 triệu VNĐ). Trong năm khoản vay chịu lãi suất 10,56% (2006: 11,16%) một năm.
- e) Trong năm khoản vay này không được bảo đảm và chịu lãi suất 10,62% một năm (2006: 10,2%).
- f) Khoản vay này được đảm bảo bởi tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 26.634 triệu VNĐ và tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ là 35.288 triệu VNĐ. Trong năm khoản vay này chịu lãi suất từ 6,36% đến 10,32% một năm (2006: 10,32%).

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000
Thuế				
Thuế giá trị gia tăng	799.590	-	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	319.878	58.375	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	29.000.784	7.006.909	27.196.284	6.241.062
Thuế thu nhập cá nhân	379.113	47.826	132.269	-
Các loại thuế khác	18.624	320.197	-	290.498
	30.517.989	7.433.307	27.328.553	6.531.560

18. Chi phí trích trước

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000
Chi phí vận chuyển	2.388.188	259.383	1.756.638	-
Thưởng cho nhân viên	1.629.871	709.812	410.085	-
Chiết khấu hàng bán	3.335.605	-	3.335.605	-
Chi phí khác	1.513.121	481.921	306.166	38.427
	8.866.785	1.451.116	5.808.494	38.427

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan và Các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

19. Các khoản phải trả nội bộ

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000
Phải trả cho công ty con				
Thương mại	-	-	43.167.832	28.446.579
Phải trả cho công ty liên kết				
Thương mại	-	408.439	-	-
Phải trả cho công ty liên quan				
Phi thương mại	2.656.861	615.654	1.270.040	52.774
	2.656.861	1.024.093	44.437.872	28.499.353

Các khoản nợ phi thương mại phải trả cho các công ty liên quan không được bảo đảm, không chịu lãi và không có thời hạn hoàn trả ấn định.

20. Các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả khác bao gồm:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000
Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế	686.107	869	-	-
Cổ tức phải trả	8.421.579	2.920.650	-	-
Phải trả khác	835.357	415.173	244.721	139.524
	9.943.043	3.336.692	244.721	139.524

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan và Các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

21. Dự phòng

Biến động các khoản dự phòng trong năm như sau:

	Trợ cấp thôi việc	
	Tập đoàn VNĐ'000	Công ty VNĐ'000
Số dư đầu năm	127.660	127.660
Trích lập dự phòng trong năm	1.261.777	203.025
Sử dụng dự phòng trong năm	(288.801)	(54.353)
Số dư cuối năm	1.100.636	276.332

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi một nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên và tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó theo số năm làm việc của người đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được tính trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

22. Vay và nợ dài hạn

Tập đoàn

	<u>Dài hạn</u>		<u>Đến hạn trả</u>	
	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000
Vay dài hạn				
Vay từ Ngân hàng ACB	-	-	-	18.201.900
Vay từ Ngân hàng ACB (a)	-	3.200.000	3.200.000	3.200.000
Vay từ Ngân hàng ACB (b)	6.823.782	-	2.320.416	-
Vay từ Ngân hàng BIDV (c)	799.000	-	1.036.000	-
Vay từ Ngân hàng BIDV (d)	520.000	-	360.000	-
	8.142.782	3.200.000	6.916.416	21.401.900

- a. Khoản vay này được bảo đảm bởi nhà cửa, thiết bị văn phòng, nhà xưởng và thiết bị và phương tiện vận chuyển của Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 là 22.071 triệu VNĐ (2006: 26.094 triệu VNĐ) và quyền sử dụng đất Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 là 2.948 triệu VNĐ (2006: 3.025 triệu VNĐ), và cũng được đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn. Trong năm khoản vay này chịu lãi suất là 12,36% một năm (2006: 12,36%). Khoản vay này được hoàn trả trong 2 kỳ sáu tháng đều nhau, mỗi kỳ trả 1.600 triệu VNĐ trong năm 2008. Khoản vay này cũng được đảm bảo bởi các khoản đầu tư của Công ty.

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan và Các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

- b. Khoản vay này được sử dụng để mua máy móc nhập khẩu. Tổng cộng hạn mức cho vay là USD720.000. Công ty chưa sử dụng hết hạn mức cho vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2007. Trong năm khoản vay này chịu lãi suất 6,87% một năm. Khoản vay này được hoàn trả trong 10 kỳ đều nhau mỗi sáu tháng, mỗi kỳ trả USD72.000 (tương đương với 1.160 triệu VNĐ), bắt đầu từ tháng 6 năm 2008.
- c. Khoản vay này được cấp cho Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Hoa Sen (“Hoa Sen”) và được đảm bảo bởi tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 là 5.235 triệu VNĐ. Trong năm khoản vay này chịu lãi suất từ 12% đến 13% một năm. Khoản vay này được hoàn trả đều nhau trong 5 quý, mỗi quý là 249 triệu VNĐ và kỳ cuối cùng sẽ trả số dư còn lại vào ngày 25 tháng 6 năm 2009. Hoa Sen đã không trả đúng hạn cho một đợt trả và đang thảo luận với Ngân hàng. Tập đoàn tin rằng sự chậm trễ này không ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.
- d. Khoản vay này được bảo đảm bởi tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 là 2.022 triệu VNĐ. Trong năm số dư còn lại chịu lãi suất từ 12% đến 13% một năm. Khoản vay này được hoàn trả đều nhau trong 6 quý, mỗi quý là 80 triệu VNĐ và 4 quý, mỗi quý là 100 triệu VNĐ.

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và cổ phiếu đã phát hành là:

	Số lượng cổ phiếu	VNĐ'000
Vốn được duyệt	13.839.536	138.395.360
Cổ phiếu đã phát hành	13.839.536	138.395.360
Thặng dư Cổ phần	-	396.654.000

Biến động về vốn cổ phần đã phát hành trong năm như sau:

	<u>Tập đoàn và Công ty</u>		<u>Tập đoàn và Công ty</u>	
	<u>2007</u>	<u>2006</u>	<u>2007</u>	<u>2006</u>
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>Cổ phiếu</u>	<u>VNĐ'000</u>	<u>VNĐ'000</u>
Số dư đầu năm	8.500.000	4.500.000	85.000.000	45.000.000
Cổ phiếu đã phát hành trong năm	2.500.000	2.398.300	25.000.000	23.983.000
Cổ tức bằng cổ phiếu đã phát hành trong năm	2.839.536	1.601.700	28.395.360	16.017.000
Số dư cuối năm	13.839.536	8.500.000	138.395.360	85.000.000

Công ty mẹ và công ty mẹ cao cấp nhất, Công ty Cổ phần Đầu tư Masan, được thành lập tại Việt Nam.

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan và Các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

24. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp được ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2007	2006	2007	2006
	VNĐ'000	VNĐ'000	VNĐ'000	VNĐ'000
Tổng doanh thu				
▪ Bán hàng	654.093.280	565.672.914	527.314.214	417.509.703
▪ Dịch vụ	11.468.562	7.200.484	8.464.435	6.326.823
Các khoản giảm trừ				
▪ Chiết khấu hàng bán	(3.686.023)	-	(3.686.023)	-
▪ Hàng bán bị trả lại	(1.769.877)	(2.362.889)	(567.786)	(1.714.691)
Doanh thu thuần	660.105.942	570.510.509	531.524.840	422.121.835

25. Giá vốn hàng bán

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2007	2006	2007	2006
	VNĐ'000	VNĐ'000	VNĐ'000	VNĐ'000
Tổng giá vốn hàng bán				
▪ Thành phẩm đã bán	346.296.429	215.872.045	-	-
▪ Hàng hóa đã bán	147.954.049	284.385.911	410.512.495	387.945.015
▪ Dịch vụ đã cung ứng	514.583	239.913	-	-
▪ Xóa sổ khuôn in	550.474	525.654	-	-
▪ Dự phòng hàng tồn kho	3.569.074	2.067.894	-	-
	498.884.609	503.091.417	410.512.495	387.945.015

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan và Các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

26. Doanh thu từ hoạt động tài chính

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000
Lãi tiền gửi,				
▪ Ngân hàng	1.108.701	696.584	105.639	575.577
▪ Các bên khác	3.375.745	-	-	-
Cổ tức	-	-	33.570.626	10.643.483
Lãi do chênh lệch tỷ giá	1.878.746	2.334.487	1.319.225	1.836.872
Doanh thu từ bán cổ phiếu	9.320.028	5.265.000	9.320.028	5.265.000
Doanh thu khác từ hoạt động tài chính	10.978.904	8.448.985	10.165.281	7.811.365
	26.662.124	16.745.056	54.480.799	26.132.297

27. Chi phí hoạt động tài chính

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000
Chi phí lãi vay phải trả cho				
▪ Ngân hàng	11.118.500	6.829.652	3.346.169	1.945.624
Lỗ do chênh lệch tỷ giá	1.764.055	1.005.670	1.432.544	730.866
Chi phí khác	81.114	570.713	81.114	570.705
	12.963.669	8.406.035	4.859.827	3.247.195

28. Thu nhập khác

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000
Thu từ thanh lý tài cố định hữu hình	1.405.279	171.857	972.447	-
Thu từ thanh lý dụng cụ bị hư	9.259	-	-	-
Tiền đền bù nhận từ các bên khác	1.938.998	-	-	-
Thu nhập khác	675.340	531.795	572.320	58.002
	4.028.876	703.652	1.544.767	58.002



Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan và Các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

29. Chi phí khác

	Tập đoàn		Công ty	
	2007	2006	2007	2006
	VNĐ'000	VNĐ'000	VNĐ'000	VNĐ'000
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã thanh lý	1.344.448	84.521	972.447	-
Chi phí khác	629.135	18.930	419.783	17.592
	1.973.583	103.451	1.392.230	17.592

30. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Tập đoàn		Công ty	
	2007	2006	2007	2006
	VNĐ'000	VNĐ'000	VNĐ'000	VNĐ'000
Chi phí thuế hiện hành	29.862.609	7.657.787	28.216.284	6.897.675
Thu nhập thuế hoãn lại	(1.467.131)	-	(1.467.131)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp ("Thuế TNDN")	28.395.478	7.657.787	26.749.153	6.897.675

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

Công ty

	2007		2006	
	%	VNĐ'000	%	VNĐ'000
Lợi nhuận trước thuế		128.841.343		35.278.039
Thuế theo thuế suất thuế TNDN quy định trong Giấy phép đầu tư	28,00%	36.075.576	28,00%	9.877.851
Chi phí không được khấu trừ thuế	0,06%	73.352	-	-
Thu nhập không bị tính thuế	(7,30%)	(9.399.775)	(8,45%)	(2.980.176)
	20,76%	26.749.153	19,55%	6.897.675

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan và Các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

Tập đoàn

	2007		2006	
	%	VNĐ'000	%	VNĐ'000
Lợi nhuận trước thuế		115.139.147		36.517.206
Thuế theo thuế suất thuế TNDN quy định trong Giấy phép đầu tư	28,00%	32.238.961	28,00%	10.224.818
Chi phí không được khấu trừ thuế	0,25%	291.885	0,92%	335.757
Thu nhập không bị tính thuế	(0,68%)	(781.375)	(2,89%)	(1.053.957)
Ảnh hưởng của mức đánh thuế vào công ty con	(2,80%)	(3.239.200)	(5,06%)	(1.848.831)
Lỗi tính thuế mang sang đã sử dụng	(0,1%)	(114.793)	-	-
	24,66%	28.395.478	20,97%	7.657.787

(c) Thuế suất áp dụng

Theo quy định trong Giấy phép đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN bằng 28% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan và Các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

Tập đoàn

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất của giao dịch	2007 VNĐ'000	2006 VNĐ'000
Công ty Cổ phần Xây dựng Masan	Công ty liên quan	Lãi vay nhận được từ các khoản vay	-	518.064
		Bán thức ăn	-	6.864
		Tạm ứng từ công ty liên quan	40.000	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Masan	Công ty liên quan	Lãi vay và các khoản vay	1.551.651	1.697.847
		Phí dịch vụ container	3.393.192	972.846
Công ty Cổ phần Đầu tư Masan	Công ty mẹ	Lãi vay nhận được từ các khoản vay	1.159.541	21.268.295
Công ty Cổ phần Hàng hải Masan	Công ty liên quan	Lãi vay nhận được từ các khoản vay	-	4.584.682
Công ty Cổ phần Phú Sĩ	Công ty liên quan	Lãi vay nhận được từ các khoản vay	-	4.233.261
Công ty Cổ phần CNTT và Viễn thông Masan	Công ty liên quan	Phí bảo trì	1.091.590	501.947

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan và Các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

Công ty			2007	2006
Bên liên quan	Quan hệ	Tính chất của giao dịch	VNĐ'000	VNĐ'000
Công ty Cổ phần Xây dựng Masan	Công ty liên quan	Lãi vay nhận được từ các khoản vay	-	518.064
		Bán thức ăn	-	6.864
		Tạm ứng từ công ty liên quan	40.000	-
Công ty Cổ phần Bao Bì Minh Việt	Công ty con	Lãi vay và các khoản vay	24.872.215	80.415.213
		Bán công cụ và dụng cụ	-	587.955
		Thuê nhà	1.071.774	-
		Mua xe	180.000	-
		Thuê văn phòng	-	423.720
Công ty Cổ phần Công nghiệp Masan	Công ty con	Mua nguyên vật liệu	141.175.109	98.459.548
Công ty Cổ phần CNTT và Viễn thông Masan	Công ty liên quan	Phí bảo trì	817.045	361.377
Công ty Cổ phần Tiếp vận Masan	Công ty liên quan	Lãi vay và các khoản vay	-	1.081.672
		Phí dịch vụ container	3.393.192	972.846
Công ty Liên doanh Chế biến thực phẩm Vitecfood	Công ty con	Nhập khẩu nguyên vật liệu	263.812.899	113.411.538
		Bán nguyên vật liệu	-	300.729
Công ty Cổ phần Đầu tư Masan	Công ty mẹ	Lãi vay nhận được từ các khoản vay	1.159.541	21.268.295
Công ty Cổ phần Hàng hải Masan	Công ty liên quan	Lãi vay nhận được từ các khoản vay	-	4.584.682
Công ty Cổ phần Phú Sĩ	Công ty liên quan	Lãi vay nhận được từ các khoản vay	-	4.233.261

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan và Các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

32. Các cam kết

(a) Cam kết đầu tư

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 Tập đoàn và Công ty có các cam kết đầu tư đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trên bảng cân đối kế toán như sau:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2007	2006	2007	2006
	VNĐ'000	VNĐ'000	VNĐ'000	VNĐ'000
Đã duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	10.595.350	-	-	-

(b) Thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2007	2007	2006	2006
	VNĐ'000	VNĐ'000	VNĐ'000	VNĐ'000
Trong vòng một năm	3.296.511	1.457.698	-	-
Từ hai đến năm năm	7.974.884	1.291.815	-	-
Trên năm năm	37.016.916	9.848.450	-	-
	48.288.311	12.597.963	-	-

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan và Các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

33. Lãi trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 được dựa trên số lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn là 81.814 triệu VNĐ (2006: 26.663 triệu VNĐ) và của Công ty là 102.092 triệu VNĐ (2006: 28.380 triệu VNĐ), và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 10.921.638 (2006: 6.087.192), được thực hiện như sau:

(i) Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty

	Tập đoàn		Công ty	
	2007	2006	2007	2006
	VNĐ'000	VNĐ'000	VNĐ'000	VNĐ'000
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông của Công ty	81.814.200	26.663.273	102.092.190	28.380.364

(ii) Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành

	Tập đoàn và Công ty	
	2007	2006
	VNĐ'000	VNĐ'000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	8.500.000	4.500.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu được phát hành trong năm	2.421.638	1.587.192
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông vào cuối năm	10.921.638	6.087.192

34. Sự kiện xảy ra sau ngày kết thúc niên độ

Tại đại hội cổ đông thường niên ngày 8 tháng 3 năm 2008, Công ty đã tuyên bố chia cổ tức bằng 70% vốn cổ phần của Công ty, tương đương 96.9 tỷ đồng VNĐ. Khoản cổ tức này chưa được ghi nhận trong báo cáo tài chính cho năm kết thúc 31 tháng 12 năm 2007.

Đại hội cổ đông cũng đã phê duyệt các kế hoạch được Hội đồng đưa ra sau đây:

- (a) Kế hoạch tăng vốn cổ phần bằng việc chia cổ tức bằng cổ phiếu trích từ lợi nhuận giữ lại và phát hành cổ phiếu thưởng từ thặng dư vốn cổ phần đồng thời phát hành cổ phiếu mới cho các cổ đông chiến lược hiện tại của Công ty; và
- (b) Kế hoạch niêm yết cổ phần của Công ty trên thị trường chứng khoán trong năm 2008.

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan và Các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

35. Giai đoạn điều chỉnh trước đây

Để điều chỉnh những sai sót trong giai đoạn trước đây, Tập đoàn đã đưa ra những bút toán điều chỉnh như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006, một công ty con của Tập đoàn, Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt (“Mivipack”) đã chưa lập dự phòng cho các khoản hàng tồn kho và các khuôn in bị lỗi thời có giá trị lần lượt là 2.067.893.546 VNĐ và 2.933.703.989 VNĐ. Để sửa lỗi các sai sót trước đây, dự phòng hàng tồn kho và chi phí trả trước dài hạn đã được điều chỉnh lại.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006, Mivipack đã không ghi nhận giá trị của hàng đang đi trên đường là 1.508.477.365 VNĐ. Để sửa lỗi các sai sót trước đây, hàng tồn kho – hàng đang đi trên đường và các khoản phải trả thương mại được điều chỉnh lại.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 các điều chỉnh sai sót hợp nhất ảnh hưởng đến vốn chủ sở hữu được xem là vốn chủ đầu tư và cổ đông thiểu số, đã được điều chỉnh lại.

Ảnh hưởng của các điều chỉnh đối với số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2006 như sau:

Tập đoàn

	2006 (theo báo cáo trước đây) VNĐ'000	Điều chỉnh VNĐ'000	2006 (phân loại lại theo trình bày lại trước đây) VNĐ'000
Bảng cân đối kế toán			
Đầu tư vào công ty liên kết	16.627.870	676.887	17.304.757
Lợi thế thương mại	4.742.400	(4.742.400)	-
Chi phí trả trước dài hạn	7.377.977	(2.933.704)	4.444.273
Dự phòng hàng tồn kho	-	(2.067.894)	(2.067.894)
Cổ đông thiểu số	(11.204.188)	1.416.447	(9.787.741)
Lợi nhuận chưa phân phối mang sang	(31.402.962)	6.482.899	(24.920.063)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận thuần trong năm	(33.364.497)	4.505.078	(28.859.419)

Người lập:



Nguyễn Thu Hiền
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Công Thắng
Tổng Giám Đốc

05 APR 2008





**Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San (trước đây
là Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại
Masan) và các công ty con**

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2008**

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Công nghiệp
Thương mại Masan)
Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
kinh doanh số**

4103000082	31 tháng 5 năm 2000
4103000082	20 tháng 7 năm 2006
4103000082	14 tháng 9 năm 2006
4103000082	28 tháng 2 năm 2007
4103000082	25 tháng 12 năm 2007
4103000082	10 tháng 5 năm 2008
4103000082	11 tháng 12 năm 2008

Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh và các giấy phép điều chỉnh do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và có giá trị 46 năm kể từ ngày cấp giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh đầu tiên.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đăng Quang	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thiều Quang	Thành viên
Ông Nguyễn Thiều Nam	Thành viên
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Thành viên
Ông Trương Công Thắng	Thành viên
Ông Hồ Hùng Anh	Thành viên
Ông Damian Chok	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trương Công Thắng	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Thúc	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Phòng 9.6 & 9.7, Tầng 9, Tòa nhà Etown 2
364 Cộng Hòa, Phường 13
Quận Tân Bình
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Đơn vị kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được chấp thuận tại Việt Nam, phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và kết quả hoạt động kinh doanh và luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan) (“Công ty”); và của Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”). Khi lập các báo cáo tài chính, Hội đồng Quản trị phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và sau đó áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán phù hợp có được tuân thủ hay không, và các khác biệt trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- lập các báo cáo tài chính theo giả định hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty hoặc Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh không còn phù hợp.


Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm bảo đảm việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty và Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào, và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được chấp thuận tại Việt Nam. Hội đồng Quản trị cũng có trách nhiệm quản lý tài sản của Công ty và Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và những vi phạm khác.

Hội đồng Quản trị cam kết rằng Công ty và các công ty con đã tuân thủ những yêu cầu trên trong việc lập các báo cáo tài chính.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tôi, Nguyễn Đăng Quang, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và thay mặt cho Hội đồng Quản trị, phê duyệt các báo cáo tài chính đính kèm. Các báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và kết quả hoạt động kinh doanh, thay đổi vốn chủ sở hữu và luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được chấp thuận tại Việt Nam.

Thay mặt Hội đồng Quản trị


Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam



KPMG Limited
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan)

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan) (“Công ty”) và bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty và Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, và kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được chấp thuận tại Việt Nam.

KPMG Limited

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345
Báo cáo kiểm toán số: 08-01-396



Chồng Kwang Púay
Chứng chỉ kiểm toán viên số N0864/KTV
Phó Tổng Giám đốc

Trần Đình Vinh

Trần Đình Vinh
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0339/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, 19 MAR 2009

Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan) và các công ty con
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
TÀI SẢN						
Tài sản ngắn hạn	100		1.183.316.829	714.871.791	1.252.446.715	532.351.639
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	96.974.988	17.777.261	37.542.022	6.057.616
Tiền	111		96.974.988	17.777.261	37.542.022	6.057.616
Đầu tư ngắn hạn	120	12	308.900.000	5.485.000	302.625.000	-
Đầu tư ngắn hạn	121		308.900.000	5.485.000	302.625.000	-
Phải thu – ngắn hạn	130	5	561.536.375	545.139.071	862.424.085	516.011.361
Phải thu thương mại	131		113.475.463	141.122.157	62.868.076	66.879.983
Trả trước cho người bán	132		35.916.485	15.567.230	1.960.046	557.675
Phải thu công ty liên quan	133		410.930.939	382.095.593	796.952.088	445.969.710
Phải thu khác	135		1.728.027	6.354.091	643.875	2.603.993
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(514.539)	-	-	-
Hàng tồn kho	140	6	183.396.548	126.042.250	38.774.211	9.140.187
Hàng tồn kho	141		190.419.984	131.679.218	38.774.211	9.140.187
Dự phòng hàng tồn kho	149		(7.023.436)	(5.636.968)	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		32.508.918	20.428.209	11.081.397	1.142.475
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		8.213.258	4.049.837	-	-
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		12.862.702	1.769.069	9.969.729	921.862
Thuế và các khoản khác phải thu từ Ngân sách						
Nhà nước	154	7	7.646.109	8.730.579	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		3.786.849	5.878.724	1.111.668	220.613

Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan) và các công ty con

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
			2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
Tài sản dài hạn	200		526.652.368	307.594.191	447.345.403	230.987.187
Tài sản cố định	220		259.927.990	168.733.879	11.978.218	4.456.420
Tài sản cố định hữu hình	221	8	201.368.802	120.570.015	10.076.611	4.456.420
<i>Nguyên giá</i>	222		281.837.456	178.956.992	16.830.740	9.211.358
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(80.468.654)	(58.386.977)	(6.754.129)	(4.754.938)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	9	14.646.075	-	-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		15.010.823	-	-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(364.748)	-	-	-
Tài sản cố định vô hình	227	10	43.858.552	43.006.571	1.901.607	-
<i>Nguyên giá</i>	228		51.410.255	49.128.326	2.281.929	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(7.551.703)	(6.121.755)	(380.322)	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	54.561	5.157.293	-	-
Đầu tư dài hạn	250	12	71.918.406	60.599.021	429.691.285	225.063.636
Đầu tư vào các công ty con	251		-	-	357.772.879	164.464.615
Đầu tư dài hạn khác	258		71.918.406	60.599.021	71.918.406	60.599.021
Tài sản dài hạn khác	260		194.805.972	78.261.291	5.675.900	1.467.131
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	17.146.694	6.772.825	518.182	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	5.697.850	1.520.881	5.157.718	1.467.131
Tài sản dài hạn khác	268		118.000	-	-	-
Lợi thế thương mại	269	16	171.843.428	69.967.585	-	-
TỔNG TÀI SẢN	270		1.709.969.197	1.022.465.982	1.699.792.118	763.338.826

Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan) và các công ty con

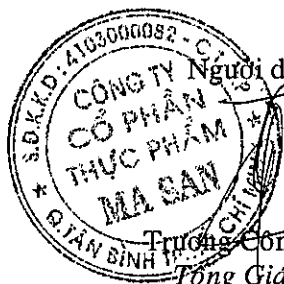
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
NGUỒN VỐN						
NỢ PHẢI TRẢ	300		702.822.430	375.349.996	630.898.237	126.317.268
Nợ ngắn hạn	310		667.076.382	366.106.578	630.188.814	126.040.936
Vay và nợ ngắn hạn	311	17	297.332.936	204.238.945	142.753.560	31.219.673
Phải trả thương mại	312		159.564.341	98.762.898	32.800.715	10.355.759
Người mua trả tiền trước	313		4.599.048	7.502.549	3.759.098	6.645.864
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	18	66.766.286	30.517.989	38.386.367	27.328.553
Phải trả nhân viên	315		9.119.881	3.617.508	-	-
Chi phí trích trước	316	19	27.154.621	8.866.785	22.902.588	5.808.494
Phải trả công ty liên quan	317	20	100.076.682	2.656.861	388.619.664	44.437.872
Phải trả khác	319	21	2.462.587	9.943.043	966.822	244.721
Nợ dài hạn	330		35.746.048	9.243.418	709.423	276.332
Vay và nợ dài hạn	334	22	34.312.644	8.142.782	-	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	23	1.433.404	1.100.636	709.423	276.332
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.007.146.767	647.115.986	1.068.893.881	637.021.558
Vốn chủ sở hữu	410		1.006.130.910	612.418.499	1.068.893.881	637.021.558
Vốn cổ phần	411	24	257.191.230	138.395.360	257.191.230	138.395.360
Thặng dư vốn cổ phần	412	24	368.975.220	396.654.000	368.975.220	396.654.000
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	419		(2.597.428)	(452.046)	(1.374.279)	(650.716)
Lợi nhuận chưa phân phối	420		382.561.888	77.821.185	444.101.710	102.622.914
Lợi ích cổ đông thiểu số	439		1.015.857	34.697.487	-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.709.969.197	1.022.465.982	1.699.792.118	763.338.826

Người lập:



Nguyễn Thu Hiền
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Trương Công Thắng
Tổng Giám đốc

19 MAR 2009

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan) và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

	Mã số	Thuyết minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
			2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
Tổng doanh thu	01	25	2.003.549.650	665.561.842	1.913.804.116	535.778.649
Các khoản giảm trừ	02	25	(81.461.708)	(5.455.900)	(73.810.908)	(4.253.809)
Doanh thu thuần	10		1.922.087.942	660.105.942	1.839.993.208	531.524.840
Giá vốn hàng bán	11	26	(1.324.167.126)	(498.884.609)	(1.684.524.769)	(410.512.495)
Lợi nhuận gộp	20		597.920.816	161.221.333	155.468.439	121.012.345
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	134.435.943	26.662.124	470.916.629	54.480.799
Chi phí hoạt động tài chính	22	28	(60.820.054)	(12.963.669)	(18.767.702)	(4.859.827)
Chi phí bán hàng	24		(150.043.107)	(42.362.837)	(114.650.401)	(26.850.759)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(90.319.005)	(20.793.024)	(47.345.584)	(15.093.752)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		431.174.593	111.763.927	445.621.381	128.688.806
Kết quả của các hoạt động khác	40					
Thu nhập khác	31	29	9.292.650	4.028.876	180.991	1.544.767
Chi phí khác	32	30	(5.684.311)	(1.973.583)	(7.403)	(1.392.230)
Phần kết quả hoạt động kinh doanh từ các công ty liên kết	40		-	1.319.927	-	-
Lợi nhuận trước thuế (mang sang trang sau)	50		434.782.932	115.139.147	445.794.969	128.841.343

Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan) và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	Tập đoàn		Công ty	
			2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
Lợi nhuận trước thuế (mang từ trang trước sang)	50		434.782.932	115.139.147	445.794.969	128.841.343
Chi phí thuế thu nhập – hiện hành	51	31	(58.930.151)	(29.862.609)	(31.089.670)	(28.216.284)
Chi phí thuế thu nhập – hoãn lại	52	31	4.176.969	1.467.131	3.690.587	1.467.131
Lợi nhuận thuần	60		380.029.750	86.743.669	418.395.886	102.092.190
Lợi nhuận phân bổ cho:						
Cổ đông thiểu số	61		(1.628.043)	4.929.469	-	-
Cổ đông vốn chủ sở hữu của Công ty	62		381.657.793	81.814.200	418.395.886	102.092.190
Lãi trên cổ phiếu						
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu	70	34	15,159	3,389	16,618	4,229

Người lập:



Nguyễn Thu Hiền
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trương Công Thắng
Tổng Giám đốc

19 MAR 2009

Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan) và các công ty con
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Tập đoàn	Vốn cổ phần VNĐ'000	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ'000	Quỹ khen thưởng và phúc lợi VNĐ'000	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ'000	Vốn chủ sở hữu thuộc chủ sở hữu của Công ty VNĐ'000	Cổ đông thiếu số VNĐ'000	Tổng vốn chủ sở hữu VNĐ'000
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2007	85.000.000	28.050.000	119.336	24.920.063	138.089.399	9.787.741	147.877.140
Vốn cổ phần đã phát hành	25.000.000	368.604.000	-	-	393.604.000	-	393.604.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	81.814.200	81.814.200	4.929.469	86.743.669
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	28.395.360	-	-	(28.395.360)	-	-	-
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	517.718	(517.718)	-	-	-
Sử dụng quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	(1.089.100)	-	(1.089.100)	(164.922)	(1.254.022)
Cổ tức đã trả bởi công ty con	-	-	-	-	-	(5.920.000)	(5.920.000)
Lợi ích của cổ đông thiểu số tại thời điểm mua các công ty con	-	-	-	-	-	-	-
Tập đoàn mua lại lợi ích từ cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	38.668.782	38.668.782
Cổ đông thiểu số của công ty con	-	-	-	-	-	(14.552.102)	(14.552.102)
						1.948.519	1.948.519
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	138.395.360	396.654.000	(452.046)	77.821.185	612.418.499	34.697.487	647.115.986
Vốn cổ phần đã phát hành	15.000.000	-	-	-	15.000.000	-	15.000.000
Chia cổ tức từ thặng dư vốn cổ phần	27.678.780	(27.678.780)	-	-	-	-	-
Chia cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận giữ lại	76.117.090	-	-	(76.117.090)	-	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong năm	-	-	-	381.657.793	381.657.793	(1.628.043)	380.029.750
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	800.000	(800.000)	-	-	-
Sử dụng quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	(2.945.382)	-	(2.945.382)	-	(2.945.382)
Tập đoàn mua lại lợi ích từ cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	(33.153.587)	(33.153.587)
Tăng cổ đông thiểu số trong các công ty con	-	-	-	-	-	1.100.000	1.100.000
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	257.191.230	368.975.220	(2.597.428)	382.561.888	1.006.130.910	1.015.857	1.007.146.767

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan) và các công ty con
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

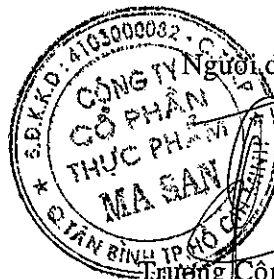
Công ty

	Vốn cổ phần VNĐ'000	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ'000	Quỹ khen thưởng và phúc lợi VNĐ'000	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ'000	Tổng VNĐ'000
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2007	85.000.000	28.050.000	(137.951)	28.926.084	141.838.133
Vốn cổ phần đã phát hành	25.000.000	368.604.000	-	-	393.604.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	102.092.190	102.092.190
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	28.395.360	-	-	(28.395.360)	-
Sử dụng quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	(512.765)	-	(512.765)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	138.395.360	396.654.000	(650.716)	102.622.914	637.021.558
Vốn cổ phần đã phát hành	15.000.000	-	-	-	15.000.000
Chia cổ tức từ thặng dư vốn cổ phần	27.678.780	(27.678.780)	-	-	-
Chia cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận giữ lại	76.117.090	-	-	(76.117.090)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	418.395.886	418.395.886
Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	800.000	(800.000)	-
Sử dụng quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	(1.523.563)	-	(1.523.563)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	257.191.230	368.975.220	(1.374.279)	444.101.710	1.068.893.881

Người lập:



Nguyễn Thu Hiền
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Lương Công Thắng
Tổng Giám đốc

19 MAR 2009

Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan) và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

	Mã Thuyết số minh	Tập đoàn		Công ty	
		2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(141.626.316)	(36.412.145)	(10.785.718)	(1.178.477)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	4.124.246	1.405.279	-	972.447
Tiền chi cho một cổ đông vay	23	(300.000.000)	-	(300.000.000)	-
Thu tiền gửi có kỳ hạn	24	110.000	-	-	-
Cổ đông thiểu số của công ty con	25	-	1.948.519	-	-
Tiền chi cho đầu tư vào các công ty con và đơn vị khác	25	(64.754.994)	(147.103.817)	(102.443.349)	(152.988.685)
Tiền thu hồi đầu tư vào các đơn vị khác	26	-	20.360.028	-	20.360.028
Tiền thu lãi cho vay và cổ tức	27	116.143.769	7.933.146	115.819.023	35.978.498
Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư	30	(386.003.295)	(151.868.990)	(297.410.044)	(96.856.189)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
Tiền thu từ phát hành vốn chủ sở hữu	31	15.000.000	393.604.000	15.000.000	393.604.000
Tiền thu từ vốn góp của cổ đông thiểu số	32	1.100.000	-	-	-
Tiền thu từ vay ngắn và dài hạn	33	1.342.802.253	427.953.821	535.194.905	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.223.538.400)	(395.685.979)	(423.661.018)	(14.732.795)
Tiền chi trả cổ tức	36	-	(5.920.000)	-	-
Tiền thuần thu từ hoạt động tài chính	40	135.363.853	419.951.842	126.533.887	378.871.205
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	79.197.727	14.510.356	31.484.406	4.294.034
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	17.777.261	3.266.905	6.057.616	1.763.582
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	3	96.974.988	17.777.261	37.542.022

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan) và các công ty con

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

	Mã Thuyết số minh	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
		2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
Lợi nhuận trước thuế	01	434.782.932	115.139.147	445.794.969	128.841.343
Điều chỉnh cho					
Khấu hao và phân bổ	02	51.557.480	12.140.279	2.745.738	1.530.370
Các khoản dự phòng	03	1.901.007	3.569.074	-	-
Lỗi từ hoạt động đầu tư	04	-	489.645	-	-
Phần lợi nhuận và các quỹ của công ty liên kết	04	-	(749.256)	-	-
Lỗi từ thanh lý tài sản cố định	04	2.416.223	-	-	-
Thu nhập từ bán cổ phiếu	04	-	(9.320.028)	-	(9.320.028)
Lỗi từ suy giảm lợi ích trong công ty con	04	2.550.866	-	-	-
Thu nhập lãi và cổ tức	05	(121.853.069)	(7.933.146)	(463.340.293)	(37.948.498)
Chi phí lãi vay	06	50.968.074	11.118.500	17.000.032	3.346.169
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	422.323.513	124.454.215	2.200.446	86.449.356
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	(29.110.552)	(366.811.695)	(13.639.676)	(360.348.153)
Biến động hàng tồn kho	10	(58.740.766)	(29.258.561)	(29.634.024)	(8.995.019)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11	83.727.219	38.284.801	282.697.014	16.292.829
		418.199.414	(233.331.240)	241.623.760	(266.600.987)
Tiền lãi vay đã trả	13	(50.968.074)	(11.118.500)	(17.000.032)	(3.346.169)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(34.448.789)	(7.868.734)	(20.739.602)	(7.261.062)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(2.945.382)	(1.254.022)	(1.523.563)	(512.764)
Tiền thuần thu từ/(chi cho) hoạt động kinh doanh	20	329.837.169	(253.572.496)	202.360.563	(277.720.982)

Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan) và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

THUYẾT MINH BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Chi đầu tư vào các công ty con và các đơn vị khác

Trong năm, Tập đoàn mua thêm sở hữu còn lại trong Công ty Cổ phần Công nghiệp Masan và Công ty Cổ phần Công nghệ Thực phẩm Hoa Sen và chuyển các công ty thành các công ty con với sở hữu 100%:

	VNĐ'000
Giá trị mang sang của cổ đông thiểu số được mua lại	33.153.587
Lợi thế thương mại hình thành từ việc mua lại	22.466.322
	55.619.909
Ảnh hưởng của các khoản tiền khác	
Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	9.135.085
	64.754.994
Tổng cộng các khoản thanh toán cho hoạt động đầu tư vào các công ty con và các đơn vị khác trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	64.754.994

CÁC GIAO DỊCH ĐẦU TƯ VÀ TÀI CHÍNH PHI TIỀN TỆ

	Tập đoàn VNĐ'000	Công ty VNĐ'000
Cổ tức nhận được dưới hình thức cổ phiếu thưởng	2.184.300	2.184.300
Cổ tức được công bố bởi các công ty con nhưng chưa trả	-	342.711.970
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	103.795.870	28.395.360
Khoản phải trả thêm cho việc mua lại sở hữu trong các công ty con năm 2007	100.000.000	100.000.000

Người lập:



Nguyễn Thu Hiền
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Trương Công Thắng
Tổng Giám đốc

19 MAR 2009

Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan) và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan) (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là mua bán máy móc, xe ô tô, công cụ và dụng cụ, vật liệu, dụng cụ gia đình, máy vi tính, thiết bị văn phòng, thực phẩm, sản phẩm nông-lâm-ngư nghiệp theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 4103000082 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư (“BKĐ”) cấp ngày 31 tháng 5 năm 2000 và được điều chỉnh vào ngày 20 tháng 7 năm 2006, ngày 14 tháng 9 năm 2006, ngày 28 tháng 2 năm 2007, ngày 25 tháng 12 năm 2007, ngày 10 tháng 5 năm 2008 và ngày 11 tháng 12 năm 2008 (sau đây được gọi chung là “Giấy phép đầu tư”). Giấy chứng nhận có giá trị trong 46 năm kể từ ngày cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh đầu tiên.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 bao gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”). Hoạt động chính của các công ty con được trình bày trong Thuyết minh 13.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 Công ty có 474 nhân viên (2007: 150 nhân viên). Tập đoàn có 4.165 nhân viên (2007: 2.041 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty và Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

(i) Cơ sở kế toán chung

Báo cáo tài chính trình bày bằng Đồng Việt Nam làm tròn tới hàng nghìn (“VND’000”), được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được chấp thuận tại Việt Nam.

Các báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(ii) Cơ sở hợp nhất

Công ty con

Các công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát này tồn tại khi Tập đoàn có quyền điều hành các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có tính đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực đến ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan) và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính (tiếp theo)

Mua lại cổ phần từ các công ty chịu sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh phát sinh từ việc chuyển nhượng các quyền lợi trong các công ty dưới sự kiểm soát của cổ đông kiểm soát Tập đoàn, được ghi nhận bằng phương pháp mua dựa trên giá trị còn lại trên sổ sách của những tài sản được mua và các khoản nợ phải trả.

Các công ty liên kết (các đơn vị nhận đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Các công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có sự ảnh hưởng đáng kể nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty. Sự ảnh hưởng đáng kể này được giả định tồn tại khi Tập đoàn nắm giữ từ 20% đến 50% quyền bỏ phiếu của một công ty khác. Các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (các đơn vị nhận đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu) và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Đầu tư vào các công ty liên kết của Tập đoàn bao gồm lợi thế thương mại được xác định tại thời điểm mua trừ đi giá trị hao mòn lũy kế của lợi thế thương mại. Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của đơn vị nhận đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi được điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, kể từ ngày bắt đầu sự ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày kết thúc sự ảnh hưởng đáng kể. Khi phần sở hữu của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, thì giá trị ghi sổ của khoản đầu tư đó (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và Tập đoàn không phải tiếp tục ghi nhận các khoản lỗ phát sinh sau đó trừ khi Tập đoàn có nghĩa vụ phải thanh toán hay đã thanh toán thay cho đơn vị nhận đầu tư.

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty được đầu tư.

(b) Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VNĐ trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đã và chưa thực hiện được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan) và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành khoản tiền xác định trước, ít rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ nhằm đáp ứng nhu cầu thanh toán ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

(e) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư bằng hình thức ký quỹ và đầu tư bằng công cụ nợ; khoản đầu tư vào chứng khoán vốn của các công ty mà Công ty hoặc Tập đoàn không có sự kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể; và các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết trong các báo cáo tài chính của Công ty được ghi nhận theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này trong trường hợp không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(f) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty và Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

(h) Tài sản cố định hữu hình (tiếp theo)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5-25 năm
▪ nâng cấp tài sản thuê	3-5 năm
▪ thiết bị văn phòng	3-6 năm
▪ nhà xưởng và máy móc	3-12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3-6 năm

(i) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty hoặc Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi khấu hao lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 2(h).

(j) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua quyền sử dụng đất và toàn bộ các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan đến việc đảm bảo quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng từ 40 đến 47 năm.

(ii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 4 năm.

(k) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan) và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

(l) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 47 đến 50 năm.

(ii) Công cụ, dụng cụ và trực in

Công cụ, dụng cụ và trực in được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hữu dụng từ 6 tháng đến 2 năm.

(m) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại công ty con, công ty liên kết và công ty liên doanh. Lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị thuần của các tài sản, công nợ và nợ tiềm năng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua lại lợi ích cổ đông thiểu số trong một công ty con là phần chênh lệch giữa chi phí mua và giá trị ghi sổ của tài sản thuần được mua tại ngày trao đổi.

Lợi thế thương mại phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm. Khi kế toán các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(n) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

(o) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận khi, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty hoặc Tập đoàn có một nghĩa vụ pháp lý hoặc liên đới có thể được ước tính một cách tin cậy và tương đối chắc chắn rằng Công ty hoặc Tập đoàn phải sử dụng các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các luồng tiền dự tính trong tương lai theo lãi suất trước thuế phản ánh được sự đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro gắn liền với khoản nợ phải trả đó.

(p) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp khoản thuế thu nhập phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan) và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

(p) Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư trên bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị xác định theo mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong trường hợp chắc chắn có đủ lợi nhuận chịu thuế trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn thu được các lợi ích về thuế liên quan này.

(q) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại như vốn chủ sở hữu. Chi phí tăng liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là khoản giảm vốn chủ sở hữu.

(ii) Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phiếu được ghi nhận như vốn chủ sở hữu được mua lại, số tiền thanh toán, bao gồm chi phí trực tiếp phát sinh khi mua, sau khi trừ ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận như một khoản giảm vào vốn chủ sở hữu. Những cổ phiếu được mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ và được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu.

(r) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Thu nhập cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là khoản thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Công ty hoặc Tập đoàn được xác lập.

Cổ tức nhận được dưới hình thức cổ phiếu được ghi nhận như thu nhập cổ tức theo mệnh giá của cổ phiếu nhận được.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan) và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

(s) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(t) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định hữu hình đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản cố định sẽ được vốn hoá như một phần của nguyên giá các tài sản cố định này.

(u) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn và Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

(v) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Công ty và Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty và Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(w) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

(x) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

SA
CHI
CỔ
CHN
KI
IT

Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan) và các công ty con
thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

Báo cáo bộ phận theo kinh doanh

Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Công ty chỉ hoạt động trong mảng kinh doanh và phân phối.

Bộ phận	Nước chấm và mì ăn liền		Bao bì		Kinh doanh và phân phối		Loại trừ		Tổng	
	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
Doanh thu	1.720.006.264	279.147.101	196.442.645	131.508.846	1.839.993.207	535.778.649	(1.834.354.174)	(280.872.754)	1.922.087.942	665.561.842
Chi phí hoạt động kinh doanh	322.044.915	18.319.399	13.008.763	(2.094.435)	418.395.885	102.092.191	(373.419.813)	(31.573.486)	380.029.750	86.743.669
Chi phí bán hàng	854.379.305	361.506.024	103.471.605	126.665.322	1.699.792.120	763.338.826	(947.673.831)	(229.044.190)	1.709.969.199	1.022.465.982
Chi phí quản lý	689.336.166	262.481.824	88.238.801	112.790.967	630.898.239	126.317.268	(705.650.773)	(126.240.063)	702.822.433	375.349.996

Bộ phận chia theo khu vực địa lý

Công ty không theo dõi thông tin của vùng địa lý.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
Tiền mặt	2.663.019	1.035.801	209.974	425.821
Tiền gửi ngân hàng	94.311.969	16.741.460	37.332.048	5.631.795
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ	96.974.988	17.777.261	37.542.022	6.057.616

Bao gồm trong tiền của Tập đoàn và Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 có số tiền bằng các đơn vị tiền khác VNĐ lần lượt tương đương 11.712 triệu VNĐ và 11.342 triệu VNĐ (2007: 2.554 triệu VNĐ và 1.263 triệu VNĐ).

5. Các khoản phải thu – ngắn hạn

Các khoản phải thu ngắn hạn bao gồm các khoản phải thu từ các bên liên quan:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
Phải thu từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan				
Phi thương mại	398.896.997	378.170.604	398.896.997	378.170.604
Phải thu từ các công ty con				
Thương mại	-	-	7.459.198	-
Phi thương mại	-	-	390.595.893	67.759.106
Phải thu từ các công ty liên quan khác				
Thương mại	240.129	-	-	-
Phi thương mại	11.793.813	3.924.989	-	40.000
	410.930.939	382.095.593	796.952.088	445.969.710

Các khoản phi thương mại phải thu từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan bao gồm các khoản tạm ứng cho Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan để thuê văn phòng là 726 triệu VNĐ.

Các khoản phi thương mại còn lại phải thu từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan không có đảm bảo và chịu lãi suất năm dao động từ 12% đến 20,53% và được hoàn trả vào ngày 30 tháng 6 năm 2009.

Các khoản phi thương mại phải thu từ các công ty con và các công ty liên quan khác có đảm bảo, không chịu lãi và được trả theo yêu cầu.

Các khoản thương mại phải thu từ công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và được hoàn trả trong vòng 30 – 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu – ngắn hạn (tiếp theo)

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
Tạm ứng	643.875	2.357.099	643.875	2.032.174
Ký quỹ ngắn hạn	-	2.297	-	-
Phải thu khác	1.084.152	3.994.695	-	571.819
	<u>1.728.027</u>	<u>6.354.091</u>	<u>643.875</u>	<u>2.603.993</u>

Biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm như sau:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
Số dư đầu năm	-	-	-	-
Tăng dự phòng trong năm	514.539	-	-	-
	<u>514.539</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, các khoản thương mại phải thu của Tập đoàn là 8.608 triệu VNĐ được thế chấp để đảm bảo khoản vay cấp cho một công ty con, Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt.

6. Hàng tồn kho

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
Hàng mua đang đi trên đường	4.861.377	23.308.439	291.537	-
Nguyên vật liệu	116.716.256	70.687.165	4.750.489	299.182
Công cụ và dụng cụ	705.508	28.075	663.490	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	24.848.586	5.179.894	-	-
Thành phẩm	43.288.257	32.475.645	33.068.695	8.841.005
	<u>190.419.984</u>	<u>131.679.218</u>	<u>38.774.211</u>	<u>9.140.187</u>
Dự phòng hàng tồn kho	(7.023.436)	(5.636.968)	-	-
	<u>183.396.548</u>	<u>126.042.250</u>	<u>38.774.211</u>	<u>9.140.187</u>

Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho (tiếp theo)

Biến động dự phòng hàng tồn kho trong năm như sau:

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
Số dư đầu năm	5.636.968	2.067.894	-	-
Tăng dự phòng trong năm	4.251.667	3.569.074	-	-
Sử dụng dự phòng trong năm	(2.597.396)	-	-	-
Hoàn nhập dự phòng	(267.803)	-	-	-
Số dư cuối năm	7.023.436	5.636.968	-	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 hàng tồn kho của Tập đoàn với giá trị ghi sổ là 21.362 triệu VNĐ (2007: không) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho khoản vay của một công ty con, Công ty Cổ phần Bao bì Minh Việt.

7. Thuế và các khoản khác phải thu từ Ngân sách Nhà nước

	<u>Tập đoàn</u>		<u>Công ty</u>	
	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
Thuế đã nộp Ngân sách Nhà nước có thể được hoàn lại				
▪ Thuế xuất nhập khẩu	7.646.109	8.444.155	-	-
Phải thu khác từ Ngân sách Nhà nước	-	286.424	-	-
	7.646.109	8.730.579	-	-

Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan) và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

Tập đoàn

	Nhà cửa VNĐ'000	Nâng cấp tài sản thuê VNĐ'000	Thiết bị văn phòng VNĐ'000	Nhà xưởng và thiết bị VNĐ'000	Phương tiện vận chuyển VNĐ'000	Tổng VNĐ'000
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	32.276.012	-	3.329.822	127.830.257	15.520.901	178.956.992
Tăng trong năm	12.249.662	1.174.557	6.050.463	79.980.382	3.594.284	103.049.348
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	5.694.551	-	-	4.192.294	420.183	10.307.028
Thanh lý	-	-	(172.219)	(7.008.748)	(2.421.174)	(9.602.141)
Xóa sổ	-	-	(407.684)	(236.337)	(229.750)	(873.771)
Phân loại lại	606.158	-	(902.866)	1.639.898	(1.343.190)	-
Số dư cuối năm	50.826.383	1.174.557	7.897.516	206.397.746	15.541.254	281.837.456
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	7.413.359	-	2.075.908	42.630.241	6.267.469	58.386.977
Khấu hao trong năm	2.154.522	287.498	662.867	21.567.477	2.513.879	27.186.243
Thanh lý	-	-	(121.553)	(3.739.512)	(369.730)	(4.230.795)
Xóa sổ	-	-	(407.684)	(236.337)	(229.750)	(873.771)
Phân loại lại	855.444	-	(257.753)	159.243	(756.934)	-
Số dư cuối năm	10.423.325	287.498	1.951.785	60.381.112	7.424.934	80.468.654
Giá trị còn lại						
Số dư cuối năm	40.403.058	887.059	5.945.731	146.016.634	8.116.320	201.368.802
Số dư đầu năm	24.862.653	-	1.253.914	85.200.016	9.253.432	120.570.015

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 119.747 triệu VNĐ (2007: 102.196 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định hữu hình là tài sản có trị giá 13.572 triệu VNĐ đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 (2007: 327 triệu VNĐ), nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Ma San (trước đây là Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Masan) và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

35. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày năm nay như sau:

Bảng cân đối kế toán	Tập đoàn		Công ty	
	2007 (Phân loại lại) VNĐ'000	2007 (đã trình bày trước đây) VNĐ'000	2007 (Phân loại lại) VNĐ'000	2007 (đã trình bày trước đây) VNĐ'000
Tài sản cố định vô hình	43.006.571	115.540.708	-	-
<i>Nguyên giá</i>	49.128.326	122.673.538	-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	(6.121.755)	(7.132.830)	-	-
Lợi thế thương mại	69.967.585	-	-	-
Chi phí trả trước dài hạn	6.772.825	4.206.273	-	-
Tài sản cố định hữu hình	120.570.015	119.618.100	-	-
<i>Nguyên giá</i>	178.956.992	177.855.048	-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	(58.386.977)	(58.236.948)	-	-
Bất động sản đầu tư	-	951.915	-	-
<i>Nguyên giá</i>	-	1.101.944	-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	-	(150.029)	-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	5.157.293	1.117.293	-	-
Đầu tư vào các công ty con	-	-	164.464.615	160.424.615
Đầu tư dài hạn khác	60.599.021	64.639.021	60.599.021	64.639.021

Điều chỉnh lại

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 được điều chỉnh lại như sau:

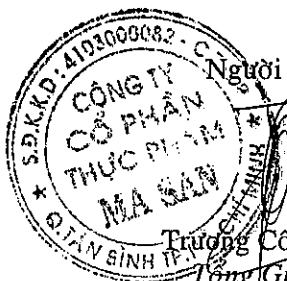
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Tập đoàn		Công ty	
	2007 (điều chỉnh lại) VNĐ'000	2007 (đã trình bày trước đây) VNĐ'000	2007 (điều chỉnh lại) VNĐ'000	2007 (đã trình bày trước đây) VNĐ'000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3,389	7,491	4,229	9,348

Người lập:



Nguyễn Thị Hiền
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Công Thắng
Tổng Giám đốc



**Ngân hàng Thương mại Cổ phần
Kỹ thương Việt Nam**
(Được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội
Chủ nghĩa Việt Nam)

Báo cáo tài chính lập theo
Chuẩn mực Kế toán Việt Nam
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007
đã được kiểm toán

100
*
100

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam
(Được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)
Thông tin về Ngân hàng

Giấy phép Ngân hàng số 0040/NH-GP

ngày 6 tháng 8 năm 1993

Giấy phép hoạt động Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và có thời hạn 20 năm kể từ ngày cấp và được gia hạn lên thêm 99 năm theo Quyết định số 330/QĐ-NH5 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 8 tháng 10 năm 1997.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thiệu Quang	Chủ tịch
Ông Hồ Hùng Anh	Phó Chủ tịch thứ nhất
Bà Nguyễn Thị Nga	Phó Chủ tịch
Ông Trần Đức Lưu	Phó Chủ tịch
Ông Ngô Trí Dũng	Phó Chủ tịch
Ông Brian Fredrick	Ủy viên
Ông Hoàng Văn Đạo	Ủy viên
Ông Thái Quốc Minh	Ủy viên
Ông Nguyễn Hoài Nam	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Đức Vinh	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thiên Hương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Tâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Phú	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lưu Ánh Xuân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quang Thắng	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 16/10/2007)
Ông Nguyễn Thành Long	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1/11/2007)

Hội sở chính

70-72 Bà Triệu
Quận Hoàn Kiếm
Hà Nội, Việt Nam

Đơn vị kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



KPMG Limited
16th Floor, Pacific Place
83B Ly Thuong Kiet Street
Hoan Kiem District, Hanoi
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 946 1600
Fax + 84 (4) 946 1601
Internet www.kpmg.com

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

**Kính gửi Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Ngân hàng
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam**
(Được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán các báo cáo tài chính đính kèm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam ("Ngân hàng") bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày. Các báo cáo này được trình bày từ trang 3 đến trang 29. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này là trách nhiệm của ban lãnh đạo Ngân hàng. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế được chấp thuận tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của ban lãnh đạo Ngân hàng, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quan của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, về tình hình tài chính của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Ngân hàng cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng và các quy định về kế toán liên quan khác do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt



Giấy phép đầu tư số 863/GP
Báo cáo kiểm toán số: 07-02-108

Mark E. Jerome
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0628/KTV
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 28-02-2008

Hồ Việt Hà
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0676/KTV

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

	Thuyết minh	31/12/2007 Triệu VNĐ	31/12/2006 Triệu VNĐ
Tài sản			
Tiền mặt tại quỹ và giấy tờ có giá	25	496.173	203.940
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	3, 25	1.298.682	409.281
Tiền gửi tại các tổ chức tài chính khác	4	9.303.685	4.458.308
Chứng khoán đầu tư	5	6.842.172	2.876.804
Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng	6	20.486.131	8.696.101
Đầu tư, góp vốn	7	36.930	30.783
Tài sản cố định	8	436.970	338.301
Tài sản khác	9	641.753	312.835
		<u>39.542.496</u>	<u>17.326.353</u>
Nợ phải trả			
Tiền vay từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	10	301.993	57.883
Tiền gửi của và tiền vay từ các tổ chức tài chính khác	11	8.458.903	5.070.852
Nguồn vốn ủy thác		161.170	277.307
Tiền gửi của khách hàng	12	24.476.576	9.566.043
Phát hành giấy tờ có giá	13	1.750.715	192.242
Dự phòng chung cho các cam kết phát hành		25.216	5.279
Nợ phải trả khác	14	638.183	367.005
Dự phòng thuế phải nộp	15	156.324	28.055
		<u>35.969.080</u>	<u>15.564.666</u>
Vốn cổ phần	16	2.521.308	1.500.000
Thặng dư vốn cổ phần		476.779	3.942
Các nguồn vốn khác		371	371
Lợi nhuận để lại		428.636	171.121
Các quỹ	17	146.322	86.253
		<u>39.542.496</u>	<u>17.326.353</u>
Các khoản mục ngoại bảng			
Thư tín dụng trả ngay		4.710.503	1.022.665
Thư tín dụng trả chậm		744.689	146.704
Bảo lãnh tài chính		1.348.279	639.545
Các hợp đồng ngoại hối		375.323	299.174
Các hợp đồng mua hàng hóa tương lai	28	6.051.861	12.813
Các hợp đồng bán hàng hóa tương lai	28	5.881.154	205.156



Phê duyệt bởi:

28 -02- 2008

Trần Văn Chiến
 Trần Văn Chiến
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 29 là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

	Thuyết minh	Năm kết thúc 31/12/2007 Triệu VNĐ	Năm kết thúc 31/12/2006 Triệu VNĐ
Thu nhập lãi và các khoản có tính chất lãi	18	2.326.002	1.207.503
Chi phí lãi và các khoản có tính chất lãi	18	(1.400.728)	(750.056)
Thu nhập tiền lãi ròng	18	925.274	457.447
Thu phí dịch vụ và hoa hồng	19	206.958	132.987
Chi phí dịch vụ và hoa hồng	19	(30.022)	(31.511)
Thu nhập ròng từ phí dịch vụ và hoa hồng	19	176.936	101.476
Thu nhập ròng từ kinh doanh ngoại hối		24.583	7.491
Thu nhập cổ tức		2.992	724
Lãi ròng từ kinh doanh chứng khoán		81.761	5.065
Thu nhập khác		4.462	39.156
Lương và các chi phí liên quan		(182.240)	(97.835)
Dự phòng nợ khó đòi	6	(59.115)	(27.773)
Dự phòng chung cho các cam kết phát hành		(19.937)	(2.884)
Dự phòng cho các khoản đầu tư, góp vốn	7	(1.835)	-
Khấu hao và phân bổ tài sản cố định		(23.535)	(12.249)
Chi phí quản lý chung	20	(219.606)	(114.096)
Lợi nhuận trước thuế		709.740	356.522
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21	(199.356)	(99.616)
Lợi nhuận sau thuế		510.384	256.906
Lãi trên cổ phiếu (mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu)			
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)	22	2.452	2.892



Phê duyệt bởi:

Trần Văn Chiến
 Trần Văn Chiến
 Kế toán trưởng

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

(Triệu VND)	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Các nguồn vốn khác	Lợi nhuận để lại	Quỹ dự trữ	Tổng cộng
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2006	617.660	213.235	371	127.796	50.343	1.009.405
Góp vốn	669.105	6.436	-	-	-	675.541
Kết chuyển từ thặng dư vốn cổ phần sang các quỹ	-	(2.494)	-	-	2.494	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	256.906	-	256.906
Kết chuyển sang vốn cổ phần	213.235	(213.235)	-	-	-	-
Kết chuyển sang các quỹ	-	-	-	(48.624)	48.624	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(15.195)	(15.195)
Trả cổ tức bằng tiền mặt	-	-	-	(164.957)	-	(164.957)
Biến động khác	-	-	-	-	(13)	(13)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2007	1.500.000	3.942	371	171.121	86.253	1.761.687
Góp vốn	859.102	472.837	-	-	-	1.331.939
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	149.366	-	-	(149.366)	-	-
Kết chuyển từ các quỹ sang vốn cổ phần	12.840	-	-	-	(12.840)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	510.384	-	510.384
Kết chuyển sang các quỹ	-	-	-	(103.503)	103.503	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(30.594)	(30.594)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2007	2.521.308	476.779	371	428.636	146.322	3.573.416



Nguyễn Đức Vinh
 Tổng Giám đốc

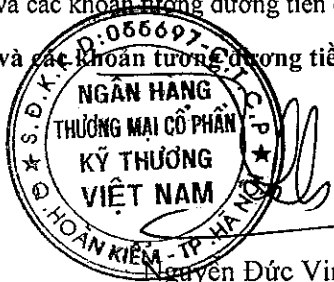
Phê duyệt bởi:

Trần Văn Chiến
 Kế toán trưởng

28 -02- 2008

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

	Thuyết minh	Năm kết thúc 31/12/2007 Triệu VNĐ	Năm kết thúc 31/12/2006 Triệu VNĐ
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế		709.740	356.522
Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao và phân bổ tài sản cố định		23.535	12.249
Dự phòng chung cho các cam kết phát hành		19.937	2.884
Dự phòng cho các khoản nợ khó đòi – thuần	6	59.115	27.773
Dự phòng giảm giá đầu tư, góp vốn	7	1.835	-
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư, góp vốn		-	(810)
Lỗ/(lãi) từ thanh lý tài sản cố định		458	(27.340)
Cổ tức nhận được trong năm		(2.992)	(724)
Lợi nhuận hoạt động trước những thay đổi về tài sản và nợ hoạt động		811.628	370.554
Tăng tài sản hoạt động			
Tiền gửi tại các tổ chức tài chính khác		(2.890.053)	(2.041.756)
Chứng khoán đầu tư - biến động thuần		(3.965.368)	(934.184)
Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng		(11.849.145)	(3.430.812)
Tài sản khác		(328.918)	(163.754)
Tăng/(giảm) công nợ hoạt động			
Tiền vay từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		244.110	(92.219)
Tiền gửi của và tiền vay từ các tổ chức tài chính khác		3.388.051	2.166.898
Nguồn vốn ủy thác		(116.137)	166.430
Tiền gửi của khách hàng		14.910.533	3.370.971
Phát hành giấy tờ có giá		1.558.473	192.242
Nợ phải trả khác		274.844	120.889
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		2.038.018	(274.741)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(74.697)	(135.654)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		1.963.321	(410.395)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang		(122.662)	(239.360)
Mua các khoản đầu tư góp vốn		(7.982)	(21.645)
Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư góp vốn		-	3.510
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		-	72.704
Cổ tức nhận được trong năm		2.992	724
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(127.652)	(184.067)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tăng vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần		1.331.939	675.541
Sử dụng các quỹ và biến động khác		(30.594)	(15.208)
Trả cổ tức cho cổ đông bằng tiền mặt		(57)	(157.099)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.301.288	503.234
Tăng thuần về tiền và các khoản tương đương tiền		3.136.957	(91.228)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		2.638.901	2.730.129
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	25	5.775.858	2.638.901



Nguyễn Đức Vinh
 Tổng Giám đốc

Phê duyệt bởi:

28 -02- 2008

Trần Văn Chiến
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 29 là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Hoạt động chính

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (“Ngân hàng”) là một ngân hàng cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam để cung cấp các dịch vụ ngân hàng theo Giấy phép hoạt động ngân hàng số 0040/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNNVN”) cấp ngày 6 tháng 8 năm 1993 với thời hạn hoạt động ban đầu là 20 năm. Thời hạn hoạt động của Ngân hàng được gia hạn lên 99 năm theo Quyết định số 330/QĐ-NH5 ngày 8 tháng 10 năm 1997 của NHNNVN.

Hội sở chính của Ngân hàng tại 70 – 72 Bà Triệu, Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, Ngân hàng có một Hội sở chính, 01 sở giao dịch, 38 chi nhánh và 92 văn phòng giao dịch trên cả nước.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, Ngân hàng có 2.929 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2006: 1.584 nhân viên).

2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Ngân hàng áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính, trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VNĐ”) được làm tròn đến hàng triệu gần nhất, được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng và các quy định về kế toán liên quan khác do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam, có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận chung ở các quốc gia khác. Do đó, các báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận chung ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng các báo cáo này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán Việt Nam.

Các báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Ngân hàng áp dụng nhất quán các chính sách kế toán trong năm và cũng nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong năm trước.

(b) Năm tài chính

Năm tài chính của Ngân hàng là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

(c) Các giao dịch ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc tiền tệ khác với VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ phát sinh trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái quy định tại ngày giao dịch. Các chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện trong năm và đánh giá lại cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các cam kết mở về các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn được đánh giá lại theo tỷ giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Bất kỳ một khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh sẽ được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi tại NHNNVN và tiền gửi tại các ngân hàng khác với kỳ hạn gốc dưới 90 ngày.

(e) Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư bao gồm chứng khoán do Chính phủ, NHNNVN, các ngân hàng và các công ty khác phát hành. Các loại chứng khoán được Ngân hàng nắm giữ nhằm mục đích thu lãi ngắn hạn được phân loại là công cụ kinh doanh. Các loại chứng khoán mà Ngân hàng có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại là tài sản giữ tới ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư khác được phân loại là tài sản sẵn có để bán.

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Khi thích hợp, dự phòng giảm giá các khoản chứng khoán đầu tư được lập theo Nghị định 146/2005/NĐ-CP ngày 23 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ.

(f) Các khoản cho vay và ứng trước

Theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN của NHNNVN ngày 22 tháng 4 năm 2005, được sửa đổi và bổ sung bằng Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25 tháng 4 năm 2007 của NHNNVN, dự phòng cụ thể cần được lập cho các khoản cho vay và ứng trước trên cơ sở hàng quý dựa trên việc xếp hạng cho các khoản cho vay.

Dự phòng cụ thể cho các khoản cho vay và ứng trước tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán (là ngày 31 tháng 12) được xác định dựa trên việc sử dụng các tỷ lệ dự phòng sau đây đối với khoản nợ vay gốc tại ngày 30 tháng 11 sau khi đã trừ đi giá trị tài sản thế chấp đã được định giá.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

(f) Các khoản cho vay và ứng trước (tiếp theo)

<i>Nhóm</i>		<i>Tình trạng quá hạn</i>	<i>Tỷ lệ dự phòng</i>
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	Trong hạn hoặc quá hạn dưới 10 ngày.	0%
2	Nợ cần chú ý	<ul style="list-style-type: none"> Quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày; hoặc Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ nhất (nếu khách hàng được đánh giá là đủ khả năng hoàn trả cả gốc lẫn lãi theo thời hạn đã được cơ cấu lại lần thứ nhất áp dụng đối với các khách hàng là doanh nghiệp và tổ chức). 	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	<ul style="list-style-type: none"> Quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ nhất ngoại trừ các khoản cho vay có thời hạn trả nợ được cơ cấu lại đã được phân loại vào Nhóm 2 ở trên; hoặc Các khoản cho vay được miễn, giảm tiền lãi do khách hàng không có khả năng thanh toán tiền lãi theo hợp đồng. 	20%
4	Nợ nghi ngờ	<ul style="list-style-type: none"> Quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày; Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ nhất và quá hạn dưới 90 ngày tính theo thời hạn trả nợ đã được cơ cấu lại lần thứ nhất; hoặc Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai. 	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	<ul style="list-style-type: none"> Quá hạn trên 360 ngày; Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ nhất và quá hạn từ 90 ngày trở lên tính theo thời hạn trả nợ đã được cơ cấu lại lần thứ nhất; Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai và đã bị quá hạn tính theo thời hạn trả nợ đã được cơ cấu lại lần thứ hai; Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba; hoặc Các khoản nợ khoanh, hay nợ chờ xử lý. 	100%

Ngoài ra, Ngân hàng cũng được yêu cầu phải trích lập và duy trì khoản dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị số dư nợ cho vay và ứng trước được phân loại từ Nhóm 1 đến Nhóm 4 tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Khoản dự phòng chung này sẽ được lập đủ trong vòng 5 năm kể từ ngày Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN có hiệu lực. Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, Ngân hàng đã trích lập dự phòng chung ở mức 0,45% các số dư nói trên tại ngày 30 tháng 11 năm 2007.

Không có khoản dự phòng chung nào được lập đối với rủi ro quốc gia, ngoại trừ quỹ dự phòng tài chính được lập theo yêu cầu của NHNNVN (Thuyết minh số 17).

(g) Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng

Theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN, Ngân hàng được yêu cầu phải phân loại các bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và các cam kết cho vay không được hủy ngang chưa giải ngân vào các nhóm liên quan và lập dự phòng cụ thể tương ứng.

Ngoài ra, Ngân hàng cũng được yêu cầu phải trích lập và duy trì khoản dự phòng chung bằng 0,75% tổng số dư các thư bảo lãnh, thư tín dụng và các cam kết cho vay không được hủy ngang chưa giải ngân tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Khoản dự phòng chung này sẽ được lập đủ trong vòng 5 năm kể từ ngày Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN có hiệu lực. Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, Ngân hàng đã trích lập dự phòng chung ở mức 0,45% các số dư nói trên tại ngày 30 tháng 11 năm 2007.

2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ trụ sở và chi phí cải tạo trụ sở	20-50 năm
▪ thiết bị văn phòng	4-8 năm
▪ phương tiện vận chuyên	10 năm
▪ tài sản khác	4-5 năm

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí phát sinh để mua quyền sử dụng đất chính thức. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất được tính dựa trên các chi phí phát sinh và giá trị đất được Nhà nước phê duyệt tại thời điểm mua. Quyền sử dụng đất với thời hạn không xác định không được phân bổ.

(ii) Phần mềm vi tính

Giá mua phần mềm vi tính mới, mà phần mềm vi tính này không phải là một bộ phận không thể tách rời của phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và được hạch toán như đối với tài sản cố định vô hình. Phần mềm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 8 năm.

(j) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận khi, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Ngân hàng có một nghĩa vụ pháp lý hoặc liên đới mà có thể được ước tính một cách tin cậy và có nhiều khả năng Ngân hàng phải sử dụng các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các luồng tiền dự tính trong tương lai theo tỷ lệ trước thuế phản ánh được các đánh giá của thị trường hiện tại về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro gắn liền với khoản nợ phải trả đó.

2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp trên số lãi hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp khoản thuế thu nhập phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị xác định theo mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận tương ứng với mức lợi nhuận chịu thuế chắc chắn trong tương lai mà lợi nhuận đó có thể dùng để khấu trừ với tài sản thuế thu nhập này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn thu được các lợi ích về thuế liên quan này.

(l) Ghi nhận doanh thu

Thu nhập tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ tiền lãi từ các khoản cho vay được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 được ghi nhận khi Ngân hàng thực thu được.

Phí dịch vụ và hoa hồng được ghi nhận khi phát sinh hoặc thực hiện.

Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thiết lập.

(m) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(n) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong năm khi các chi phí này phát sinh.

(o) Lãi trên cổ phiếu

Ngân hàng trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) đối với các cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông năm giữ cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng (tức là lợi nhuận sau thuế trước khi trích lập các quỹ dự trữ) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu (tiếp theo)

(p) Các công ty liên quan

Các công ty liên quan bao gồm các cổ đông, các công ty con và các công ty liên kết của họ.

(q) Các khoản mục ngoại bảng

Trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, Ngân hàng có các cam kết ngoại bảng.

(i) Các hợp đồng ngoại hối

Ngân hàng ký kết các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn và hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của Ngân hàng.

Các hợp đồng kỳ hạn là các cam kết để mua hoặc bán một loại tiền tệ nhất định tại một ngày cụ thể được xác định trong tương lai theo một tỷ giá xác định trước và sẽ được thanh toán bằng tiền mặt. Các hợp đồng hoán đổi là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa.

(ii) Các hợp đồng hàng hóa tương lai

Các hợp đồng hàng hóa tương lai là các cam kết mua hoặc bán một loại hàng hóa nhất định tại một thời điểm xác định trong tương lai theo mức giá được xác định trước và có thể được thanh toán bằng tiền hoặc một tài sản tài chính khác. Các hợp đồng hàng hóa tương lai nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro thị trường do biến động của giá cả hàng hóa.

Ngân hàng đóng vai trò là môi giới trung gian cho khách hàng trong việc ký kết các hợp đồng hàng hóa tương lai.

(iii) Các cam kết và nợ tiềm ẩn

Tại bất cứ thời điểm nào Ngân hàng cũng có các cam kết cấp tín dụng chưa thực hiện. Các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. Ngân hàng cũng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh việc thực hiện hợp đồng của khách hàng đối với bên thứ ba. Nhiều khoản cam kết và nợ tiềm ẩn sẽ đáo hạn mà không phát sinh bất kỳ một phần hay toàn bộ một khoản tạm ứng nào. Do đó các khoản cam kết và nợ tiềm ẩn này không phản ánh luồng lưu chuyển tiền tệ dự kiến trong tương lai.

3. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Tiền gửi tại NHNNVN bao gồm các quỹ dự trữ bắt buộc và tài khoản tiền gửi thanh toán.

Theo quy định của NHNNVN về dự trữ bắt buộc, các ngân hàng được phép duy trì một số dư thà nổi tại tài khoản dự trữ bắt buộc. Số dư bình quân dự trữ bắt buộc hàng tháng phải không được thấp hơn 10% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2006: 8%) đối với số dư tiền gửi bình quân tháng trước bằng ngoại tệ với kỳ hạn dưới 12 tháng; 4% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2006: 2%) đối với số dư tiền gửi bình quân tháng trước bằng ngoại tệ với kỳ hạn từ 12 tháng đến 24 tháng; 10% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2006: 5%) đối với số dư tiền gửi bình quân tháng trước bằng VNĐ với kỳ hạn dưới 12 tháng; và 4% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2006: 2%) đối với số dư tiền gửi bình quân tháng trước bằng VNĐ với kỳ hạn từ 12 tháng đến 24 tháng, được sử dụng làm cơ sở để tính dự các quỹ bắt buộc.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

3. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (tiếp theo)

Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo loại tiền tệ như sau:

	31/12/2007 Triệu VNĐ	31/12/2006 Triệu VNĐ
VNĐ	1.143.013	319.894
Đô la Mỹ ("USD")	155.669	89.387
	<u>1.298.682</u>	<u>409.281</u>

Lãi suất năm thực tế tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2007	31/12/2006
Tiền gửi bằng VNĐ		
Trong mức dự trữ bắt buộc	1,2%	1,2%
Ngoài mức dự trữ bắt buộc	0%	0%
Tiền gửi bằng USD		
Trong mức dự trữ bắt buộc	0%	0%
Ngoài mức dự trữ bắt buộc	1%	1%

4. Tiền gửi tại các tổ chức tài chính khác

	31/12/2007 Triệu VNĐ	31/12/2006 Triệu VNĐ
Tiền gửi không kỳ hạn	159.096	142.862
Tiền gửi có kỳ hạn	9.144.589	4.315.446
	<u>9.303.685</u>	<u>4.458.308</u>

Tiền gửi tại các ngân hàng khác theo loại tiền tệ như sau:

	31/12/2007 Triệu VNĐ	31/12/2006 Triệu VNĐ
VNĐ	6.815.622	3.302.966
Ngoại tệ (chủ yếu là USD)	2.488.063	1.155.342
	<u>9.303.685</u>	<u>4.458.308</u>

Lãi suất năm thực tế tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2007	31/12/2006
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ	2,4%	2,4%
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	1% - 2,7%	1% - 1,5%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	6,1% - 12,5%	8,18% - 9,5%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	3,8% - 9,27%	5,19% - 7,84%

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

5. Chứng khoán đầu tư

	31/12/2007 Triệu VNĐ	31/12/2006 Triệu VNĐ
Chứng khoán sẵn sàng để bán		
Cổ phiếu do các tổ chức tài chính khác phát hành (i)	240.773	-
Các khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ FPT (ii)	450.000	-
Trái phiếu do các tổ chức tài chính phát hành (iii)	300.000	550.000
Kỳ phiếu và trái phiếu do các tổ chức tài chính phát hành (iv)	2.111.890	-
Trái phiếu do các đơn vị kinh doanh khác phát hành (v)	650.000	-
Trái phiếu Chính phủ (vi)	886.917	-
	4.639.580	550.000
Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn		
Tín phiếu do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành (vii)	189.202	-
Trái phiếu Kho bạc Nhà nước và trái phiếu Chính phủ (viii)	260.840	229.184
Trái phiếu do các tổ chức tài chính phát hành (ix)	972.550	1.547.620
Trái phiếu do các đơn vị kinh doanh khác phát hành (x)	780.000	550.000
	2.202.592	2.326.804
	6.842.172	2.876.804

- (i) Bao gồm các cổ phiếu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (“ACB”), Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (“MB”).
- (ii) Chứng khoán được giữ tại Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ FPT (“Quỹ FPT”) thuộc các danh mục đầu tư khác nhau do Quỹ FPT quản lý. Theo Thỏa thuận Quản lý Đầu tư Ủy thác (“Thỏa thuận”), Quỹ FPT thay mặt Ngân hàng thực hiện hoạt động đầu tư theo các danh mục trên trong một năm, bắt đầu từ ngày 17 tháng 9 năm 2007. Tiền lãi đầu tư thu được được trả cho Ngân hàng vào ngày hết hạn Thỏa thuận hoặc theo yêu cầu của Ngân hàng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, danh mục đầu tư bao gồm 442.603 triệu VNĐ cổ phiếu (theo nguyên giá) của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại dương, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Dầu khí Toàn cầu, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nhà Hà Nội và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam (“Vinaconex”) và 7.397 triệu VNĐ bằng tiền mặt.
- (iii) Bao gồm các trái phiếu do Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (“BIDV”) và Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Trung tâm 1 phát hành. Các trái phiếu này có kỳ hạn tương ứng là 15 năm, bằng VNĐ và có lãi suất tương ứng là 10,1% và 9,2% (ngày 31 tháng 12 năm 2006: 9,0% đến 9,1%). Tiền lãi trái phiếu được trả hàng năm.
- (iv) Bao gồm kỳ phiếu và trái phiếu do Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (“VBARD”), Quỹ Đầu tư và Phát triển Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Công ty Tài chính Dầu khí Việt Nam, Công ty Tài chính Vinashin, ACB và Ngân hàng Phát triển Việt Nam phát hành; trái phiếu có thể chuyển đổi do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội phát hành. Các tín phiếu và trái phiếu này có kỳ hạn từ 2 năm đến 15 năm, bằng VNĐ và có lãi suất từ 8% đến 10,1% (ngày 31 tháng 12 năm 2006: từ 9,0% đến 10,1%) một năm. Tiền lãi được trả hàng năm.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

5. Chứng khoán đầu tư (tiếp theo)

- (v) Bao gồm các trái phiếu do Tổng công ty lắp máy Việt Nam (“LILAMA”), Công ty Xây dựng thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại HB, Tập đoàn Thương mại Sài Gòn, Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Sài Gòn Thương Tín phát hành. Các trái phiếu này có kỳ hạn 5 năm, bằng VNĐ và có lãi suất từ 9.6% đến 12% (ngày 31 tháng 12 năm 2006: từ 7,2% đến 8,75%) một năm. Tiền lãi được trả hàng năm.
- (vi) Bao gồm công trái giáo dục và xây dựng do Kho bạc Nhà nước phát hành. Các công trái này có kỳ hạn 5 năm, bằng VNĐ và có lãi suất từ 7% đến 8,7%. Tiền lãi được trả hàng năm.
- (vii) Bao gồm tín phiếu có kỳ hạn từ sáu đến mười hai tháng, bằng VNĐ, có lãi suất từ 7,5% đến 7,75%. Lãi được trả khi đáo hạn.
- (viii) Bao gồm trái phiếu có kỳ hạn từ 5 đến 15 năm, bằng VNĐ, có lãi suất từ 7,2% đến 9,25% một năm. Lãi được trả khi đáo hạn và hàng năm.
- (ix) Bao gồm trái phiếu có kỳ hạn từ một đến năm năm do BIDV, VBARD, Quỹ Đầu tư và Phát triển Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ngân hàng phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long phát hành bằng VNĐ, có lãi suất từ 8,58% đến 9,4% một năm.
- (x) Bao gồm trái phiếu do Tổng Công ty Điện lực Việt Nam, Công ty Xây dựng Sông Đà, Nhà máy Đóng tàu Nam Triệu và Tổng Công ty Thép Việt Nam phát hành. Các trái phiếu này có kỳ hạn từ 2 năm đến 10 năm, bằng VNĐ và có lãi suất từ 9,2% đến 10,5% (ngày 31 tháng 12 năm 2006: 9,6% đến 10,5% một năm). Tiền lãi được trả hàng năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, Ngân hàng cầm cố số chứng khoán có giá trị 1.283 tỷ VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2006: 1.204 tỷ VNĐ) làm tài sản đảm bảo cho các khoản tiền gửi và tiền vay từ các ngân hàng khác và NHNNVN và cầm cố số chứng khoán có giá trị 500 tỷ VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2006: bằng không) theo các hợp đồng mua lại chứng khoán.

6. Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng

	31/12/2007 Triệu VNĐ	31/12/2006 Triệu VNĐ
Các khoản cho vay ngắn hạn	12.959.677	6.193.136
Các khoản cho vay trung và dài hạn	6.998.417	2.617.712
	<hr/> 19.958.094	<hr/> 8.810.848
Dự phòng cho các khoản cho vay và ứng trước	(116.963)	(114.747)
Tổng cộng các khoản cho vay và ứng trước	<hr/> 19.841.131	<hr/> 8.696.101
Các khoản đặt cọc mua chứng khoán (i)	645.000	-
	<hr/> <hr/> 20.486.131	<hr/> <hr/> 8.696.101

(i) Đây là các khoản đặt cọc tại các công ty chứng khoán để mua chứng khoán hộ Ngân hàng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

6. Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng (tiếp theo)

Các khoản cho vay và ứng trước theo ngành kinh tế như sau:

	31/12/2007	%	31/12/2006	%
	Triệu VNĐ		Triệu VNĐ	
Nông, lâm nghiệp	2.253.311	11%	739.083	8,4%
Thương mại, sản xuất và chế biến	6.892.420	35%	3.526.700	40,0%
Xây dựng	1.185.230	6%	509.756	5,8%
Bến bãi, vận tải và truyền thông	588.904	3%	191.485	2,2%
Khách sạn	455.806	2%	34.992	0,4%
Khác	8.582.423	43%	3.808.832	43,2%
	19.958.094	100%	8.810.848	100%

Các khoản cho vay và ứng trước theo đối tượng khách hàng như sau:

	31/12/2007	%	31/12/2006	%
	Triệu VNĐ		Triệu VNĐ	
Doanh nghiệp quốc doanh	856.659	4%	572.708	6,5%
Công ty trách nhiệm hữu hạn	6.949.938	35%	3.320.308	37,7%
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	472.405	2%	170.117	1,9%
Cá nhân và các khách hàng khác	11.679.092	59%	4.747.715	53,9%
	19.958.094	100%	8.810.848	100%

Các khoản cho vay và ứng trước theo nhóm nợ như sau:

	31/12/2007	%	31/12/2006	%
	Triệu VNĐ		Triệu VNĐ	
Nợ đủ tiêu chuẩn	19.357.501	97%	7.894.774	89,6%
Nợ cần chú ý	322.772	1,6%	641.676	7,3%
Nợ dưới tiêu chuẩn	90.230	0,5%	53.999	0,6%
Nợ nghi ngờ	81.097	0,4%	75.837	0,9%
Nợ có khả năng mất vốn	106.494	0,5%	144.562	1,6%
	19.958.094	100%	8.810.848	100%

Các khoản cho vay và ứng trước theo loại tiền tệ như sau:

	31/12/2007	%	31/12/2006	%
	Triệu VNĐ		Triệu VNĐ	
VNĐ	14.800.465	74%	6.344.911	72%
USD	5.084.133	25%	2.433.345	27%
Ngoại tệ khác	73.496	1%	32.592	1%
	19.958.094	100%	8.810.848	100%

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

6. Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng (tiếp theo)

Lãi suất năm thực tế tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2007	31/12/2006
Các khoản cho vay và ứng trước bằng VNĐ	11,28% - 14,16%	10,99% - 13,50%
Các khoản cho vay và ứng trước bằng ngoại tệ (chủ yếu là USD)	7% - 7,7%	7,05% - 7,76%

Dự phòng cho các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng gồm:

	31/12/2007 Triệu VNĐ	31/12/2006 Triệu VNĐ
Dự phòng chung	76.580	28.283
Dự phòng cụ thể	40.383	86.464
	<u>116.963</u>	<u>114.747</u>

Biến động dự phòng các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng như sau:

	31/12/2007 Triệu VNĐ	31/12/2006 Triệu VNĐ
Số dư đầu năm	114.747	86.974
Trích lập dự phòng trong năm	59.115	27.773
Sử dụng dự phòng	(56.899)	-
Số dư cuối năm	<u>116.963</u>	<u>114.747</u>

7. Đầu tư, góp vốn

	31/12/2007 Triệu VNĐ	31/12/2006 Triệu VNĐ
Đầu tư vào các tổ chức tài chính và các tổ chức tương tự – nguyên giá	14.264	7.252
Đầu tư vào các doanh nghiệp khác – nguyên giá	24.501	23.531
	<u>38.765</u>	<u>30.783</u>
Dự phòng các khoản đầu tư góp vốn	(1.835)	-
	<u>36.930</u>	<u>30.783</u>

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

7. Đầu tư, góp vốn (tiếp theo)

Chi tiết về các khoản đầu tư góp vốn tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 như sau:

	Tổng vốn điều lệ của tổ chức được đầu tư Triệu VNĐ	Mệnh giá của các khoản đầu tư Triệu VNĐ	Tỷ lệ vốn góp/vốn điều lệ %	Giá trị ghi sổ Triệu VNĐ
Đầu tư vào các tổ chức tài chính và các tổ chức tương tự				
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh	849.312	14.018	1,65%	14.264
Đầu tư vào các doanh nghiệp khác				
Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Dung Quất	49.000	1.535	3,13%	1.535
Công ty cổ phần VINACONEX S.W.I.F.T SCRL	1.500.000 279.381	10.000 283	0,67% 0,10%	20.823 283
Công ty Cổ phần Thương mại và Cho thuê Thiết bị LEACON	2.600	250	9,62%	250
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Thiên Bảo	3.600	300	8,33%	300
Công ty Đào tạo Nghiệp vụ Ngân hàng	2.910	310	10,65%	310
Công ty Cổ phần Thẻ Tín dụng và Dịch vụ Ngân hàng		970		1.000
		<u>27.666</u>		<u>38.765</u>

Biến động dự phòng cho các khoản đầu tư, góp vốn như sau:

	31/12/2007 Triệu VNĐ	31/12/2006 Triệu VNĐ
Trích lập dự phòng trong năm và số dư cuối năm	<u>1.835</u>	<u>-</u>

8. Tài sản cố định

	31/12/2007 Triệu VNĐ	31/12/2006 Triệu VNĐ
Tài sản cố định hữu hình (i)	330.944	303.911
Tài sản cố định vô hình (ii)	57.256	21.130
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	48.770	13.260
	<u>436.970</u>	<u>338.301</u>

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

8. Tài sản cố định (tiếp theo)

(i) Tài sản cố định hữu hình

	Trụ sở và chi phí cải tạo trụ sở	Thiết bị văn phòng	Phương tiện vận chuyển	Tài sản khác	Tổng cộng
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	250.033	48.605	26.950	3.724	329.312
Tăng trong năm	4.967	64.688	1.101	1.709	72.465
Phân loại lại	(25.489)	-	-	-	(25.489)
Thanh lý	(135)	(799)	(437)	(66)	(1.437)
Số dư cuối năm	229.376	112.494	27.614	5.367	374.851
Khấu hao lũy kế					
Số dư đầu năm	4.022	14.011	6.948	420	25.401
Khấu hao trong năm	4.448	11.666	2.833	551	19.498
Thanh lý	-	(695)	(267)	(30)	(992)
Số dư cuối năm	8.470	24.982	9.514	941	43.907
Giá trị còn lại					
Số dư cuối năm	220.906	87.512	18.100	4.426	330.944
Số dư đầu năm	246.011	34.594	20.002	3.304	303.911

(ii) Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm vi tính Triệu VNĐ	Quyền sử dụng đất Triệu VNĐ	Tài sản khác Triệu VNĐ	Tổng cộng Triệu VNĐ
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	23.376	2.295	1.861	27.532
Tăng trong năm	14.670	-	17	14.687
Phân loại lại	-	25.489	-	25.489
Thanh lý	(30)	-	-	(30)
Số dư cuối năm	38.016	27.784	1.878	67.678
Khấu hao lũy kế				
Số dư đầu năm	6.010	185	207	6.402
Khấu hao trong năm	3.847	-	190	4.037
Thanh lý	(17)	-	-	(17)
Số dư cuối năm	9.840	185	397	10.422
Giá trị còn lại				
Số dư cuối năm	28.176	27.599	1.481	57.256
Số dư đầu năm	17.366	2.110	1.654	21.130

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

9. Tài sản khác

	31/12/2007 Triệu VNĐ	31/12/2006 Triệu VNĐ
Lãi dự thu	442.092	196.092
Tạm ứng cho các hoạt động ngân hàng	6.848	3.133
Chi phí trả trước	29.248	26.285
Các tài sản khác	163.565	87.325
	641.753	312.835
	641.753	312.835

10. Tiền vay từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Tiền vay từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là các khoản vay ngắn hạn bằng VNĐ. Các khoản vay này chịu lãi suất từ 4,5%/năm đến 8%/ năm (ngày 31 tháng 12 năm 2006: 4.43% đến 8.38%/năm).

11. Tiền gửi của và tiền vay từ các tổ chức tài chính khác

	31/12/2007 Triệu VNĐ	31/12/2006 Triệu VNĐ
Tiền gửi không kỳ hạn	1.325.957	215.016
Tiền gửi có kỳ hạn	7.130.777	4.704.918
Tiền vay từ các ngân hàng khác	2.169	150.918
	8.458.903	5.070.852
	8.458.903	5.070.852

Tiền gửi của và tiền vay từ các tổ chức tài chính khác theo loại tiền tệ như sau:

	31/12/2007 Triệu VNĐ	31/12/2006 Triệu VNĐ
VNĐ	6.035.926	3.731.438
USD	2.350.516	1.279.484
Ngoại tệ khác	72.461	59.930
	8.458.903	5.070.852
	8.458.903	5.070.852

Lãi suất năm thực tế tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2007	31/12/2006
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ	2,4%	2,4%
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,1%	0,1%
Tiền vay và tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	6% - 9,6%	7,5% - 9%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	4,2% - 5,67%	3,75% - 5,8%
	4,2% - 5,67%	3,75% - 5,8%
	4,2% - 5,67%	3,75% - 5,8%

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

12. Tiền gửi của khách hàng

	31/12/2007 Triệu VNĐ	31/12/2006 Triệu VNĐ
Tiền gửi không kỳ hạn	4.713.490	1.927.839
Tiền gửi tiết kiệm	12.706.720	6.492.209
Tiền gửi có kỳ hạn	5.760.104	731.194
Tiền gửi ký quỹ	996.262	414.801
	<hr/>	<hr/>
	24.176.576	9.566.043
Tiền gửi của khách hàng mua chứng khoán theo hợp đồng mua bán lại (i)	300.000	-
	<hr/>	<hr/>
	24.476.576	9.566.043

Tiền gửi không kỳ hạn có thể phải hoàn trả bất cứ lúc nào. Tiền gửi có kỳ hạn và tiền gửi tiết kiệm có lãi suất cố định và thả nổi có các kỳ hạn gốc từ 1 tháng đến 60 tháng.

Tiền gửi ký quỹ bao gồm tiền gửi ký quỹ để thanh toán séc, mở thư tín dụng và các bảo lãnh tài chính khác như bảo lãnh vay vốn, thanh toán, dự thầu, thực hiện hợp đồng và các hợp đồng mua bán hàng hóa trong lai của khách hàng và các mục đích khác.

- (i) Đây là các khoản tiền gửi của các công ty chứng khoán tại Ngân hàng để mua chứng khoán theo hợp đồng mua bán lại.

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng khách hàng như sau:

	31/12/2007 Triệu VNĐ	31/12/2006 Triệu VNĐ
Các đơn vị kinh tế	10.057.308	2.506.612
Cá nhân và các khách hàng khác	14.119.268	7.059.431
	<hr/>	<hr/>
	24.176.576	9.566.043

Tiền gửi của khách hàng theo loại tiền tệ như sau:

	31/12/2007 Triệu VNĐ	31/12/2006 Triệu VNĐ
VNĐ	18.694.935	7.184.633
Ngoại tệ	5.481.641	2.381.410
	<hr/>	<hr/>
	24.176.576	9.566.043

Lãi suất năm thực tế tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2007	31/12/2006
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ	2,4%	2,4%
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	1%-1,5%	0,1%
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng ngoại tệ	1%-1,5%	1%-3%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	8,06%-9,52%	8,56% - 9,82%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	4,62%-5,44%	3,67% - 5,27%

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

13. Phát hành giấy tờ có giá

Đây chủ yếu là trái phiếu do Ngân hàng phát hành bằng VNĐ, có kỳ hạn năm năm và có lãi suất năm là 8,6%.

14. Nợ phải trả khác

	31/12/2007 Triệu VNĐ	31/12/2006 Triệu VNĐ
Lãi dự trả	471.795	251.531
Cổ tức phải trả	1.894	1.951
Các khoản phải trả khác	164.494	113.523
	<u>638.183</u>	<u>367.005</u>

15. Dự phòng thuế phải nộp

	31/12/2007 Triệu VNĐ	31/12/2006 Triệu VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	3.638	2.163
Thuế thu nhập doanh nghiệp	147.223	22.564
Các loại thuế khác	5.463	3.328
	<u>156.324</u>	<u>28.055</u>

16. Vốn cổ phần

	31/12/2007		31/12/2006	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VNĐ	Số lượng cổ phiếu	Triệu VNĐ
Vốn cổ phần được phát hành	252.130.800	2.521.308	150.000.000	1.500.000
	<u>252.130.800</u>	<u>2.521.308</u>	<u>150.000.000</u>	<u>1.500.000</u>

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng là 10.000 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2006: 5.000.000 VNĐ).

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2007 Triệu VNĐ	2006 Triệu VNĐ
Số dư tại ngày 1 tháng 1	1.500.000	617.660
Cổ phiếu được phát hành trong năm	859.102	669.105
Kết chuyển từ thặng dư vốn cổ phần	-	213.235
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	149.366	-
Kết chuyển từ các quỹ	12.840	-
	<u>2.521.308</u>	<u>1.500.000</u>

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

17. Các quỹ

(Triệu VNĐ)	Các quỹ bổ sung vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Quỹ phát triển kinh doanh	Tổng cộng
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2006	7.934	35.809	4.037	2.090	473	50.343
Trích lập các quỹ	12.891	24.070	5.229	6.434	-	48.624
Sử dụng các quỹ trong năm	-	(683)	(6.787)	(7.725)	-	(15.195)
Kết chuyển từ thặng dư vốn cổ phần	2.494	-	-	-	-	2.494
Biến động khác	-	-	-	(13)	-	(13)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2007	23.319	59.196	2.479	786	473	86.253
Trích lập các quỹ	25.519	48.487	12.300	17.197	-	103.503
Kết chuyển sang vốn cổ phần	(12.840)	-	-	-	-	(12.840)
Sử dụng các quỹ trong năm	-	-	(12.611)	(17.983)	-	(30.594)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2007	35.998	107.683	2.168	-	473	146.322

Theo Nghị định số 146/2005/NĐ-CP do Chính phủ Việt Nam ban hành ngày 23 tháng 11 năm 2005, các ngân hàng phải thực hiện việc trích lập các quỹ dưới đây trước khi phân bổ lợi nhuận:

Tỷ lệ trích lập hàng năm Số dư tối đa

Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần: 5% lợi nhuận sau thuế Vốn cổ phần
 Các quỹ dự trữ sau được tính dựa trên lợi nhuận sau thuế, sau khi trừ khoản trích lập vào quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và các khoản lỗ không được khấu trừ thuế lũy kế.
 Quỹ dự phòng tài chính 10% lợi nhuận còn lại 25% Vốn cổ phần
 Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp cho các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh. Quỹ dự trữ này cùng với quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ không được phân chia.

18. Thu nhập tiền lãi ròng

	Năm kết thúc 31/12/2007 Triệu VNĐ	Năm kết thúc 31/12/2006 Triệu VNĐ
Thu nhập lãi và các khoản có tính chất lãi		
Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng	1.447.519	704.730
Các khoản tiền gửi và cho vay cho các tổ chức tín dụng khác	487.268	328.149
Chứng khoán đầu tư	391.215	174.624
	2.326.002	1.207.503
Chi phí lãi và các khoản có tính chất lãi		
Tiền gửi của khách hàng	(1.329.180)	(707.712)
Tiền vay từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các tổ chức tín dụng	(17.809)	(22.019)
Phát hành giấy tờ có giá	(53.739)	(20.325)
	(1.400.728)	(750.056)
Thu nhập tiền lãi ròng	925.274	457.447

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

19. Thu nhập ròng từ phí dịch vụ và hoa hồng

	Năm kết thúc 31/12/2007 Triệu VNĐ	Năm kết thúc 31/12/2006 Triệu VNĐ
<i>Thu phí dịch vụ và hoa hồng</i>		
Bảo lãnh	25.388	13.270
Dịch vụ thanh toán và tiền mặt	117.425	70.550
Dịch vụ môi giới các giao dịch hàng hóa tương lai	30.373	38.988
Dịch vụ khác	33.772	10.179
	<u>206.958</u>	<u>132.987</u>
<i>Chi phí dịch vụ và hoa hồng</i>		
Dịch vụ thanh toán và tiền mặt	(20.892)	(11.814)
Dịch vụ môi giới các giao dịch hàng hóa tương lai	(7.671)	(13.423)
Dịch vụ khác	(1.459)	(6.274)
	<u>(30.022)</u>	<u>(31.511)</u>
Thu nhập ròng từ phí dịch vụ và hoa hồng	<u>176.936</u>	<u>101.476</u>

20. Chi phí quản lý chung

	Năm kết thúc 31/12/2007 Triệu VNĐ	Năm kết thúc 31/12/2006 Triệu VNĐ
Chi phí hoạt động	64.034	34.411
Chi phí thuê văn phòng	46.459	26.123
Chi phí dụng cụ và thiết bị	33.276	10.498
Chi phí in ấn, tiếp thị và khuyến mại	26.815	11.364
Chi phí bảo dưỡng và sửa chữa tài sản	19.098	7.278
Thuế, lệ phí và phí	16.408	7.313
Các chi phí khác	13.516	17.109
	<u>219.606</u>	<u>114.096</u>

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”)

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Năm kết thúc 31/12/2007 Triệu VNĐ	Năm kết thúc 31/12/2006 Triệu VNĐ
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện tại	199.356	99.353
Dự phòng thuế thiếu của các năm trước	-	263
	<u>199.356</u>	<u>99.616</u>
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
	-	-
	<u>199.356</u>	<u>99.616</u>

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) (tiếp theo)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

		Năm kết thúc 31/12/2007 Triệu VNĐ		Năm kết thúc 31/12/2006 Triệu VNĐ
Lợi nhuận trước thuế		709.740		356.522
Thuế theo thuế suất thuế TNDN áp dụng	28,00%	198.727	28,00%	99.826
Thu nhập không chịu thuế	(0,13%)	(915)	(0,13%)	(473)
Thuế chuyển nhượng quyền sử dụng đất	0,22%	1.544	-	-
Dự phòng thuế thiếu của năm trước	-	-	0,07%	263
	28,09%	199.356	27,94%	99.616

(c) Thuế suất áp dụng

Ngân hàng có nghĩa vụ nộp thuế TNDN cho Nhà nước theo thuế suất bằng 28% lợi nhuận chịu thuế. Việc tính thuế TNDN phụ thuộc vào sự kiểm tra và phê duyệt của cơ quan thuế.

22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 được dựa trên lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng (tức là lợi nhuận sau thuế trước khi trích lập các quỹ dự trữ) là 510.384 triệu VNĐ (2006: 256.906 triệu VNĐ) và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm là 208.139.116 (2006: 88.837.000), được tính toán như sau:

(i) Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng

	Năm kết thúc 31/12/2007 Triệu VNĐ	Năm kết thúc 31/12/2006 Triệu VNĐ
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng	510.384	256.906

(ii) Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông

	Năm kết thúc 31/12/2007	Năm kết thúc 31/12/2006
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	150.000.000	61.766.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu được phát hành trong năm	58.139.116	27.071.000
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành tại ngày 31 tháng 12	208.139.116	88.837.000

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm kết thúc 31/12/2007 VNĐ	Năm kết thúc 31/12/2006 VNĐ
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)	2.452	2.892

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

23. Cổ tức

	Năm kết thúc 31/12/2007 Triệu VNĐ	Năm kết thúc 31/12/2006 Triệu VNĐ
Cổ tức năm trước đã trả bằng cổ phiếu	149.366	-
Cổ tức năm trước đã trả bằng tiền mặt	-	157.099
Ứng trước cổ tức năm hiện tại	-	7.858
	<u>149.366</u>	<u>164.957</u>

24. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh ngân hàng, Ngân hàng có thực hiện các giao dịch với các bên liên quan (các cổ đông, các công ty được Ngân hàng đầu tư vốn, các thành viên Hội đồng Quản trị và các nhân viên của Ngân hàng, gia đình họ và các công ty do họ làm chủ) là khách hàng của Ngân hàng trong kỳ. Các điều khoản của những giao dịch này do ban lãnh đạo Ngân hàng phê duyệt.

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm và tại thời điểm cuối năm như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	2007 Triệu VNĐ	2006 Triệu VNĐ
Tiền gửi tại các ngân hàng khác		
Ngân hàng Hồng Kông Thượng Hải ("HSBC")	743.393	331.220
Tiền cho vay của Ngân hàng		
Công ty Công nghệ Mới	12.687	38.065
Công ty Nhựa cao cấp Hàng không	-	1.861
Công ty Thương mại Masan	-	5.735
Công ty Xuất Nhập khẩu Hàng không	2.677	-
Tiền gửi tại Ngân hàng		
HSBC	1.458.911	160.610
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	81.830	51.746
Cụm cảng hàng không Miền Trung	63.990	-
Công ty Dịch vụ Hàng không Tân Sơn Nhất	37.625	-
Công ty Xuất Nhập khẩu Hàng không	5.067	3.567
Công ty Thương mại Masan	59	148
Công ty Cổ phần Tiếp vận Masan	4.529	-

25. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2007 Triệu VNĐ	31/12/2006 Triệu VNĐ
Tiền mặt tại quỹ	496.173	203.940
Tiền gửi tại NHNNVN	1.298.682	409.281
Tiền gửi tại các ngân hàng khác	3.981.003	2.025.680
	<u>5.775.858</u>	<u>2.638.901</u>

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

26. Kỳ đáo hạn của các tài sản và nợ phải trả

Bảng dưới đây trình bày phân tích tài sản và nợ tài chính của Ngân hàng theo các nhóm kỳ đáo hạn tương ứng tính theo thời hạn còn lại từ thời điểm lập bảng cân đối kế toán cho đến ngày phải thanh toán. Trong thực tế, kỳ đáo hạn của tài sản và công nợ tài chính có thể khác thời hạn theo hợp đồng, theo các thỏa thuận miệng giữa các bên hoặc phụ lục hợp đồng nếu có.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007:

	Quá hạn trên 1 năm	Quá hạn từ 6 tháng đến 1 năm	Quá hạn dưới 6 tháng	Dưới 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 tháng đến 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Triệu VNĐ								
Tài sản								
Tiền mặt, giấy tờ có giá và vàng	-	-	-	496.173	-	-	-	496.173
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	-	1.298.682	-	-	-	1.298.682
Tiền gửi tại các tổ chức tài chính khác	-	-	-	4.543.072	501.139	3.111.132	1.148.342	9.303.685
Chứng khoán đầu tư	-	-	-	1.187.708	-	478.261	5.176.203	6.842.172
Các khoản cho vay và ứng trước-gộp	106.494	81,097	413.002	1.488.572	1.876.440	11.247.081	5.390.408	20.603.094
Đầu tư, góp vốn	-	-	-	-	-	-	38.765	38.765
Tài sản khác	-	-	-	641.753	-	-	-	641.753
	<u>106.494</u>	<u>81,097</u>	<u>413.002</u>	<u>9.655.960</u>	<u>2.377.579</u>	<u>14.836.474</u>	<u>11.753.718</u>	<u>39.224.324</u>
Nợ phải trả								
Vay từ NHNN VN	-	-	-	301.993	-	-	-	301.993
Tiền gửi của và tiền vay từ các tổ chức tài chính khác	-	-	-	3.678.121	1.732.507	2.631.963	416.312	8.458.903
Nguồn vốn ủy thác	-	-	-	801	298	32.846	127.225	161.170
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	7.835.050	2.811.535	8.581.273	5.248.718	24.476.576
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	715	-	-	1.750.000	1.750.715
Nợ phải trả khác	-	-	-	638.183	-	-	-	638.183
Dự phòng thuế phải nộp	-	-	-	-	-	156.324	-	156.324
	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>12.454.863</u>	<u>4.544.340</u>	<u>11.402.406</u>	<u>7.542.255</u>	<u>35.943.864</u>
Chênh lệch thuần	<u>106.494</u>	<u>81,097</u>	<u>413.002</u>	<u>(2.798.903)</u>	<u>(2.166.761)</u>	<u>3.434.068</u>	<u>4.211.463</u>	<u>3.280.460</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006:

	Quá hạn trên 1 năm	Quá hạn từ 6 tháng đến 1 năm	Quá hạn dưới 6 tháng	Dưới 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 tháng đến 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Triệu VNĐ								
Tài sản								
Tiền mặt, giấy tờ có giá và vàng	-	-	-	203.940	-	-	-	203.940
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	-	409.281	-	-	-	409.281
Tiền gửi tại các tổ chức tài chính khác	-	-	-	2.159.361	472.494	1.385.111	441.342	4.458.308
Chứng khoán đầu tư	-	-	-	-	-	595.054	2.281.750	2.876.804
Các khoản cho vay và ứng trước-gộp	144.562	75.837	695.675	624.072	853.617	4.865.196	1.551.889	8.810.848
Đầu tư, góp vốn	-	-	-	-	-	-	30.783	30.783
Tài sản cố định	-	-	-	-	-	-	338.301	338.301
Tài sản khác	-	-	-	-	-	312.835	-	312.835
	<u>144.562</u>	<u>75.837</u>	<u>695.675</u>	<u>3.396.654</u>	<u>1.326.111</u>	<u>7.158.196</u>	<u>4.644.065</u>	<u>17.441.100</u>
Nợ phải trả								
Vay từ NHNN VN	-	-	-	57.883	-	-	-	57.883
Tiền gửi của và tiền vay từ các tổ chức tài chính khác	-	-	-	2.736.084	474.340	1.805.534	54.894	5.070.852
Nguồn vốn ủy thác	-	-	-	-	-	67.362	209.945	277.307
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	1.994.740	1.307.163	4.005.516	2.258.624	9.566.043
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	60.683	111.116	20.443	-	192.242
Nợ phải trả khác	-	-	-	367.005	-	-	-	367.005
Dự phòng thuế phải nộp	-	-	-	-	-	28.055	-	28.055
	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>5.216.395</u>	<u>1.892.619</u>	<u>5.926.910</u>	<u>2.523.463</u>	<u>15.559.387</u>
Chênh lệch thuần	<u>144.562</u>	<u>75.837</u>	<u>695.675</u>	<u>(1.819.741)</u>	<u>(566.508)</u>	<u>1.231.286</u>	<u>2.120.602</u>	<u>1.881.713</u>

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

27. Đơn vị tiền tệ của các tài sản và nợ phải trả

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007:

	VNĐ	USD	EUR	JPY	Tiền tệ khác	Tổng cộng
Tài sản						
Tiền mặt, giấy tờ có giá và vàng	345.293	120.069	25.606	1.407	3.798	496.173
Tiền gửi tại NHNNVN	1.143.013	155.669	-	-	-	1.298.682
Tiền gửi tại các tổ chức tài chính khác	6.815.622	2.384.974	96.883	-	6.206	9.303.685
Chứng khoán đầu tư	6.842.172	-	-	-	-	6.842.172
Các khoản cho vay và ứng trước-gộp	15.445.465	5.084.133	73.496	-	-	20.603.094
Đầu tư góp vốn	38.765	-	-	-	-	38.765
Tài sản cố định	436.970	-	-	-	-	436.970
Tài sản khác	556.806	70.073	534	14.340	-	641.753
	<u>31.624.106</u>	<u>7.814.918</u>	<u>196.519</u>	<u>15.747</u>	<u>10.004</u>	<u>39.661.294</u>
Nợ phải trả						
Vay từ NHNNVN	301.993	-	-	-	-	301.993
Tiền gửi của các tổ chức tài chính khác	6.035.926	2.350.516	71.119	1.342	-	8.458.903
Nguồn vốn ủy thác	161.170	-	-	-	-	161.170
Tiền gửi của khách hàng	18.994.935	5.289.481	176.930	9.189	6.041	24.476.576
Phát hành giấy tờ có giá	1.750.715	-	-	-	-	1.750.715
Nợ phải trả khác	559.002	78.532	649	-	-	638.183
Dự phòng thuế phải nộp	156.324	-	-	-	-	156.324
	<u>27.960.065</u>	<u>7.718.529</u>	<u>248.698</u>	<u>10.531</u>	<u>6.041</u>	<u>35.943.864</u>
Số dư thuần	<u>3.664.041</u>	<u>96.389</u>	<u>(52.179)</u>	<u>5.216</u>	<u>3.963</u>	<u>3.717.430</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2006:

	VNĐ	USD	EUR	JPY	Tiền tệ khác	Tổng cộng
Tài sản						
Tiền mặt, giấy tờ có giá và vàng	140.632	39.758	20.501	574	2.475	203.940
Tiền gửi tại NHNNVN	319.894	89.387	-	-	-	409.281
Tiền gửi tại các tổ chức tài chính khác	3.302.966	1.128.012	11.221	12.066	4.043	4.458.308
Chứng khoán đầu tư	2.876.804	-	-	-	-	2.876.804
Các khoản cho vay và ứng trước-gộp	6.344.911	2.433.345	32.141	-	451	8.810.848
Đầu tư góp vốn	30.783	-	-	-	-	30.783
Tài sản cố định	338.301	-	-	-	-	338.301
Tài sản khác	213.244	65.903	138	3.565	29.985	312.835
	<u>13.567.535</u>	<u>3.756.405</u>	<u>64.001</u>	<u>16.205</u>	<u>36.954</u>	<u>17.441.100</u>
Nợ phải trả						
Vay từ NHNNVN	57.883	-	-	-	-	57.883
Tiền gửi của các tổ chức tài chính khác	3.731.439	1.279.484	59.929	-	-	5.070.852
Nguồn vốn ủy thác	277.307	-	-	-	-	277.307
Tiền gửi của khách hàng	7.184.633	2.253.858	116.962	7.561	3.029	9.566.043
Phát hành giấy tờ có giá	192.242	-	-	-	-	192.242
Nợ phải trả khác	302.366	55.702	691	8.246	-	367.005
Dự phòng thuế phải nộp	28.055	-	-	-	-	28.055
	<u>11.773.925</u>	<u>3.589.044</u>	<u>177.582</u>	<u>15.807</u>	<u>3.029</u>	<u>15.559.387</u>
Số dư thuần	<u>1.793.610</u>	<u>167.361</u>	<u>(113.581)</u>	<u>398</u>	<u>33.925</u>	<u>1.881.713</u>

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)

28. Các hợp đồng mua bán hàng hóa tương lai

<i>Theo các thị trường</i> <i>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007</i>	Mua Triệu VNĐ	Bán Triệu VNĐ	Số dư thuần Triệu VNĐ
Thị trường Cà phê Luân Đôn và Thị trường New York	20.895	276.716	(255.821)
Thị trường Chicago	91.556	88.732	2.824
Thị trường Kim loại Luân Đôn	5.912.698	5.412.728	499.970
Thị trường cao su Nhật Bản (Tocom)	26.712	102.978	(76.266)
	<u>6.051.861</u>	<u>5.881.154</u>	<u>170.707</u>

Ngân hàng là bên môi giới giúp khách hàng ký kết các hợp đồng hàng hóa tương lai.

29. Các cam kết

Các khoản phải trả tối thiểu theo những hợp đồng thuê tài sản hoạt động không hủy ngang như sau:

	31/12/2007 Triệu VNĐ	31/12/2006 Triệu VNĐ
Trong vòng một năm	5.780	2.666
Từ hai đến năm năm	160.416	42.440
Trên năm năm	69.029	92.523
	<u>235.225</u>	<u>137.629</u>



Nguyễn Đức Vinh
 Tổng Giám đốc

Phê duyệt bởi:

Trần Văn Chiến
 Kế toán trưởng

28 -02- 2008



**Ngân hàng Thương mại Cổ phần
Kỹ thương Việt Nam**
(Được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội
Chủ nghĩa Việt Nam)

Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam
(Được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

Thông tin về Ngân hàng

Giấy phép Ngân hàng số 0040/NH - GP

ngày 6 tháng 8 năm 1993

Giấy phép hoạt động Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và có thời hạn 20 năm kể từ ngày cấp. Thời hạn hoạt động được gia hạn lên 99 năm theo Quyết định số 330/QĐ-NH5 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 8 tháng 10 năm 1997.

Hội đồng Quản trị

Ông Hồ Hùng Anh	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đăng Quang	Phó Chủ tịch thứ nhất
Ông Nguyễn Thiệu Quang	Phó Chủ tịch
Ông Trần Đức Lưu	Phó Chủ tịch
Ông Ngô Chí Dũng	Phó Chủ tịch
Ông Brian Fredrick	Ủy viên (đến 8/12/2008)
Ông Nguyễn Cảnh Sơn	Ủy viên
Ông Lưu Hữu Báu	Ủy viên
Ông Hoàng Văn Đạo	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Đức Vinh	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Tâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quang Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lưu Thị Ánh Xuân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duy Phú	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Xuân Vũ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thành Long	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đỗ Diễm Hồng	Phó Tổng Giám đốc (từ 1/6/2008)
Ông Trần Hoài Phương	Phó Tổng Giám đốc (từ 1/9/2008)
Bà Nguyễn Thị Thiên Hương	Phó Tổng Giám đốc (từ 1/10/2008)

Hội sở chính

70-72 Bà Triệu
Quận Hoàn Kiếm
Hà Nội, Việt Nam

Đơn vị kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



KPMG Limited
16th Floor, Pacific Place
83B Ly Thuong Kiet Street
Hoan Kiem District, Hanoi
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 946 1600
Fax + 84 (4) 946 1601
Internet www.kpmg.com

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Kính gửi các nhà đầu tư
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam
(Được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

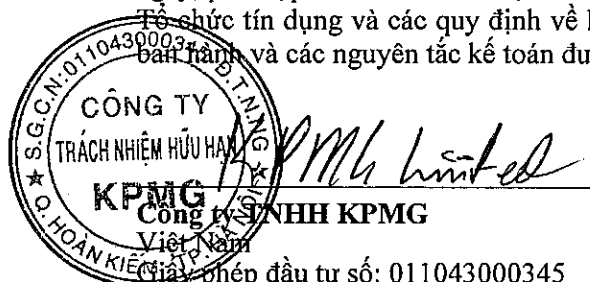
Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (“Ngân hàng”) và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này là trách nhiệm của ban lãnh đạo Tập đoàn. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.


Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có những sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thuyết trình trên báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của ban lãnh đạo Tập đoàn, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

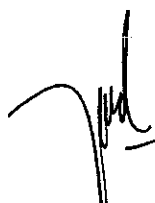
Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, về tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp và các quy định về kế toán liên quan khác do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành, và các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam.



Giấy phép đầu tư số: 011043000345
Báo cáo kiểm toán số: 08-02-146/2


John T. Ditty
Chứng chỉ kiểm toán viên số N0555/KTV
Tổng Giám đốc


Võ Thanh Phú Quốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số N1079/KTV

Hà Nội,

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

	Thuyết minh	2008 Triệu VNĐ	2007 Triệu VNĐ
Tài sản			
Tiền mặt tại quỹ và vàng		1.565.968	496.173
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	3, 23	2.296.574	1.298.682
Tiền gửi tại các tổ chức tài chính	4	15.647.089	9.303.685
Chứng khoán đầu tư	5	10.497.569	6.842.172
Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng	6	26.018.985	19.841.131
Ứng trước để mua chứng khoán	7	921.250	645.000
Đầu tư góp vốn dài hạn	8	66.425	36.930
Tài sản cố định	9	576.665	436.970
Tài sản khác	10	1.478.530	641.753
		59.069.055	39.542.496
Nợ phải trả			
Tiền vay từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		-	301.993
Tiền gửi của và tiền vay từ các tổ chức tài chính	11	8.970.269	8.458.903
Phát hành giấy tờ có giá		2.761.793	1.750.715
Nguồn vốn ủy thác		231.961	161.170
Tiền gửi của khách hàng	12	39.617.723	24.476.576
Dự phòng chung cho các cam kết	13	34.203	25.216
Nợ phải trả khác	14	1.405.256	638.183
Dự phòng thuế phải nộp	15	422.442	156.324
		53.443.647	35.969.080
Vốn chủ sở hữu			
Vốn cổ phần	16	3.642.015	2.521.308
Thặng dư vốn cổ phần		1.063.402	476.779
Các nguồn vốn khác		371	371
Lợi nhuận để lại		636.443	428.636
Các quỹ dự trữ	17	283.177	146.322
		5.625.408	3.573.416
		59.069.055	39.542.496
Các khoản mục ngoại bảng			
Thư tín dụng		2.879.247	5.455.192
Cam kết cho vay chưa giải ngân		14.031	-
Bảo lãnh		2.283.271	1.348.279
Các hợp đồng ngoại hối		3.184.902	375.323
Các hợp đồng vàng		122.697	-
Các hợp đồng mua hàng hóa tương lai	28	1.395.433	6.051.861
Các hợp đồng bán hàng hóa tương lai	28	1.414.321	5.881.154



 Nguyễn Đức Vinh
 Tổng Giám đốc

Phê duyệt bởi:


 Trần Văn Chiến
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

	Thuyết minh	2008 Triệu VNĐ	2007 Triệu VNĐ
Thu nhập lãi và các khoản có tính chất lãi	18	6.218.777	2.326.002
Chi phí lãi và các khoản có tính chất lãi	18	(4.458.034)	(1.400.728)
Thu nhập tiền lãi ròng	18	1.760.743	925.274
Thu phí dịch vụ và hoa hồng	19	543.270	206.958
Chi phí dịch vụ và hoa hồng	19	(60.393)	(30.022)
Thu nhập ròng từ phí dịch vụ và hoa hồng	19	482.877	176.936
Thu nhập ròng từ kinh doanh ngoại hối		21.793	24.583
Thu nhập cổ tức		79.582	2.992
Lãi ròng từ kinh doanh chứng khoán		931.102	81.761
Thu nhập khác		14.199	4.462
Lương và các chi phí liên quan		(405.506)	(182.240)
Dự phòng cụ thể nợ khó đòi	6	(537.171)	(10.818)
Dự phòng chung nợ khó đòi	6	(71.774)	(48.297)
Hoàn nhập dự phòng cụ thể nợ khó đòi	6	6.225	-
Dự phòng chung cho các cam kết	13	(8.987)	(19.937)
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	5	(148.318)	-
Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn	8	(5.740)	(1.835)
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn	8	1.835	-
Khấu hao và phân bổ tài sản cố định		(42.244)	(23.535)
Chi phí quản lý chung	20	(462.761)	(219.606)
Lợi nhuận trước thuế		1.615.855	709.740
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21	(432.772)	(199.356)
Lợi nhuận sau thuế		1.183.083	510.384
Lãi trên cổ phiếu (mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu)			
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)	22	4.259	3.235



Nguyễn Đức Vinh
 Tổng Giám đốc

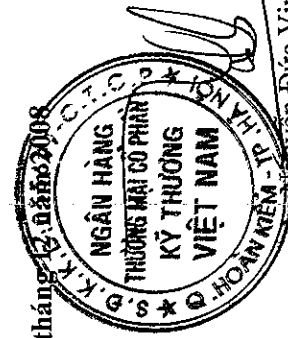
Phê duyệt bởi:


 Trần Văn Chiến
 Kế toán trưởng

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam
Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

	(Triệu VND)					
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Các nguồn vốn khác	Lợi nhuận để lại	Quỹ dự trữ	Tổng cộng
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2007	1.500.000	3.942	371	171.121	86.253	1.761.687
Góp vốn	859.102	472.837	-	-	-	1.331.939
Trả cổ tức	149.366	-	-	(149.366)	-	-
Kết chuyển từ các quỹ sang vốn cổ phần	12.840	-	-	-	(12.840)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	510.384	-	510.384
Trích lập quỹ	-	-	-	(103.503)	103.503	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(30.594)	(30.594)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	2.521.308	476.779	371	428.636	146.322	3.573.416
Góp vốn	208.955	1.063.402	-	-	-	1.272.357
Kết chuyển từ các quỹ sang vốn cổ phần	434.973	-	-	-	(434.973)	-
Kết chuyển từ thặng dư vốn cổ phần sang vốn cổ phần	476.779	(476.779)	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	1.183.083	-	1.183.083
Trích lập quỹ	-	-	-	(611.075)	611.075	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(41.242)	(41.242)
Cổ tức	-	-	-	(364.201)	-	(364.201)
Biến động khác	-	-	-	-	1.995	1.995
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	3.642.015	1.063.402	371	636.443	283.177	5.625.408

Phê duyệt bởi:



Nguyễn Đức Vinh
 Tổng Giám đốc

Trần Văn Chiến
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

	Thuyết minh	2008 Triệu VNĐ	2007 Triệu VNĐ
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế		1.615.855	709.740
Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao và phân bổ tài sản cố định		42.244	23.535
Dự phòng chung cho các cam kết		8.987	19.937
Dự phòng cụ thể cho các khoản nợ khó đòi - thuần		530.946	10.818
Dự phòng chung cho các khoản nợ khó đòi		71.774	48.297
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán		148.318	-
Dự phòng giảm giá đầu tư góp vốn dài hạn - thuần		5.740	1.835
Thu nhập từ đầu tư chứng khoán		(931.102)	(81.761)
Cổ tức nhận được		(79.582)	(2.992)
Lỗi từ xóa sổ tài sản cố định		1.221	458
Lợi nhuận hoạt động trước những thay đổi về tài sản và nợ hoạt động		1.414.401	729.867
(Tăng)/giảm tài sản hoạt động			
Tiền gửi tại các tổ chức tài chính khác		(897.531)	(2.890.053)
Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng		(6.780.574)	(11.204.145)
Ứng trước cho công ty chứng khoán để mua chứng khoán		(276.250)	(645.000)
Tài sản khác		(836.777)	(328.918)
Tăng/(giảm) công nợ hoạt động			
Tiền vay từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam		(301.993)	244.110
Tiền gửi của và tiền vay từ các tổ chức tài chính khác		511.366	3.388.051
Nguồn vốn ủy thác		70.791	(116.137)
Tiền gửi của khách hàng		15.141.147	14.910.533
Phát hành giấy tờ có giá		1.011.078	1.558.473
Nợ phải trả khác		773.102	274.844
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		9.828.760	5.921.625
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(173.343)	(74.697)
Sử dụng các quỹ		(41.242)	(30.594)
Biến động khác		1.995	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		9.616.170	5.816.334
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang		(183.160)	(122.662)
Cổ tức nhận được trong năm		79.582	2.992
Mua các khoản đầu tư chứng khoán		(10.267.884)	(6.050.932)
Bán các khoản đầu tư chứng khoán		5.937.719	1.872.325
Các khoản đầu tư chứng khoán đáo hạn		1.457.552	295.000
Mua các khoản đầu tư góp vốn dài hạn		(34.575)	(7.982)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(3.010.766)	(4.011.259)

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

	Thuyết minh	2008 Triệu VNĐ	2007 Triệu VNĐ
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tăng vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần		1.272.357	1.331.939
Trả cổ tức cho cổ đông		(364.201)	(57)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		908.156	1.331.882
Tăng thuần về tiền và các khoản tương đương tiền		7.513.560	3.136.957
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		5.775.858	2.638.901
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	23	13.289.418	5.775.858

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ PHI TIỀN TỆ

	2008 Triệu VNĐ	2007 Triệu VNĐ
Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu	75.743	-



Phê duyệt bởi:

Nguyễn Đức Vinh
Tổng Giám đốc

Trần Văn Chiên
Trần Văn Chiên
Kế toán trưởng

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (“Ngân hàng”) là một ngân hàng cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam để cung cấp các dịch vụ ngân hàng theo Giấy phép hoạt động ngân hàng số 0040/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNNVN”) cấp ngày 6 tháng 8 năm 1993 với thời hạn hoạt động ban đầu là 20 năm. Thời hạn hoạt động của Ngân hàng được gia hạn lên 99 năm theo Quyết định số 330/QĐ-NH5 ngày 8 tháng 10 năm 1997 của NHNNVN.

Hội sở chính của Ngân hàng đặt tại 70 – 72 Bà Triệu, Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Ngân hàng có một Hội sở chính, 01 văn phòng đại diện, 01 Trung tâm giao dịch Hội sở, 38 chi nhánh và 114 phòng giao dịch trên cả nước.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Ngân hàng có các công ty con sau:

Các công ty con	Giấy phép hoạt động	Hoạt động kinh doanh	% sở hữu của Ngân hàng	Vốn Triệu VNĐ
Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương	98/UBCK-GP, ngày 18/9/2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.	Các hoạt động chứng khoán	100%	300.000
Công ty TNHH một thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản – Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam	0104003519 ngày 18/6/2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp.	Quản lý tài sản và khai thác nợ	100%	70.000
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ Thương	40/UBCK-GP, ngày 21/10/2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.	Quản lý quỹ	100%	40.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Tập đoàn có 4.589 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2007: 2.929 nhân viên).

2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

(i) Cơ sở kế toán chung

Các báo cáo tài chính hợp nhất, trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VNĐ”) được làm tròn đến hàng triệu gần nhất, được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức tín dụng và các quy định về kế toán liên quan khác do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Các nguyên tắc kế toán này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế cũng như các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được chấp nhận chung ở các quốc gia khác. Do đó, các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận chung ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng các báo cáo này không dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam.

Các báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp. Tập đoàn áp dụng nhất quán các chính sách kế toán trong năm và cũng nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong năm trước.

(ii) Cơ sở hợp nhất

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Ngân hàng và các công ty con của Ngân hàng bao gồm Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương, Công ty TNHH một thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản – Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam và Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ Thương (sau đây gọi là “Tập đoàn”).

Các công ty con

Các công ty con là các đơn vị do Tập đoàn kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có khả năng chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một đơn vị để thu được các lợi ích từ hoạt động này. Các báo cáo tài chính hợp nhất của các công ty con được bao gồm trong các báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các giao dịch bị loại ra khi hợp nhất

Các số dư công nợ nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí đánh giá lại cuối năm phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại ra khi lập các báo cáo tài chính hợp nhất.

(b) Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

(c) Các giao dịch ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc tiền tệ khác với VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ phát sinh trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái quy định tại ngày giao dịch. Các chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện trong năm và đánh giá lại cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các cam kết mở về các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn được đánh giá lại theo tỷ giá tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Bất kỳ một khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi tại NHNNVN và tiền gửi tại các ngân hàng khác với kỳ hạn gốc dưới 3 tháng.

(e) Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư bao gồm chứng khoán do Chính phủ, NHNNVN, các ngân hàng và các công ty khác phát hành. Các loại chứng khoán được Tập đoàn nắm giữ nhằm mục đích thu lãi ngắn hạn được phân loại là các công cụ sẵn sàng để bán. Các loại chứng khoán mà Tập đoàn có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại là tài sản giữ tới ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá chứng khoán.

(f) Đầu tư góp vốn dài hạn

Các khoản đầu tư góp vốn dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Ban Giám đốc xác định dự phòng giảm giá chứng khoán dựa trên những cân nhắc về giá gốc của khoản đầu tư, tình hình thị trường, tình hình hoạt động kinh doanh hiện tại và tương lai và dòng tiền ước tính của các công ty được đầu tư.

(g) Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng

Theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN của NHNNVN ngày 22 tháng 4 năm 2005, được sửa đổi và bổ sung bằng Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25 tháng 4 năm 2007 của NHNNVN, dự phòng cụ thể cần được lập cho các khoản cho vay và ứng trước trên cơ sở hàng tháng dựa trên việc xếp hạng cho các khoản cho vay.

Dự phòng cụ thể cho các khoản cho vay và ứng trước tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán (là ngày 31 tháng 12) được xác định dựa trên việc sử dụng các tỷ lệ dự phòng sau đây đối với khoản nợ vay gốc tại ngày 30 tháng 11 sau khi đã trừ đi giá trị tài sản thế chấp đã được định giá.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)**

<i>Nhóm</i>		<i>Tình trạng quá hạn</i>	<i>Tỷ lệ dự phòng</i>
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	Trong hạn hoặc quá hạn dưới 10 ngày.	0%
2	Nợ cần chú ý	<ul style="list-style-type: none"> Quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày; hoặc Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ nhất (nếu khách hàng được đánh giá là đủ khả năng hoàn trả cả gốc lẫn lãi theo thời hạn đã được cơ cấu lại lần thứ nhất áp dụng đối với các khách hàng là doanh nghiệp và tổ chức). 	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	<ul style="list-style-type: none"> Quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ nhất ngoại trừ các khoản cho vay có thời hạn trả nợ được cơ cấu lại đã được phân loại vào Nhóm 2 ở trên; hoặc Các khoản cho vay được miễn, giảm tiền lãi do khách hàng không có khả năng thanh toán tiền lãi theo hợp đồng. 	20%
4	Nợ nghi ngờ	<ul style="list-style-type: none"> Quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày; Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ nhất và quá hạn dưới 90 ngày tính theo thời hạn trả nợ đã được cơ cấu lại lần thứ nhất; hoặc Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai. 	50%
5	Nợ có khả năng mất vốn	<ul style="list-style-type: none"> Quá hạn trên 360 ngày; Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ nhất và quá hạn từ 90 ngày trở lên tính theo thời hạn trả nợ đã được cơ cấu lại lần thứ nhất; Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai và đã bị quá hạn tính theo thời hạn trả nợ đã được cơ cấu lại lần thứ hai; Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba; hoặc Các khoản nợ khoanh. hay nợ chờ xử lý. 	100%

Ngoài ra, Ngân hàng cũng được yêu cầu phải trích lập và duy trì khoản dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị số dư nợ cho vay và ứng trước được phân loại từ Nhóm 1 đến Nhóm 4 tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Khoản dự phòng chung này sẽ được lập đủ trong vòng 5 năm kể từ ngày Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN có hiệu lực. Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, Ngân hàng đã trích lập dự phòng chung ở mức 0,6% các số dư nói trên tại ngày 30 tháng 11 năm 2008 (2007: 0,45%).

Cũng theo Quyết định này, các khoản cho vay và ứng trước được xử lý bằng dự phòng khi các khoản cho vay và ứng trước đã được phân loại vào Nhóm 5 hoặc khi người vay tuyên bố phá sản hoặc giải thể (đối với trường hợp khách hàng vay là tổ chức hoặc doanh nghiệp), hoặc khi người vay chết hoặc mất tích (đối với trường hợp khách hàng vay là cá nhân).

Không có khoản dự phòng chung nào được lập đối với rủi ro quốc gia, ngoại trừ quỹ dự phòng tài chính được lập theo yêu cầu của NHNNVN (Thuyết minh số 17).

(h) Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng

Theo Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN, Tập đoàn được yêu cầu phải phân loại các bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và các cam kết cho vay không được hủy ngang chưa giải ngân vào các nhóm liên quan và lập dự phòng cụ thể tương ứng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

Ngoài ra, theo Quyết định 493/2005/QĐ-NHNN, Tập đoàn cũng được yêu cầu phải trích lập và duy trì khoản dự phòng chung bằng 0,75% tổng số dư các thư bảo lãnh, thư tín dụng và các cam kết cho vay không được hủy ngang chưa giải ngân tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Khoản dự phòng chung này sẽ được lập đủ trong vòng 5 năm kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực. Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, Ngân hàng đã trích lập dự phòng chung ở mức 0,6% các số dư nói trên tại ngày 30 tháng 11 năm 2008 (2007: 0,45%).

(i) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm phát sinh chi phí. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ trụ sở và chi phí cải tạo trụ sở	20 - 50 năm
▪ thiết bị văn phòng	4-8 năm
▪ phương tiện vận chuyển	7 năm
▪ tài sản khác	4 - 5 năm

(j) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí phát sinh để mua quyền sử dụng đất chính thức. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất được tính dựa trên các chi phí phát sinh và giá trị đất được Nhà nước phê duyệt tại thời điểm mua. Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn xác định và có thời hạn không xác định. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được phân bổ theo thời gian hữu dụng. Quyền sử dụng đất với thời hạn không xác định không được phân bổ.

(ii) Phần mềm vi tính

Giá mua phần mềm vi tính mới, mà phần mềm vi tính này không phải là một bộ phận không thể tách rời của phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và được hạch toán như đối với tài sản cố định vô hình. Phần mềm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 4 năm.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

(k) Dự phòng

Dự phòng được ghi nhận khi, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có một nghĩa vụ pháp lý hoặc liên đới mà có thể được ước tính một cách tin cậy và có nhiều khả năng Tập đoàn phải sử dụng các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các luồng tiền dự tính trong tương lai theo tỷ lệ trước thuế phản ánh được các đánh giá của thị trường hiện tại về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro gắn liền với khoản nợ phải trả đó.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp trên số lãi hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp khoản thuế thu nhập phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị xác định theo mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận tương ứng với mức lợi nhuận chịu thuế chắc chắn trong tương lai mà lợi nhuận đó có thể dùng để khấu trừ với tài sản thuế thu nhập này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn thu được các lợi ích về thuế liên quan này.

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông được phân loại vào vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh thêm trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu.

(n) Các quỹ

Quỹ dự trữ bổ sung vốn được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế và để bổ sung vốn cổ phần. Quỹ dự phòng tài chính được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế sau khi trừ đi quỹ dự trữ bổ sung vốn và để bù đắp cho các khoản lỗ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường. Các quỹ này không được phân chia.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế và chủ yếu được sử dụng để thanh toán cho nhân viên của Tập đoàn.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

(o) Ghi nhận doanh thu

Thu nhập tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ tiền lãi từ các khoản cho vay được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5, như định nghĩa trong thuyết minh 2 (g), được ghi nhận khi Tập đoàn thực thu được.

Phí dịch vụ và hoa hồng được ghi nhận khi phát sinh hoặc thực hiện.

Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được thiết lập.

(p) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong năm khi các chi phí này phát sinh.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) đối với các cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo vùng địa lý và bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(t) Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên còn được coi là có liên quan nếu các bên đó có các kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung.

(u) Các khoản mục ngoại bảng

Trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, Tập đoàn có các cam kết ngoại bảng sau.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

(i) Các hợp đồng ngoại hối

Tập đoàn ký kết các hợp đồng ngoại hối (bao gồm vàng) kỳ hạn và hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của Tập đoàn.

Các hợp đồng kỳ hạn là các cam kết để mua hoặc bán một loại tiền tệ nhất định tại một ngày cụ thể được xác định trong tương lai theo một tỷ giá xác định trước và sẽ được thanh toán bằng tiền. Các hợp đồng hoán đổi là các cam kết để thanh toán bằng tiền tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa.

(ii) Các hợp đồng hàng hóa tương lai

Các hợp đồng hàng hóa tương lai là các cam kết mua hoặc bán một loại hàng hóa nhất định tại một thời điểm xác định trong tương lai theo mức giá được xác định trước và có thể được thanh toán bằng tiền hoặc một tài sản tài chính khác. Các hợp đồng hàng hóa tương lai nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro thị trường do biến động của giá cả hàng hóa.

Tập đoàn đóng vai trò là môi giới trung gian cho khách hàng trong việc ký kết các hợp đồng hàng hóa tương lai.

(iii) Các cam kết và nợ tiềm ẩn

Tại bất cứ thời điểm nào Tập đoàn cũng có các cam kết cấp tín dụng chưa thực hiện. Các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. Tập đoàn cũng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh việc thực hiện hợp đồng của khách hàng đối với bên thứ ba. Nhiều khoản cam kết và nợ tiềm ẩn sẽ đáo hạn mà không phát sinh bất kỳ một phần hay toàn bộ một khoản tạm ứng nào. Do đó các khoản cam kết và nợ tiềm ẩn này không phản ánh luồng lưu chuyển tiền tệ dự kiến trong tương lai.

3. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Theo quy định của NHNNVN về dự trữ bắt buộc, các ngân hàng được phép duy trì một số dư thả nổi tại tài khoản dự trữ bắt buộc. Số dư bình quân dự trữ bắt buộc hàng tháng phải không được thấp hơn 7% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2007: 10%) đối với số dư tiền gửi bình quân tháng trước bằng ngoại tệ với kỳ hạn dưới 12 tháng; 3% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2007: 4%) đối với số dư tiền gửi bình quân tháng trước bằng ngoại tệ với kỳ hạn trên 12 tháng; 6% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2007: 10%) đối với số dư tiền gửi bình quân tháng trước bằng VNĐ với kỳ hạn dưới 12 tháng; và 2% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2007: 4%) đối với số dư tiền gửi bình quân tháng trước bằng VNĐ với kỳ hạn trên 12 tháng, được sử dụng làm cơ sở để tính dự quỹ dự trữ bắt buộc.

Lãi suất năm thực tế tại thời điểm cuối năm như sau:

	2008	2007
Tiền gửi bằng VNĐ		
Trong mức dự trữ bắt buộc	8,5%	1,2%
Ngoài mức dự trữ bắt buộc	0%	0%
Tiền gửi bằng USD		
Trong mức dự trữ bắt buộc	0%	0%
Ngoài mức dự trữ bắt buộc	1%	1%

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

4. Tiền gửi tại các tổ chức tài chính

	2008 Triệu VNĐ	2007 Triệu VNĐ
Tiền gửi không kỳ hạn	923.048	159.096
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	14.724.041	9.144.589
	<u>15.647.089</u>	<u>9.303.685</u>

Lãi suất năm thực tế tại thời điểm cuối năm như sau:

	2008	2007
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ	0,15% - 5%	2,4%
Tiền gửi không kỳ hạn bằng USD	0,75% - 4,76%	1% - 2,7%
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ khác	0,5% - 1,5%	0,5% - 1,5%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	6,2% - 21,5%	6,1% - 12,5%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ khác	0,75% - 7,24%	3,8% - 9,27%

5. Đầu tư chứng khoán

	2008 Triệu VNĐ	2007 Triệu VNĐ
Chứng khoán sẵn sàng để bán		
Cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết do các tổ chức tín dụng trong nước phát hành	384.806	240.773
Cổ phiếu niêm yết do các đơn vị kinh tế phát hành	27.430	-
Chứng chỉ tiền gửi do các tổ chức tín dụng trong nước phát hành	400.000	-
Cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ FPT	-	450.000
Kỳ phiếu và trái phiếu do các tổ chức tín dụng trong nước phát hành	3.725.356	2.411.890
Trái phiếu do các tổ chức kinh tế phát hành	1.077.715	650.000
Trái phiếu Chính phủ	1.965.592	886.917
	<u>7.580.899</u>	<u>4.639.580</u>
Chứng khoán giữ đến ngày đáo hạn		
Tín phiếu Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	-	189.202
Trái phiếu Kho bạc Nhà nước và trái phiếu Chính phủ	215.368	260.840
Trái phiếu do các tổ chức tín dụng trong nước phát hành	139.620	972.550
Trái phiếu do các tổ chức kinh tế phát hành	2.710.000	780.000
	<u>3.064.988</u>	<u>2.202.592</u>
	10.645.887	6.842.172
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	(148.318)	-
	<u>10.497.569</u>	<u>6.842.172</u>

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Tập đoàn cầm cố số chứng khoán có giá trị 695.000 triệu VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2007: 1.283.000 triệu VNĐ) làm tài sản đảm bảo cho các khoản tiền vay từ các ngân hàng khác.

Lãi suất năm thực tế tại thời điểm cuối năm như sau:

	2008	2007
Các khoản đầu tư bằng VNĐ	7% - 18,45%	7% - 12%
Các khoản đầu tư bằng USD	3,5%	-

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán như sau:

	2008 Triệu VNĐ	2007 Triệu VNĐ
Số dư đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng trong năm	148.318	-
Số dư cuối năm	148.318	-

6. Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng

	2008 Triệu VNĐ	2007 Triệu VNĐ
Các khoản cho vay ngắn hạn	17.095.528	12.959.677
Các khoản cho vay trung và dài hạn	9.247.489	6.998.417
	26.343.017	19.958.094
Dự phòng cho các khoản cho vay và ứng trước	(324.032)	(116.963)
Tổng cộng các khoản cho vay và ứng trước –thuần	26.018.985	19.841.131

Các khoản cho vay và ứng trước theo ngành kinh tế như sau:

	31/12/2008 Triệu VNĐ	%	31/12/2007 Triệu VNĐ	%
Nông, lâm nghiệp	3.243.273	12,31%	2.253.311	11,29%
Thương mại, sản xuất và chế biến	9.523.128	36,15%	6.892.420	34,53%
Xây dựng	1.348.090	5,13%	1.185.230	5,94%
Bến bãi, vận tải và truyền thông	648.437	2,46%	588.904	2,95%
Khách sạn	412.003	1,56%	455.806	2,29%
Khác	11.168.086	42,39%	8.582.423	43,00%
	26.343.017	100,00%	19.958.094	100,00%

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

Các khoản cho vay và ứng trước theo đối tượng khách hàng như sau:

	31/12/2008	%	31/12/2007	%
	Triệu VNĐ		Triệu VNĐ	
Doanh nghiệp quốc doanh	982.460	3,73%	856.659	4,29%
Công ty trách nhiệm hữu hạn	8.585.208	32,59%	6.949.938	34,82%
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	332.124	1,26%	472.405	2,37%
Cá nhân và các khách hàng khác	16.443.225	62,42%	11.679.092	58,52%
	26.343.017	100,00%	19.958.094	100,00%

Các khoản cho vay và ứng trước theo nhóm nợ như sau:

	31/12/2008	%	31/12/2007	%
	Triệu VNĐ		Triệu VNĐ	
Nợ đủ tiêu chuẩn	24.226.419	91,97%	19.357.501	96,99%
Nợ cần chú ý	1.451.509	5,50%	322.772	1,62%
Nợ dưới tiêu chuẩn	476.774	1,81%	90.230	0,45%
Nợ nghi ngờ	172.560	0,66%	81.097	0,41%
Nợ có khả năng mất vốn	15.755	0,06%	106.494	0,53%
	26.343.017	100,00%	19.958.094	100,00%

Lãi suất năm thực tế tại thời điểm cuối năm như sau:

	2008	2007
Các khoản cho vay và ứng trước bằng VNĐ	12,5% - 30%	11,28% - 14,16%
Các khoản cho vay và ứng trước bằng ngoại tệ (chủ yếu là USD)	1,8% - 19,5%	7% - 7,7%

Dự phòng cho các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng gồm:

	2008	2007
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Dự phòng chung (i)	148.354	76.580
Dự phòng cụ thể (ii)	175.678	40.383
	324.032	116.963

(i) Biến động dự phòng chung các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng như sau:

	2008	2007
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Số dư đầu năm	76.580	28.283
Trích lập dự phòng trong năm	71.774	48.297
Số dư cuối năm	148.354	76.580

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

(ii) Biến động dự phòng cụ thể các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng như sau:

	2008 Triệu VNĐ	2007 Triệu VNĐ
Số dư đầu năm	40.383	86.464
Trích lập dự phòng trong năm	537.171	10.818
Hoàn nhập dự phòng nợ khó đòi	(6.225)	-
Xóa sổ dự phòng	(395.651)	(56.899)
Số dư cuối năm	<u>175.678</u>	<u>40.383</u>

7. Ứng trước để mua chứng khoán

Đây là các khoản ứng trước ngắn hạn bằng VNĐ cho các công ty chứng khoán để mua chứng khoán hộ Tập đoàn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, không có khoản chứng khoán nào được mua theo các hợp đồng ủy thác mua chứng khoán của Tập đoàn với các công ty này.

8. Đầu tư góp vốn dài hạn

	2008 Triệu VNĐ	2007 Triệu VNĐ
Đầu tư góp vốn dài hạn – giá gốc (i)	72.165	38.765
Dự phòng các khoản đầu tư góp vốn dài hạn (ii)	(5.740)	(1.835)
	<u>66.425</u>	<u>36.930</u>

(i) Chi tiết về các khoản đầu tư góp vốn dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

	Tổng vốn điều lệ của tổ chức được đầu tư Triệu VNĐ	Mệnh giá của các khoản đầu tư Triệu VNĐ	%	Giá gốc của các khoản đầu tư Triệu VNĐ
Đầu tư vào các tổ chức tài chính và các tổ chức tương tự				
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh	849.312	13.940	1,65%	14.657
Công ty Tài chính Hóa chất	300.000	30.000	10%	30.000
Đầu tư vào các doanh nghiệp khác				
Công ty cổ phần VINACONEX	1.500.000	10.000	0,67%	20.823
Công ty Cổ phần S-Media	20.000	2.200	11%	2.200
Công ty Cổ phần đầu tư và kinh doanh vàng	100.000	1.600	1,6%	1.600
Công ty Cổ phần Thẻ Tín dụng và Dịch vụ Ngân hàng	50.000	1.000	2%	1.000
Công ty Cổ phần Sàn Giao Dịch Bất Động Sản Việt Nam	660.000	660	10%	660
Công ty Đào tạo Nghiệp vụ Ngân hàng	5.267	562	10,65%	562
Công ty Cổ phần Đầu tư PCB	20.000	380	1,90%	380
S.W.I.F.T SCRL	279.381	283	0,10%	283
		<u>60.625</u>		<u>72.165</u>

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

	Tổng vốn điều lệ của tổ chức được đầu tư Triệu VNĐ	Mệnh giá của các khoản đầu tư Triệu VNĐ	%	Giá gốc của các khoản đầu tư Triệu VNĐ
Đầu tư vào các tổ chức tài chính và các tổ chức tương tự				
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà Thành phố Hồ Chí Minh	849.312	14.018	1,65%	14.264
Đầu tư vào các doanh nghiệp khác				
Công ty cổ phần VINACONEX	1.500.000	10.000	0,67%	20.823
Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Dung Quất	49.000	1.535	3,13%	1.535
Công ty Cổ phần Thẻ Tín dụng và Dịch vụ Ngân hàng	Không có	970	Không có	1.000
S.W.I.F.T SCRL	279.381	283	0,10%	283
Công ty Cổ phần Thương mại và cho thuê Thiết bị LEACON	2.600	250	9,62%	250
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Thiên Bảo	3.600	300	8,33%	300
Công ty Đào tạo Nghiệp vụ Ngân hàng	2.910	310	10,65%	310
		<u>27.666</u>		<u>38.765</u>

(ii) Biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn dài hạn như sau:

	2008 Triệu VNĐ	2007 Triệu VNĐ
Số dư đầu năm	1.835	-
Trích lập dự phòng trong năm	5.740	1.835
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(1.835)	-
Số dư cuối năm	<u>5.740</u>	<u>1.835</u>

9. Tài sản cố định

	2008 Triệu VNĐ	2007 Triệu VNĐ
Tài sản cố định hữu hình (i)	452.772	330.944
Tài sản cố định vô hình (ii)	111.490	57.256
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12.403	48.770
	<u>576.665</u>	<u>436.970</u>

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

(i) Tài sản cố định hữu hình

	Trụ sở và chi phí cải tạo trụ sở Triệu VNĐ	Thiết bị văn phòng Triệu VNĐ	Phương tiện vận chuyển Triệu VNĐ	Tài sản khác Triệu VNĐ	Tổng cộng Triệu VNĐ
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	229.376	112.494	27.614	5.367	374.851
Tăng trong năm	11.377	96.237	43.316	5.570	156.500
Thanh lý	(93)	(166)	(2.526)	(45)	(2.830)
Số dư cuối năm	240.660	208.565	68.404	10.892	528.521
Khấu hao lũy kế					
Số dư đầu năm	8.470	24.982	9.514	941	43.907
Khấu hao trong năm	5.778	20.321	6.579	773	33.451
Thanh lý	(44)	(117)	(1.435)	(13)	(1.609)
Số dư cuối năm	14.204	45.186	14.658	1.701	75.749
Giá trị còn lại					
Số dư cuối năm	226.456	163.379	53.746	9.191	452.772
Số dư đầu năm	220.906	87.512	18.100	4.426	330.944

(ii) Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm vi tính Triệu VNĐ	Quyền sử dụng đất Triệu VNĐ	Tài sản khác Triệu VNĐ	Tổng cộng Triệu VNĐ
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	38.016	27.784	1.878	67.678
Tăng trong năm	43.599	18.780	648	63.027
Số dư cuối năm	81.615	46.564	2.526	130.705
Khấu hao lũy kế				
Số dư đầu năm	9.840	185	397	10.422
Khấu hao trong năm	8.514	19	260	8.793
Số dư cuối năm	18.354	204	657	19.215
Giá trị còn lại				
Số dư cuối năm	63.261	46.360	1.869	111.490
Số dư đầu năm	28.176	27.599	1.481	57.256

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

10. Tài sản khác

	2008 Triệu VNĐ	2007 Triệu VNĐ
Lãi dự thu	877.829	442.092
Tạm ứng cho các hoạt động ngân hàng	16.819	6.848
Chi phí trả trước	35.818	29.248
Tạm ứng để mua tài sản	68.244	-
Đặt cọc để mua ngoại tệ	96.772	-
Phải thu từ kinh doanh vàng	123.080	-
Tài sản khác	259.968	163.565
	<u>1.478.530</u>	<u>641.753</u>

11. Tiền gửi của và tiền vay từ các tổ chức tài chính

	2008 Triệu VNĐ	2007 Triệu VNĐ
Tiền gửi không kỳ hạn	396.773	1.325.957
Tiền gửi có kỳ hạn	7.798.782	7.130.777
Tiền vay	774.714	2.169
	<u>8.970.269</u>	<u>8.458.903</u>

Lãi suất năm thực tế tại thời điểm cuối năm như sau:

	2008	2007
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ	2,40%	2,4%
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,10%	0,1%
Tiền vay và tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	5% - 19,2%	6% - 9,6%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,5% - 5,85%	4,2% - 5,67%

12. Tiền gửi của khách hàng

	2008 Triệu VNĐ	2007 Triệu VNĐ
Tiền gửi không kỳ hạn	5.138.110	4.713.490
Tiền gửi tiết kiệm	27.137.483	12.706.720
Tiền gửi có kỳ hạn	6.312.853	5.760.104
Tiền gửi ký quỹ	1.029.277	996.262
	<u>39.617.723</u>	<u>24.176.576</u>
Tiền gửi của khách hàng mua chứng khoán theo hợp đồng mua bán lại	-	300.000
	<u>39.617.723</u>	<u>24.476.576</u>

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)**

Tiền gửi không kỳ hạn có thể phải hoàn trả bất cứ lúc nào. Tiền gửi có kỳ hạn và tiền gửi tiết kiệm có lãi suất cố định và thả nổi có các kỳ hạn gốc từ 1 tháng đến 60 tháng.

Tiền gửi ký quỹ bao gồm tiền gửi ký quỹ để thanh toán séc, mở thư tín dụng và các bảo lãnh tài chính khác như bảo lãnh vay vốn, thanh toán, dự thầu, thực hiện hợp đồng và các hợp đồng mua bán hàng hóa tương lai của khách hàng và các mục đích khác.

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng khách hàng như sau:

	2008 Triệu VNĐ	2007 Triệu VNĐ
Các đơn vị kinh tế	9.884.499	10.057.308
Cá nhân	29.733.224	14.119.268
	<u>39.617.723</u>	<u>24.176.576</u>

Lãi suất năm thực tế tại thời điểm cuối năm như sau:

	2008	2007
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ	2,4% - 3%	0%
Tiền gửi không kỳ hạn bằng USD	1% - 1,5%	1% - 1,5%
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng VNĐ	3%	2,4%
Tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn bằng USD	1% - 1,5%	1% - 1,5%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	8,6% - 16,49%	8,06% - 9,52%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng USD	3,83% - 7,51%	4,62% - 5,44%

13. Dự phòng chung cho các cam kết

	2008 Triệu VNĐ	2007 Triệu VNĐ
Số dư đầu năm	25.216	5.279
Trích lập dự phòng trong năm	8.987	19.937
Số dư cuối năm	<u>34.203</u>	<u>25.216</u>

14. Phải trả khác

	2008 Triệu VNĐ	2007 Triệu VNĐ
Lãi dự trả	1.000.315	471.795
Cổ tức phải trả	1.579	1.894
Phải trả nhân viên	47.082	5.442
Dự phòng trợ cấp thôi việc (i)	3.674	3.674
Chuyển tiền phải trả	63.266	35.720
Các khoản phải trả khác	289.340	119.658
	<u>1.405.256</u>	<u>638.183</u>

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)**

(i) Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc như sau:

	2008 Triệu VNĐ	2007 Triệu VNĐ
Số dư đầu năm	3.674	3.674
Trích lập dự phòng trong năm	-	-
Số dư cuối năm	<u>3.674</u>	<u>3.674</u>

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 mươi lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ (hiện tại là 540.000 Đồng/tháng). Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

15. Dự phòng thuế phải nộp

	2008 Triệu VNĐ	2007 Triệu VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	5.760	3.638
Thuế thu nhập doanh nghiệp	406.596	147.223
Các loại thuế khác	10.086	5.463
	<u>422.442</u>	<u>156.324</u>

16. Vốn cổ phần

	2008		2007	
	Số lượng cổ phiếu	Triệu VNĐ	Số lượng cổ phiếu	Triệu VNĐ
Vốn cổ phần được phát hành	364.201.495	3.642.015	252.130.800	2.521.308

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn là 10.000 VNĐ.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2008 Triệu VNĐ	2007 Triệu VNĐ
Số dư tại ngày 1 tháng 1	2.521.308	1.500.000
Cổ phiếu được phát hành trong năm	208.955	859.102
Kết chuyển từ thặng dư vốn cổ phần	476.779	-
Kết chuyển từ các quỹ	434.973	12.840
Cổ phiếu thưởng	-	149.366
Số dư tại ngày 31 tháng 12	<u>3.642.015</u>	<u>2.521.308</u>

17. Các quỹ dự trữ

	2008 Triệu VNĐ	2007 Triệu VNĐ
Ngân hàng (i)	281.412	146.322
Các công ty con (ii)	1.765	-
	<u>283.177</u>	<u>146.322</u>

(i) Ngân hàng

(Triệu VNĐ)	Quỹ bổ sung vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Quỹ phát triển kinh doanh	Tổng cộng
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2007	23.319	59.196	2.479	786	473	86.253
Trích lập các quỹ	25.519	48.487	11.328	18.169	-	103.503
Kết chuyển sang vốn cổ phần	(12.840)	-	-	-	-	(12.840)
Sử dụng các quỹ trong năm	-	-	(11.639)	(18.955)	-	(30.594)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	<u>35.998</u>	<u>107.683</u>	<u>2.168</u>	<u>-</u>	<u>473</u>	<u>146.322</u>
Trích lập các quỹ	457.734	111.457	15.486	24.633	-	609.310
Kết chuyển sang vốn cổ phần	(434.973)	-	-	-	-	(434.973)
Sử dụng các quỹ trong năm	-	-	(14.836)	(26.406)	-	(41.242)
Biến động khác	-	-	54	1.941	-	1.995
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	<u>58.759</u>	<u>219.140</u>	<u>2.872</u>	<u>168</u>	<u>473</u>	<u>281.412</u>

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

Ngân hàng phải thực hiện việc trích lập các quỹ dưới đây trước khi phân bổ lợi nhuận:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần:	5% lợi nhuận sau thuế	Vốn cổ phần
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	25% Vốn cổ phần

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp cho các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh. Quỹ dự trữ này cùng với quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần không được phân chia.

Quỹ phúc lợi và khen thưởng được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo quyết định của Hội đồng quản trị và được sử dụng chủ yếu để thanh toán cho các nhân viên của Ngân hàng. Các quỹ này không bắt buộc phải trích lập theo luật định và được phân chia.

(ii) Các công ty con

	Quỹ bổ sung vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Tổng cộng
(Triệu VNĐ)			
Trích lập các quỹ và số dư cuối năm	754	1.011	1.765

Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Kỹ thương

Theo Thông tư số 27/2007/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2007 do Bộ Tài chính ban hành, các công ty chứng khoán phải trích lập các quỹ dưới đây từ lợi nhuận sau thuế trước khi phân bổ lợi nhuận:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	100% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp cho các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh. Quỹ dự trữ này cùng với quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ không được phân chia.

Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Công ty TNHH Quản lý tài sản

Việc trích lập các quỹ trước khi phân chia lợi nhuận cũng được quy định như đối với Ngân hàng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

18. Thu nhập tiền lãi ròng

	2008 Triệu VNĐ	2007 Triệu VNĐ
<i>Thu nhập lãi và các khoản có tính chất lãi</i>		
Các khoản cho vay và ứng trước cho khách hàng	3.973.386	1.447.519
Các khoản tiền gửi và cho vay cho các tổ chức tín dụng khác	1.285.870	487.268
Các khoản đầu tư	959.521	391.215
	<u>6.218.777</u>	<u>2.326.002</u>
<i>Chi phí lãi và các khoản có tính chất lãi</i>		
Tiền gửi của khách hàng	(4.122.832)	(1.329.180)
Tiền vay từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các tổ chức tín dụng	(151.736)	(17.809)
Phát hành giấy tờ có giá	(183.466)	(53.739)
	<u>(4.458.034)</u>	<u>(1.400.728)</u>
Thu nhập tiền lãi ròng	<u><u>1.760.743</u></u>	<u><u>925.274</u></u>

19. Thu nhập ròng từ phí dịch vụ và hoa hồng

	2008 Triệu VNĐ	2007 Triệu VNĐ
<i>Thu phí dịch vụ và hoa hồng</i>		
Bảo lãnh	56.590	25.388
Dịch vụ thanh toán và tiền mặt	245.079	117.425
Dịch vụ môi giới các giao dịch hàng hóa tương lai	47.499	30.373
Dịch vụ liên quan đến hoạt động tín dụng	51.945	-
Dịch vụ tư vấn	45.029	-
Dịch vụ khác	97.128	33.772
	<u>543.270</u>	<u>206.958</u>
<i>Chi phí dịch vụ và hoa hồng</i>		
Dịch vụ thanh toán và tiền mặt	(41.605)	(20.892)
Dịch vụ môi giới các giao dịch hàng hóa tương lai	(12.298)	(7.671)
Dịch vụ khác	(6.490)	(1.459)
	<u>(60.393)</u>	<u>(30.022)</u>
Thu nhập ròng từ phí dịch vụ và hoa hồng	<u><u>482.877</u></u>	<u><u>176.936</u></u>

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

20. Chi phí quản lý chung

	Năm kết thúc 31/12/2008 Triệu VNĐ	Năm kết thúc 31/12/2007 Triệu VNĐ
Chi phí hoạt động	53.359	64.034
Chi phí thuê văn phòng	124.648	46.459
Chi phí dụng cụ và thiết bị	79.315	33.276
Chi phí in ấn, tiếp thị và khuyến mại	72.133	26.815
Chi phí bảo dưỡng và sửa chữa tài sản	35.606	19.098
Thuế, lệ phí và phí	48.110	16.408
Các chi phí khác	49.590	13.516
	462.761	219.606

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2008 Triệu VNĐ	2007 Triệu VNĐ
Dự phòng thuế TNDN thiếu của các năm trước	150	-
Năm hiện tại	432.622	199.356
	432.772	199.356

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

		2008 Triệu VNĐ		2007 Triệu VNĐ
Lợi nhuận trước thuế		1.615.855		709.740
Thuế theo thuế suất thuế TNDN áp dụng	28,00%	452.439	28,00%	198.727
Thu nhập không chịu thuế	(1,36%)	(22.100)	(0,13%)	(915)
Thuế chuyên nhượng quyền sử dụng đất	-	-	0,22%	1.544
Điều chỉnh thuế TNDN cho một công ty con	0,09%	1.512	-	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	0,05%	771	-	-
Dự phòng thuế thiếu của năm trước	-	150	-	-
		26,78%		28,09%
		432.772		199.356

(c) Thuế suất áp dụng

Ngân hàng và các công ty con có nghĩa vụ nộp thuế TNDN cho Nhà nước theo thuế suất bằng 28% lợi nhuận chịu thuế. Việc tính thuế TNDN phụ thuộc vào sự kiểm tra và phê duyệt của cơ quan thuế.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, thuế suất thuế TNDN của Ngân hàng và các công ty con giảm từ 28% xuống 25% do thay đổi trong luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 được dựa trên lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn là 1.183.083 triệu VNĐ (2007: 510.384 triệu VNĐ) và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm là 277.759.343 (2007: 157.769.649), được tính toán như sau:

(i) Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn

	2008 Triệu VNĐ	2007 Triệu VNĐ
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn	1.183.083	510.384

(ii) Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông

	2008	2007
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	252.130.795	150.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu được phát hành trong năm	25.628.548	7.769.649
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông trong năm	277.759.343	157.769.649

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2008 VND	2007 VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.259	3.235

23. Tiền và các khoản tương đương tiền

	2008 Triệu VNĐ	2007 Triệu VNĐ
Tiền mặt tại quỹ Vàng	1.337.739	496.165
Tiền gửi tại NHNNVN	228.229	8
Tiền gửi tại các tổ chức tài chính khác	2.296.574	1.298.682
	9.426.876	3.981.003
	13.289.418	5.775.858

Bao gồm trong tiền và tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 có số ngoại tệ là 2.694.873 triệu VNĐ (Ngày 31 tháng 12 năm 2007: 2.097.769 triệu VNĐ).

24. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Tập đoàn có thực hiện các giao dịch với các bên liên quan (các cổ đông, các công ty được Tập đoàn đầu tư vốn, các thành viên Hội đồng Quản trị và các nhân viên của Tập đoàn, gia đình họ và các công ty do họ làm chủ) là khách hàng của Tập đoàn trong kỳ. Các điều khoản của những giao dịch này do ban lãnh đạo Tập đoàn phê duyệt.

Số dư và các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong năm và tại thời điểm cuối năm như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	Số dư	
	2008 Triệu VNĐ	2007 Triệu VNĐ
Tiền gửi tại Tập đoàn		
Ngân hàng Hồng Kông Thượng Hải ("HSBC")	852.896	743.393
Tiền cho vay của Tập đoàn		
Công ty Công nghệ Mới	-	12.687
Công ty Xuất Nhập khẩu Hàng không	-	2.677
Tiền gửi tại Tập đoàn		
HSBC	436.376	1.458.911
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	215.147	81.830
Cụm cảng hàng không Miền Trung	59.600	63.990
Công ty Dịch vụ Hàng không Tân Sơn Nhất	21.117	37.625
Công ty Xuất Nhập khẩu Hàng không	2.326	5.067
Công ty Thương mại Masan	10.703	59
Công ty Cổ phần Tiếp vận Masan	2.358	4.529
Giấy tờ có giá		
HSBC	340.000	340.000
Ngoại tệ đang chuyển		
HSBC	242.068	-
Chi phí chờ phân bổ		
HSBC	5.901	10.533
	Giao dịch trong năm	2007
	2008	2007
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Thu nhập lãi		
HSBC	21.797	13.053
Chi phí lãi		
HSBC	55.038	27.561
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	21.725	-
Cụm cảng hàng không Miền Trung	14.079	5.095
Công ty Dịch vụ Hàng không Tân Sơn Nhất	3.373	729

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

25. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo phân vùng địa lý

Tập đoàn phân chia bộ phận theo các vùng chính của Việt Nam bao gồm miền Bắc, miền Trung và miền Nam như sau:

Triệu VNĐ	Miền Bắc		Miền Trung		Miền Bắc		Loại bỏ		Tổng cộng	
	2008	2007	2008	2007	2008	2007	2008	2007	2008	2007
Tài sản	45.525.516	26.560.932	2.254.601	1.565.660	15.690.472	11.415.904	(4.401.534)	-	59.069.055	39.542.496
Công nợ	40.040.223	23.205.374	2.191.083	1.546.420	15.198.471	11.217.286	(3.986.130)	-	53.443.647	35.969.080
Doanh thu	5.560.523	1.621.330	335.619	118.521	1.937.972	906.907	(17.330)	-	7.816.784	2.646.758
Chi phí	4.494.782	1.129.450	272.101	99.280	1.445.971	708.288	(11.926)	-	6.200.928	1.937.018
Lợi nhuận	1.065.741	491.882	63.518	19.240	492.001	198.618	(5.404)	-	1.615.856	709.740
Tài sản cố định	536.467	418.121	14.769	7.954	25.429	10.895	-	-	576.665	436.970

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Triệu VNĐ	Ngân hàng		Quản lý tài sản		Chứng khoán		Quản lý vốn		Loại bỏ		Tổng cộng	
	2008	2007	2008	2007	2008	2007	2008	2007	2008	2007	2008	2007
Tài sản	59.360.485	39.542.496	3.752.653	-	316.866	40.585	-	-	(4.401.534)	-	59.069.055	39.542.496
Công nợ	53.744.931	35.969.080	3.676.936	-	7.509	401	-	-	(3.986.130)	-	53.443.647	35.969.080
Doanh thu	7.806.162	2.646.758	13.649	-	13.716	587	-	-	(17.330)	-	7.816.784	2.646.758
Chi phí	6.205.814	1.937.018	5.709	-	999	332	-	-	(11.926)	-	6.200.928	1.937.018
Lợi nhuận	1.600.348	709.740	7.940	-	12.717	255	-	-	(5.404)	-	1.615.856	709.740
Tài sản cố định	574.479	436.970	2.053	-	133	-	-	-	-	-	576.665	436.970

Tập đoàn hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng bán lẻ, quản lý tài sản, kinh doanh chứng khoán và quản lý quỹ.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

26. Kỳ đáo hạn của các tài sản và công nợ tài chính

Bảng dưới đây trình bày phân tích tài sản và công nợ tài chính của Tập đoàn theo các nhóm kỳ đáo hạn tương ứng tính theo thời hạn còn lại từ thời điểm lập bảng cân đối kế toán cho đến ngày phải thanh toán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008:

	Quá hạn trên 1 năm	Quá hạn từ 6 tháng đến 1 năm	Quá hạn dưới 6 tháng	Dưới 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 tháng đến 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Tài sản								
Tiền mặt tại quỹ và vàng	-	-	-	1.565.968	-	-	-	1.565.968
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	-	2.296.574	-	-	-	2.296.574
Tiền gửi tại các tổ chức tài chính	-	-	-	9.837.746	1.798.879	2.814.243	1.196.221	15.647.089
Chứng khoán đầu tư – gộp	-	-	-	857.428	360.000	857.121	8.571.338	10.645.887
Các khoản cho vay và ứng trước – gộp	15.755	172.560	476.774	3.814.881	2.553.838	12.355.457	6.953.752	26.343.017
Ứng trước mua chứng khoán	-	-	-	-	-	921.250	-	921.250
Đầu tư góp vốn dài hạn	-	-	-	-	-	-	72.165	72.165
	15.755	172.560	476.774	18.372.597	4.712.717	16.948.071	16.793.476	57.491.950
Nợ phải trả								
Tiền gửi của và tiền vay từ các tổ chức tài chính	-	-	500.000	4.833.376	1.479.376	778.393	1.379.124	8.970.269
Nguồn vốn ủy thác	-	-	-	-	-	6.004	225.957	231.961
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	13.423.880	6.577.023	14.908.881	4.707.939	39.617.723
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	340.122	260.381	312.949	1.848.341	2.761.793
Dự phòng thuế phải nộp	-	-	-	-	6.340	416.102	-	422.442
	-	-	500.000	18.597.378	8.323.120	16.422.329	8.161.361	52.004.188
Chênh lệch thuần	15.755	172.560	(23.226)	(224.781)	(3.610.403)	525.742	8.632.115	5.487.762

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007:

	Quá hạn trên 1 năm	Quá hạn từ 6 tháng đến 1 năm	Quá hạn từ dưới 6 tháng	Dưới 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 tháng đến 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
	Triệu VND							
Tài sản								
Tiền mặt tại quỹ	-	-	-	496.173	-	-	-	496.173
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	-	1.298.682	-	-	-	1.298.682
Tiền gửi tại các tổ chức tài chính	-	-	-	4.543.072	501.139	3.111.132	1.148.342	9.303.685
Chứng khoán đầu tư	-	-	-	1.187.708	-	478.261	5.176.203	6.842.172
Các khoản cho vay và ứng trước-gộp	106.494	81.097	413.002	1.488.572	1.876.440	11.247.081	5.390.408	20.603.094
Đầu tư góp vốn dài hạn	-	-	-	-	-	-	38.765	38.765
	106.494	81.097	413.002	9.014.207	2.377.579	14.836.474	11.753.718	38.582.571
Nợ phải trả								
Tiền vay từ NHNN	-	-	-	301.993	-	-	-	301.993
Tiền gửi của và tiền vay từ các tổ chức tài chính	-	-	-	3.678.121	1.732.507	2.631.963	416.312	8.458.903
Nguồn vốn ủy thác	-	-	-	801	298	32.846	127.225	161.170
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	7.835.050	2.811.535	8.581.273	5.248.718	24.476.576
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	715	-	-	1.750.000	1.750.715
Dự phòng thuế phải nộp	-	-	-	-	-	156.324	-	156.324
	-	-	-	11.816.680	4.544.340	11.402.406	7.542.255	35.305.681
Chênh lệch thuần	106.494	81.097	413.002	(2.802.473)	(2.166.761)	3.434.068	4.211.463	3.276.890

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

27. Đơn vị tiền tệ của các tài sản và nợ phải trả

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008:

	VND	USD	EUR	JPY	Tiền tệ khác	Tổng cộng
Tài sản						
Tiền mặt và vàng	635.162	251.341	256.727	99.793	322.945	1.565.968
Tiền gửi tại NHNNVN	1.978.057	318.517	-	-	-	2.296.574
Tiền gửi tại các tổ chức tài chính	11.176.880	4.460.953	11.511	(2.255)	-	15.647.089
Chứng khoán đầu tư - gộp	10.645.632	255	-	-	-	10.645.887
Các khoản cho vay và ứng trước-gộp	22.684.371	3.623.726	34.597	323	-	26.343.017
Ứng trước mua chứng khoán	921.250	-	-	-	-	921.250
Đầu tư góp vốn dài hạn	72.165	-	-	-	-	72.165
Tài sản cố định	576.665	-	-	-	-	576.665
Tài sản khác	1.140.488	320.288	17.752	2	-	1.478.530
	49.830.670	8.975.080	320.587	97.863	322.945	59.547.145
Nợ phải trả						
Tiền gửi của các tổ chức tài chính	7.063.197	1.550.063	280.208	76.801	-	8.970.269
Nguồn vốn ủy thác	231.961	-	-	-	-	231.961
Tiền gửi của khách hàng	31.103.300	8.189.573	300.285	24.565	-	39.617.723
Phát hành giấy tờ có giá	2.761.793	-	-	-	-	2.761.793
Công nợ khác	1.118.170	245.143	1.770	40.173	-	1.405.256
Dự phòng thuế phải nộp	422.442	-	-	-	-	422.442
	42.700.863	9.984.779	582.263	141.539	-	53.409.444
Số dư thuần	7.129.807	(1.009.699)	(261.676)	(43.676)	322.945	6.137.701

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007:

	VNĐ	USD	EUR	JPY	Tiền tệ khác	Tổng cộng
Tài sản						
Tiền mặt và vàng	345.293	120.069	25.606	1.407	3.798	496.173
Tiền gửi tại NHNNVN	1.143.013	155.669	-	-	-	1.298.682
Tiền gửi tại các tổ chức tài chính	6.815.622	2.384.974	96.883	-	6.206	9.303.685
Chứng khoán đầu tư	6.842.172	-	-	-	-	6.842.172
Các khoản cho vay và ứng trước-gộp	15.445.465	5.084.133	73.496	-	-	20.603.094
Đầu tư góp vốn dài hạn	38.765	-	-	-	-	38.765
Tài sản cố định	436.970	-	-	-	-	436.970
Tài sản khác	556.806	70.073	534	14.340	-	641.753
	31.624.106	7.814.918	196.519	15.747	10.004	39.661.294
Nợ phải trả						
Vay từ NHNNVN	301.993	-	-	-	-	301.993
Tiền gửi của các tổ chức tài chính	6.035.926	2.350.516	71.119	1.342	-	8.458.903
Nguồn vốn ủy thác	161.170	-	-	-	-	161.170
Tiền gửi của khách hàng	18.994.935	5.289.481	176.930	9.189	6.041	24.476.576
Phát hành giấy tờ có giá	1.750.715	-	-	-	-	1.750.715
Công nợ khác	559.002	78.532	649	-	-	638.183
Dự phòng thuế phải nộp	156.324	-	-	-	-	156.324
	27.960.065	7.718.529	248.698	10.531	6.041	35.943.864
Số dư thuần	3.664.041	96.389	(52.179)	5.216	3.963	3.717.430

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)

28. Các hợp đồng mua bán hàng hóa tương lai

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

<i>Giá trị theo các thị trường</i>	Mua Triệu VNĐ	Bán Triệu VNĐ	Số dư thuần Triệu VNĐ
Thị trường Cà phê Luân Đôn và Thị trường New York	89.855	11.376	78.479
Thị trường Chicago	2.058	2.971	(913)
Thị trường Kim loại Luân Đôn	1.300.122	1.373.444	(73.322)
Thị trường cao su Nhật Bản (Tocom)	3.398	26.530	(23.132)
	<u>1.395.433</u>	<u>1.414.321</u>	<u>(18.888)</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007

<i>Giá trị theo các thị trường</i>	Mua Triệu VNĐ	Bán Triệu VNĐ	Số dư thuần Triệu VNĐ
Thị trường Cà phê Luân Đôn và thị trường New York	20.895	276.716	(255.821)
Thị trường Chicago	91.556	88.732	2.824
Thị trường Kim loại Luân Đôn	5.912.698	5.412.728	499.970
Thị trường cao su Nhật Bản (Tocom)	26.712	102.978	(76.266)
	<u>6.051.861</u>	<u>5.881.154</u>	<u>170.707</u>

Tập đoàn là bên môi giới giúp khách hàng ký kết các hợp đồng hàng hóa tương lai.

29. Các cam kết

(i) Chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Tập đoàn có những cam kết chi tiêu vốn sau đã được phê duyệt nhưng chưa được hạch toán trên bảng cân đối kế toán:

	2008 VNĐ'000	2007 VNĐ'000
Được phê duyệt nhưng chưa kí hợp đồng	-	-
Được phê duyệt và kí hợp đồng	123.675	45.116
	<u>123.675</u>	<u>45.116</u>

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
(tiếp theo)

(ii) Hợp đồng thuê

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, các khoản phải trả tối thiểu theo những hợp đồng thuê tài sản hoạt động không hủy ngang như sau:

	2008 Triệu VNĐ	2007 Triệu VNĐ
Dưới một năm	9.006	5.780
Từ hai đến năm năm	311.093	160.416
Trên năm năm	231.977	69.029
	552.076	235.225

30. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Tại ngày phát hành các báo cáo tài chính hợp nhất này, tổng giá trị hợp lý của các khoản đầu tư của Tập đoàn bị giảm so với giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 do sự suy giảm trên thị trường chứng khoán trong nước. Chi tiết sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư như sau:

	Giá trị hợp lý tại ngày 31/12/2008 Triệu VNĐ	Giá trị hợp lý tại ngày 12/3/2009 Triệu VNĐ	Chênh lệch Triệu VNĐ
Cổ phiếu niêm yết	117.029	104.496	12.533
Cổ phiếu chưa niêm yết	150.087	144.427	5.660
	267.116	248.923	18.193



Nguyễn Đức Vinh
 Tổng Giám đốc

Phê duyệt bởi:


 Trần Văn Chiến
 Kế toán trưởng